

DOAN BUI



NGƯỜI CHIA IM LẶNG

Thuận dịch



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

NGƯỜI CHA IM LẶNG

Tác giả: **Doan Bui**

Dịch thuật: **Thuận**

Phát hành: **Phương Nam Book**

Nhà xuất bản: **Hội Nhà Văn**

Ebook: **nguyenthanh-cuibap**

Thể loại: **Văn học**

Nguồn text: **Waka**

GIẤC MƠ

Một đêm tôi mơ thấy giọng nói của cha tôi. Tôi đang cầm điện thoại. Ban đầu, tôi không nghe thấy gì cả. Chỉ thoáng một hơi thở, vài tiếng lạo xạo ở đường dây. “A lô, cha đấy phải không?”. Chính vào lúc ấy thì giọng nói xuất hiện chẳng rõ từ đâu, mơ hồ, xa xôi. Tôi đã lo là cuộc nói chuyện sẽ bị ngắt. Tôi dỏng tai về phía giọng nói ấy, nó thật nhỏ và rè rè như thể phát ra từ một sóng radio nghe trộm.

Giọng của cha tôi, tôi biết, một thứ giọng phát âm từ trong họng được chuyển thành trầm mỗi khi nói tiếng Pháp, như kiểu một ca sĩ có giọng nam trung cổ hát những nốt nhạc thấp nhất. Nó còn trở nên xa lạ hơn nữa khi bị làm méo đi bởi chiếc máy thu âm mà cha dùng để đọc những bản báo cáo trong phòng thí nghiệm phân tích y khoa nơi ông làm việc:

Khối u trung mô, khối u trung biểu mô, nhiều tế bào bướu ác xuất phát từ tuyến có hạch nhân, có sẵn tế bào chất khoang nước.

Lúc nói tiếng Việt, giọng cha tự nhiên hơn. Nhưng vẫn khiến tôi hoang mang. Cha nói giọng Bắc. Tôi thì lại quen với giọng của mẹ tôi, bà ngoại tôi, các dì tôi, với cách phát âm du dương và từ trong mũi của người Nam. Tôi có cảm giác ngôn từ phát ra từ miệng cha rơi xuống giống như những viên đá cuội có hình thù kỳ lạ và sắc nhọn.

Cha ấy à, trong nhà chúng tôi nghe thấy cha từ xa. Tiếng ho suyễn và tiếng của chai xịt chống hen Ventoline thường đến để đệm vào ngôn từ của cha như mô-típ lặp đi lặp lại buồn bã của một bản giao hưởng. Trong giấc mơ ấy của tôi, tôi nhận ra những âm thanh đó. Một thoáng giọng, hơi thở đè lên ngôn từ, tiếng phì phò. Chính cha tôi đấy.

Thế là nỗi hoảng sợ của tôi tan biến. Niềm vui tràn ngập trong tôi. Tựa như trong một giấc mộng ta được gặp lại người cha đã qua đời: vui sướng, ta bảo, ồ cha vẫn đây cơ à, vậy là ác mộng qua rồi, sao con mơ thấy cha chết nhỉ, con nhớ cha quá đi thôi!

Được nói chuyện với cha, tôi mừng khôn xiết. Bình thường mỗi khi tôi gọi điện về nhà và nếu cha là người cầm máy, tôi chỉ nói: “Chào cha, cha khỏe chứ?”, một cách hờ hững, rồi sau đó dường như luôn luôn là câu: “Cha chuyển máy cho mẹ được không?”. Cha tôi hay trả lời ngắn gọn: “Mẹ con không có nhà”, hoặc “Mẹ con một tiếng nữa mới về”.

Trong giấc mơ ấy, tôi muốn vót vát những cuộc nói chuyện thường xuyên bị thui chột của chúng tôi, tôi hỏi cha: “Ồ, mà bây giờ cha nói được rồi? Cuối cùng, cha lại có giọng rồi!”. Tôi không nhớ cha đã nói gì. Tôi chỉ lắng nghe giọng cha.

Tôi thức dậy. Và bật khóc. Tôi lại cảm thấy một cục chì nặng đè lên ngực, và biết rằng sẽ không bao giờ nghe thấy giọng cha. Cha vẫn còn đây, nhưng giọng cha đã chết.

AOA

Tháng Chín năm 2005. Trong nhà chúng tôi, sự im lặng mang một nét riêng, đó là tiếng chuông điện thoại vang lên ở chỗ trống. Có những âm thanh thấm vào óc người ta, óc của tôi đã chuyển chúng thành những nốt nhạc, một xướng âm phát ra từ bên trong, tôi nghe thấy hợp âm rê-la, rê-la đều đặn của tiếng còi ô tô cảnh sát, còn hợp âm si-la, si-la rên rỉ và xé lòng của còi xe cứu thương, si thì đỏ như máu, la thì trắng như bệnh viện. Sự im lặng của tôi vang lên như một nốt la. Nốt la này, các nhạc sĩ dùng để lên dây trước khi chơi cùng nhau một bài; nốt la này, chúng tôi luôn hòa hợp với nhau trong gia đình.

Hai ngày cuối tuần tháng Chín ấy, em gái út của tôi, ta hãy gọi là Bùi 5 (đó là thứ bậc của nó trong nhà), đang ở nhà tôi tại Paris. Cha mẹ tôi ở một mình trong ngôi nhà ở Le Mans^[1]. Tôi và Bùi 5 gọi điện cho mẹ liên tục. Không ai trả lời. Cuối cùng, mẹ tôi nhắc máy: Cha. Nhập viện. Có vấn đề. Và tách một cái mẹ tôi đặt máy: Đó là một thói quen của mẹ mỗi khi mẹ không muốn nói chuyện.

Mặt trời đang lặn ngoài cửa kính. Một thứ ánh sáng tuyệt đẹp của những ngày cuối hạ làm gương mặt của chúng tôi vàng ươm, nhưng đầy khắc khoải đợi chờ. Cuối cùng thì bóng đêm cũng trùm lên tất cả. Chiếc điện thoại nhìn chúng tôi chăm chăm. Gọi điện, gọi điện không dứt. Và bao giờ cũng là nốt la của tiếng chuông ấy. Cuối cùng thì nghe thấy giọng mẹ tôi. Ném ra ba chữ: AVC.

AVC: tai biến mạch máu não.

Tai biến mạch máu não, hay tai biến não, xảy ra khi tuần hoàn máu bị suy yếu, làm ảnh hưởng tới một vùng ít nhiều quan trọng của bộ não.

Nguyên nhân của nó là do một mạch máu bị tắc hay ngừng hoạt động, và gây ra cái chết của những tế bào thần kinh do bị ngắt ôxy cùng các dưỡng chất cần thiết cho nhiệm vụ của chúng. Mức độ di hại của AVC phụ thuộc vào vùng não bị tổn thương. Một trên mười người mắc AVC khỏi bệnh mà không bị hậu quả gì.

Lúc bước vào “nhà”, như chúng tôi vẫn gọi ngôi nhà của cha mẹ ở ngoại ô thành phố Le Mans, tôi có cảm giác đang đi vào thành Pompei ngùn ngụt dung nham núi lửa. Trong phòng ngủ của cha mẹ, đồ đạc vứt lung tung. Chiếc thắt lưng của cha nằm dưới đất. Căn bếp cũng bừa bộn, con dao vẫn để nguyên trên thớt. Chiếc bắp cải bị bỏ phanh ra, khô lại. Bồn cầu chưa kịp giặt nước. Chính trong toa-lét mà cha tôi đã ngã vật xuống và được mẹ tôi đỡ về phòng sau đó.

Trên giường bệnh viện, cha nằm đó, bất động, thân thể cứng đờ. Tai biến thiếu máu cục bộ. Thay đổi cấu trúc mô. Não. Di hại. Chúng tôi không hiểu gì. Tìm các câu trả lời trên trang Doctissimo. Vẫn chẳng hiểu gì. Ba ngày liền cha trong trạng thái lơ mơ. Khi thức dậy, ông bị liệt bán thân, toàn bộ phía phải cơ thể bất động. Mất giọng. Chúng tôi tra cứu Internet và lạc vào mê cung diễn đàn đề cập tới chủ đề này. Chúng tôi tự an ủi bằng thành ngữ kỳ diệu, “sự đàn hồi của não bộ”. Cơ quan đó có khả năng tái tạo lại như loài chim phượng hoàng hồi sinh từ tàn tro của nó. Cha tôi không biết nói nữa? Thì cha sẽ học lại.

Con gái nhỏ của tôi mới được sáu tháng tuổi. Tôi vẫn còn cho nó bú. Chúng tôi bầu vú vào nó. Cái giọng thánh thót của nó khiến chúng tôi khuây khỏa. Tôi ngạt thở trong bốn bức tường, đối diện với thân thể bất động của cha tôi. Con gái tôi cựa quậy là tôi lấy cớ để chuồn, tôi quàng lên người nó cái địu, lẩn nhanh qua những hành lang của bệnh viện. Tôi chỉ đợi lúc mẹ tôi bảo: “Thôi, mình về nhà, thế tốt cho con bé hơn”. Và tôi thở ra khi về tới căn nhà của cha mẹ tôi ở Le Mans. Hút bụi, rửa bát, hay đi chợ ở siêu thị Leclerc. Như thế cuộc sống vẫn tiếp diễn.

Cha tôi được chuyển đến Arche, một trung tâm phục hồi chức năng. Để đi đến đó, phải đi qua khu dân cư qui hoạch, siêu thị Auchan, cửa hàng nguyên vật liệu Castorama, cửa hàng đồ trẻ em Bébé 9, cửa hàng giày La Halle, cửa hàng quần áo Kiabi, cửa hàng đồ gỗ Fly, cửa hàng thể thao Decathlon. Tôi tự ru mình trong quang cảnh đô thị gần gũi này, những bình nguyên thẳng, những hình lập phương bằng sắt và bằng nhựa đặt cạnh nhau, một trò chơi khổng lồ của hãng Lego. Tôi tưởng tượng mình đang ở nơi khác, trong parking của cửa hàng Ikea thị trấn Villers, của quán ăn Flunch khu dân cư qui hoạch thị trấn Courboeuf, của cửa hàng nguyên vật liệu Leroy Merlin thị trấn Jaux-Venette, bất kỳ chỗ nào, trừ con đường dẫn đến Arche: Đó chỉ là một cơn ác mộng.

Trung tâm phục hồi chức năng, bệnh viện, mọi thứ lẫn trong sương mù của bất hạnh. Vẫn những căn phòng ấy, những dãy hành lang trắng, chất nylon trải sàn giảm thanh. Vẫn mùi plastic và mùi thuốc. Và vẫn cảm giác thời gian đang trôi một cách khác biệt. Những giờ phút mềm oặt trì trệ, lẽ mề, uể oải. Ngây dại, chúng tôi nhắc đi nhắc lại những câu hỏi. Những “Tại sao”: Tại sao lại là cha tôi? Tại sao lại lúc này? Những “Giá mà”: Giá mà bác sĩ không cho phép cha ăn muối, giá mà bác sĩ cấm cha uống rượu vang, giá mà cha ăn kiêng, giá mà cha gọi ngay xe cứu thương lúc ấy, giá mà, giá mà...

Trong phòng bệnh của cha, tôi chơi với trước sự im lặng như một bức tường vô hình của ông. Khi có đông người thì còn dễ. Em trai tôi, các em tôi, chúng tôi nói chuyện với nhau bên cạnh thân thể bất động của cha, chúng tôi hỏi rồi chúng tôi trả lời. Đôi khi tôi có cảm giác cha đang ở trong một liễn thủy tinh, như một con cá bơi vòng vòng trong nước, nhẹ tâng với một ký ức ngăn ngủi và chúng tôi đang làm phiền cha, như đám trẻ nghịch ngợm đi thăm bể cá, va tay va chân vào mặt kính, mặc kệ những tấm biển cảnh báo: “Hãy giữ im lặng cho động vật”. Một địa ngục ầm ĩ, tiếng của hàng nghìn ngón tay, ngón chân vang dội như một đoàn máy khoan bê tông.

Sáu tháng trước, tôi nằm ôm con gái trong một phòng bệnh khác, nó vừa ra khỏi bụng tôi. Thời gian lúc đấy tròn trịa, đầy đặn. Giống như tất cả các bà mẹ, tôi độc thoại với con, rình những tiếng thở, tiếng khóc của nó. Tôi phỏng đoán và tưởng tượng những cuộc hội thoại giữa hai mẹ con sau này. Và sự im lặng lúc ấy có một kết cấu rất đặc biệt – mùi vị tẻ dại của hạnh phúc.

Sự im lặng của cha tôi bây giờ là một sự im lặng buồn bã mà ngôn từ và âm thanh đập vào rồi vỡ vụn. Để tránh trống trải, chúng tôi bật vô tuyến. Như là đang ở nhà. Nó khiến chúng tôi yên tâm hơn. Thứ tiếng động u u, không dứt ấy tạo nên một cuốn băng ghi âm về thời thơ ấu của tôi. Mỗi khi hồi tưởng những gương mặt trong gia đình, tôi thường thấy không phải cảnh chúng tôi đang trò chuyện quanh bàn ăn (chúng tôi không ăn tối với cha), mà đang ngắm cái ô nhỏ ấy, mắt chúng tôi cùng hướng về một phía, sáng lên trong ánh phốt xanh của màn hình trước mặt.

Thỉnh thoảng, cha tôi đưa một ngón tay lên như muốn nói câu gì. Chúng tôi vội vắn nhỏ vô tuyến. AOA, cha phát âm. Vừa vô nghĩa vừa thống thiết. AOA AOA. Cha không tài nào nói được “có” hay “không”. Trong mắt cha, chúng tôi đọc thấy nỗi sợ hãi cùng cực khi cảm thấy ngôn từ dồn thành cục và từ chối phát ra. Ngôn từ chen lấn nhau, làm cha đau đớn, giống những cái gai trong miệng cha, như sỏi nghiền vào bàn chân, và lúc nào cũng chỉ phát ra những âm thanh ấy, những âm thanh chẳng có nghĩa gì: AOAAO. Hay AOAOAO. Dù sao thì cha cũng đặt hết niềm tin vào đó, cha thay đổi giọng điệu cho những chữ A và chữ O, chúng nó thỉnh thoảng cũng khó chịu, mềm mại, buồn bã, giận dữ, giống như một thang âm thu nhỏ chỉ có hai nốt nhạc, và tạo nên những cuộc trò chuyện bằng A và O. Cha phát cáu vì người nghe không hiểu, nhưng sau một thời gian thì chúng tôi cũng mất cả kiên nhẫn: “Cha chỉ cần nói có hay không thôi, cho dễ!”. Gật đầu, giơ ngón tay cái, chớp mắt! Trong Chiếc áo giáp và con bướm^[2], ông người bệnh đó biết chớp mắt,

dù bị hội chứng khóa trong bại liệt hoàn toàn, vậy cha làm ơn chớp mắt cái đi nào! – tất cả chúng tôi đều bất giác nghĩ. Chúng tôi rình từ phía cha một dấu hiệu, chỉ một dấu hiệu thôi, một dấu hiệu cho phép chúng tôi có thể tin rằng vẫn có trao đổi qua lại giữa chúng tôi và cha. Nhưng chẳng có dấu hiệu nào. Thế là thay vì bức, chúng tôi lại bật vô tuyến to hơn. “Cha nhìn này, có chương trình Nouvelle Star, cha thích cô bé dự thi kia không?”

Trong trung tâm phục hồi chức năng này có những bệnh nhân cũng cùng hoàn cảnh như cha tôi. Chấn thương sọ não, tai nạn, liệt bán thân, liệt hai chi dưới, liệt tứ chi. Người già, người trẻ, cha mẹ, ông bà, con trai, con gái. Máy bán đồ uống tự động đặt ở cuối hành lang. Người ta nhìn nhau, thỉnh thoảng trao đổi dăm ba câu, một số người đắm chìm trong cô độc, mắt ngó đâu đâu, chân nặng trĩu, tay moi hết túi áo này túi quần kia tìm vài đồng xu để trả một ly cà phê tẩm lợm, hoặc một thanh kẹo Twix, kẹo Mars, để lại trong miệng một vị buồn nôn: không ai dám tự thú nhận với bản thân nhưng người ta luôn cảm thấy đói khi ở những chỗ như thế này. Trong một phòng khác có một bệnh nhân gốc Việt cùng vợ. Bà ta cố trò chuyện với mẹ tôi bằng cách nói vài câu bằng tiếng Việt.

“Mẹ nói là mẹ không hiểu, mẹ là người Hoa”, mẹ tôi kể lại về dữ tợn.

Mẹ không nói ra nhưng tôi đã nghe thấy cái từ khiến mẹ đau, đó là một thực vật, mẹ nghĩ về ông bệnh nhân gốc Việt kia, một thực vật như mẹ vẫn sợ người ta từ bây giờ sẽ nói thế về cha, cha đang câm lặng và liệt bán thân như một thực vật, vì mẹ cần phải làm người khác đau và làm đau chính mẹ: trong con tính kinh hoàng về bất hạnh, người ta thường cố bầu vịu vào những so sánh vớ vẩn, phóng to nỗi khổ của thiên hạ hòng làm dịu đi khổ khó của mình. Đó là một trận đấu bệnh hoạn mà người ta tính những thuận lợi, những bất lợi và tuổi thọ trung bình. Một trò xổ số ngu xuẩn mà người ta đùa với những số liệu thống kê như đùa với những con số của trò tombola^[3]: 20% những người

từng là nạn nhân tai biến mạch máu não sẽ tái phát năm năm sau. Ai trong số các bệnh nhân của trung tâm phục hồi chức năng Arche sẽ là những kẻ may mắn thuộc về 80% còn lại? Và phải lần từng trường hợp một: bệnh nhân phòng 231 liệt toàn thân, không thể tự đi toa-lét một mình, bệnh nhân phòng 201 bị tai biến lúc mới 38 tuổi, thương quá, anh ta có hai con nhỏ, bệnh nhân phòng 421 thì coi như tiêu, tái phát sau tai biến có mấy ngày, hôn mê, rồi xong luôn! Không, không nghi ngờ gì, có thể nói so với họ thì cha tôi cũng thoát hiểm không đến nỗi nào.

Mẹ tôi phô trương sự im lặng của mình. Mẹ dùng nó như áo giáp chống lại nỗi buồn. Mẹ thuộc về một thể hệ, một nền văn hóa nơi người ta không nói ra lời. Nói ra, nghĩa là nhục nhã. Là hổ thẹn. Là than vãn. Trò của kẻ yếu, của lũ nhà giàu vô tích sự. Trò của “bọn Tây”.

Ở nhà chúng tôi, chúng tôi vững vàng lắm. Và chúng tôi luôn im lặng. Chúng tôi giữ im lặng trước những thứ vớ vẩn nhất đến những thứ nghiêm trọng nhất: Nợ nần, séc khống, án phạt tù tã, hóa đơn tiền điện không trả, ly dị, mẹ đơn thân, tình dục (Trời ơi, hãy giúp chúng tôi thoát khỏi nó!), kinh nguyệt, bệnh tật, những người đã chết, cái chết.

Giữ thể diện, điều này hơn cả một quy tắc sống. Đó là một kỷ luật, một triết lý, một thứ thể dục thường ngày của tâm hồn. Tôi chưa từng nghe cha mẹ tôi phàn nàn hoặc kể lể về những thời kỳ đau khổ trong quá khứ. Họ cũng chẳng khoe khoang bao giờ. Sức khỏe, học hành, bằng cấp. Họ không tặng chúng tôi một lời khen. Như thể có nguy cơ khiến người ngoài tọc mạch.

“Chúc mừng, các cháu thành công quá!” – Bạn bè cha mẹ tôi hồ hởi nói.

“Ờ, cũng vừa thôi, con cái người khác giỏi hơn nhiều!”

Cha mẹ tôi từng mất tất cả. Rồi Việt Nam sang Pháp, họ bị rơi xuống đáy của chiếc thang xã hội, vào hạng nhục nhã của dân nhập cư. Họ đau khổ bởi nước Pháp tiếp nhận họ và bố thí cho họ, điều mà trước kia họ chẳng bao giờ cần tới. “Con biết không, bọn Tây rất khinh mình”, mẹ tôi

nhắc đi nhắc lại câu này, trong niềm kiêu hãnh bị thương tổn của một kẻ nhập cư. Chưa kể cuộc cạnh tranh kinh hoàng giữa các đồng hương người Việt với nhau: phải chứng minh rằng mình vượt qua hoàn cảnh, thành công hơn người, thắng mọi bất hạnh.

Đấy là lý do mà mẹ tôi không nói gì khi phải đối diện với bệnh tật của cha tôi. Không nói gì với bất kỳ ai. Như thế bằng cách giấu giếm sự thật, mẹ sẽ khiến được nó biến khỏi cuộc đời này. “Mẹ đã báo cho các cô các bác bên cha chưa?”. “Rồi, rồi, mẹ đã gọi điện, đừng có lèo nhèo nữa, mẹ mệt mỏi thế là đủ rồi”. Một tháng sau, một người cô đã liên lạc với tôi, cô lo lắng vì không có tin gì về cha tôi. Tôi đành phải kể cho cô chuyện gì đã xảy ra và cảm thấy bối rối cho sự im lặng bấy lâu của gia đình mình.

Cha tôi trở về nhà sau nhiều tháng điều trị trong trung tâm phục hồi chức năng. Con gái tôi lớn lên. Tôi bình tĩnh lại, tin tưởng rằng nó và cha sẽ học được cách để nói chuyện với nhau. Nhưng nó phát âm những từ đầu tiên, bố, con rùa, hoa quả xay, và đặt những câu đầu tiên. Còn cha tôi thì như người câm. Chỉ ấp úng vài từ không đối. Bao giờ cũng bằng cái giọng mới có, cái giọng như vang từ đáy mồ, của một kẻ mất ngôn ngữ.

Trong vòng một hay hai năm, giữa cha và chúng tôi – năm người con của cha – ngôn ngữ quả là một cuộc chiến đấu. Bỗng nhiên, quan hệ trong nhà đảo ngược. Chúng tôi ra lệnh cho cha phải lao động. Còn cha thì tỏ ý bất bình. Từ trước đến nay, chúng tôi luôn được nuôi dạy trong tinh thần tôn vinh lao động – “Tài năng mà thiếu cố gắng thì chỉ là một trò vớ vẩn”, cha hay trích câu này của Brassens^[4] để nói với chúng tôi – giờ đây chúng tôi cảm thấy bị cha phản bội. Chúng tôi bắt cha lặp đi lặp lại những bài tập phát âm. Cha nổi cáu, cảm thấy nhục nhã, và gầm gừ. Những âm thanh không tài nào hiểu nổi. Chúng giống như những tiếng rống từ bên trong và khiến chúng tôi hoảng sợ.

Một hôm, chúng tôi mời về Le Mans một cậu bạn của Bùi 2, một người sau khi thoát khỏi hôn mê, đã tự tập nuốt, đi và nói. Chúng tôi nghĩ cậu ấy sẽ là một tấm gương để cha noi theo, một sự động viên. Ấy

thế mà, cuối cùng cậu ấy đã bỏ đi sau khi sập cửa: “Bác Búi, nếu bản thân bác không cố gắng thì sẽ không bao giờ có kết quả đâu!”. Chúng tôi cực kỳ phần nộ và lấy làm hài lòng vì cậu ấy đã nói thẳng sự thật cho cha. Chúng tôi thậm chí còn hy vọng điều này sẽ có tác động tới cha như một cú sốc điện. Nhưng mọi thứ đã trở nên tồi tệ hơn nữa. Không khí trong nhà ngột thở. Mẹ trách chúng tôi là chưa làm đến đâu đến đấy. Còn cha thì trách chúng tôi đã tra tấn mình.

Thế là chúng tôi bỏ cuộc. Chúng tôi không còn tìm cách dạy cha nói nữa. Mỗi khi về nhà, chúng tôi lại ngồi xem vô tuyến với nhau. Sự im lặng, chua chát làm sao, thật là dễ chịu.



MSN

Bùi 1, Le Mans, connected. Búi 2, Bắc Kinh, connected. Búi 3, Le Mans, connected. Búi 4, Darmstadt, connected. Búi 5, Le Mans, connected.

Búi 2 – Chị gặp cha chưa?

Búi 1 – Rồi.

Búi 2 – Cha khỏe không?

Búi 1 – Vẫn thế thôi. dismayed-smiley-whatsapp-1F616

Búi 3 – Trung Quốc mấy giờ rồi?

Búi 2 – 3 giờ sáng.

Búi 5 – Mẹ nói cha quên tiếng Pháp, nhưng lại nói tiếng Hoa với giáo viên luyện âm.

Búi 4 – disappointed-emoji-whatsapp-1F625disappointed-emoji-whatsapp-1F625

MẤT NGÔN NGỮ

Qua Google, tôi phát hiện Paul Broca (1824 – 1880), bác sĩ chuyên về phẫu tích, như cha tôi. Và bệnh nhân nổi tiếng nhất của ông: Me sừ “Tan”.

Cha tôi phát âm được A và O. Me sừ “Tan”, tên thật là Leborgne, chỉ phát âm được mỗi “Tan”.

Báo cáo bệnh án của bác sĩ Broca về bệnh nhân Leborgne:

Ông ta chỉ có thể phát âm đúng một âm duy nhất và thường nhắc lại hai lần liền. Trước bất kỳ câu hỏi nào, ông ta cũng trả lời “tan, tan”, kèm theo là những động tác biểu cảm rất khác nhau. Đó là lý do tại sao, cả bệnh viện gọi ông ta là me sừ “Tan”.

Ngay sau hôm me sừ “Tan” qua đời, Broca đã lấy não của ông ta và trình lên Viện Nhân chủng học. Bộ não này vẫn còn được bày trong một bảo tàng y học. Nhiều nhà y học đã lưu danh hậu thế với tên riêng được đặt cho một căn bệnh. Cái tên Paul Broca đã được tặng cho một vùng trong não của loài người: vùng Broca. Vùng tạo tín hiệu ngôn ngữ.

Mất ngôn ngữ là một căn bệnh kỳ quặc. Mỗi người một kiểu khác nhau. Có những người cuối cùng có thể nói gần như bình thường. Có những người vất vả lắm mới nói được một câu. Có những người không nói được nhưng lại viết được. Trên các diễn đàn Internet, tôi cảm động và cũng ghen tị khi đọc những câu dài tuy chính tả đôi lúc chập choạng, đó là các bệnh nhân mất ngôn ngữ thuật lại cuộc chiến của họ với ngôn từ. Vùng Broca hiểu hết nhưng mất khả năng diễn đạt cho người khác hiểu.

Tương phản với vùng Broca là vùng Wernicke – mang tên một nhà bác học nữa – cũng nằm trong bán cầu trái của não. Vùng này dành cho sự hiểu. Nếu người mắc bệnh mất ngôn ngữ vùng Broca thường im lìm, thì người mắc bệnh mất ngôn ngữ vùng Wernicke lại ba hoa.

Mất ngôn ngữ vùng Wernicke.

Những người mắc bệnh mất ngôn ngữ vùng Wernicke có khả năng diễn đạt, nhưng lại gặp khó khăn trong việc hiểu ngôn ngữ của người khác, thậm chí cả ngôn ngữ của chính họ. Vì vậy, những gì họ nói thường không có nghĩa.

Biệt ngữ của người mắc bệnh mất ngôn ngữ

“Biệt ngữ” hoặc “biệt ngữ của người mắc bệnh mất ngôn ngữ” là để chỉ trường hợp người mắc bệnh mất ngôn ngữ làm biến dạng hay nhầm lẫn ngôn từ, hoặc tạo ra những từ mới, ở mức độ khiến người khác không hiểu được nữa.

Chứng tháo lời nói

Thường được gọi là “bệnh ỉa chảy lời nói”, xuất phát từ nhu cầu nói không sao kìm hãm nổi, mà không cần biết những lời nói ra có ý nghĩa hay không, lý do là bởi rối loạn vùng hiểu và/ hoặc vùng diễn đạt.

Cha tôi thì ngược lại, cha im lìm.

Giống như Ulysse lạc lối trong vô vàn chuyến đi, cha tôi vật vã chèo chống giữa chứng bệnh mất ngôn ngữ. Thỉnh thoảng vài âm thanh phát ra. O, O, A, To, Ta. Cha cố diễn đạt cho chúng tôi biết cha muốn gì. Cha không còn biết nói cả những từ đơn giản là *có* hay *không*. Chính vì thế mà mọi việc trở nên phức tạp. Chúng tôi không hiểu. Cha không hiểu là chúng tôi không hiểu. Cha cáu. Chúng tôi cũng cáu. Chúng tôi quăng cho cha vài từ, hy vọng trúng ý cha. Đó giống như một ván tennis thảm hại giữa những người cụt tay, trái bóng bay trên sân mà không ai đập lại.

Cha tôi như một du khách mù, lang thang trong miền đất lạ, đi giữa những con đường lổn nhổn những tấm biển mà cha chỉ hiểu phân nửa.

Cha học cách tự dẫn đường theo kiểu của mình. Cha đọc nét mặt, ánh mắt của người đối diện. Đôi khi, cha thử vẽ. Cha cũng tập viết. Từ khi bị liệt bán thân, cha phải dùng tay trái, nên chữ của cha run rẩy, khác với kiểu chữ viết ngoáy nhưng tự tin của cha ngày trước – kiểu “chữ bác sĩ” như người ta vẫn nói.

Hôm nay, một trận động đất đã làm tan hoang cả nước Nepal. Không có tin tức gì về 70 công dân Pháp. Thị trường chứng khoán Trung Quốc nghèo. Thị trường chứng khoán Trung Quốc nghèo. Thị trường chứng khoán Trung Quốc nghèo. 45. 45. 45.

Tôi đọc những câu văn rời rạc được viết nối tiếp nhau hết trang này sang trang khác. Cha đã chép lại. Dưới dạng chính tả. Hoặc theo mẫu giáo viên dạy phát âm đưa cho. Chưa bao giờ cha viết nhiều như trong những cuốn vở này. Nhưng cha có hiểu gì đâu? Những từ cha viết chen lẫn nhau, ép vào nhau, dính sát nhau trên trang giấy. Để làm gì, khi cha không thể viết cho chúng tôi?

Có thể có một mật mã nằm trong những trang giấy học trò u ám này mà tôi không nắm được? Một thông điệp bí mật cha muốn gửi đến chúng tôi? Đôi khi, cha tập viết tên riêng của chúng tôi. Tôi nhìn thấy tên tôi, sau câu này: “François Hollande đã quyết định can thiệp vào Mali”. Như thể tôi sắp thảo luận về vấn đề địa-chính trị với cha.

Mới đầu, hy vọng là sẽ tìm được cách nói chuyện với cha, chúng tôi đã làm cho cha một quyển sổ nhỏ trong đó có hình vẽ các hành động và vật dụng thường nhật. Như những chữ tượng hình. Cha đôi khi mở ra. Nhưng để được một từ thì phải cần rất nhiều hình vẽ, nên cuốn sổ hết rất nhanh. Và cha lại tiếp tục chèo lái trên đại dương câm lặng của cha. Đại dương thân thiết với Baudelaire^[5]. Sau một cơn tai biến, Baudelaire đã bị chứng mất ngôn ngữ.

*Con của ta, em của ta,
Hãy nghĩ về nỗi êm dịu,*

Đến miền kia chung sống cùng nhau.

Cùng nhau? Căn bệnh mất ngôn ngữ, cái được gọi là “miền kia” ấy, mảnh đất xa xôi ấy, làm gì có “cùng nhau”: Mỗi người bệnh bị cầm tù giữa sự cô độc của mình, bị bao vây bởi ánh nhìn của kẻ khác, bị tấn công bằng tiếng động lẫn lộn của những ai “biết nói”.

Baudelaire, người từng hết sức nhào nặn ngôn từ, đã kết thúc cuộc đời lúc chỉ nhào được một từ duy nhất. Thậm chí không phải là một từ, mà một thán từ “Crénom!”. Bạn bè đến thăm ông, Banville, Jules Vallès, Leconte de Lisle lần lượt phủ phục bên đầu giường ông. Họ khóc thương, hoảng hốt bởi một nỗi kinh hãi nhuộm màu tôn giáo, khi chứng kiến thiên tài thi ca phải đánh vật với những ngôn từ đã trốn biệt khỏi ông. “Crénom! Lúc thì dùng để chào, lúc thì để chửi, tùy vào khi ta cho ông ấy xem một vật hay tên người mà ông thích hay ghét!”. Jules Vallès giải thích. “Crénom! Cũng có thể là lời cầu nhàu ngậy ngô của sự tuyệt vọng! Ai mà biết?”.

Théophile Gautier nói một cách hài hùng: “Thần Chết đã lớn vờn quanh ông ấy lâu rồi; mụ đặt ngón tay xương xẩu lên trán của ông ấy, và bệnh liệt đã khiến cái cơ thể từng lạnh lợi và rất mềm dẻo kia trở nên trơ lì. Thế rồi mụ bỏ đi vì tin chắc rằng nó sẽ mãi mãi bất động ở chỗ ấy. Sau đó, mụ quay lại lấy mắt của ông lờ lỏi nói, cùng với bộ nhớ từ, đồng thời lột luôn ngôn ngữ khỏi ý tưởng. Thật là một cực hình khủng khiếp! Hiểu mà không trả lời được, và cảm thấy ngôn từ trước đây từng thuần phục giờ cứ bay đi như những đàn chim đại mỗi khi có ai thử tiến lại trò chuyện!”.

Ngôn từ như những con chim thanh nhã mà cha ngấm trên các bức tranh khắc Trung Hoa. Ngôn từ bay khỏi trí tuệ của cha: những con chim di trú, chúng bay về phía những chân trời ấm hơn, để lại cha tôi một mình với mùa đông vĩnh viễn của im lặng.

Các chị em gái của cha tới thăm cha lần đầu trong trung tâm phục hồi chức năng. Lúc về, họ không khỏi thốt lên bằng tiếng Việt: “Kể cũng

buồn cười thật. Anh ấy chẳng nói nữa, chỉ không ngừng O A". O A. Một bộ xương ngôn ngữ, một bản nhạc gồm hai nốt, mà một dương cầm thủ cụt tay đập một cách bướng bỉnh và vụng về lên một phím đàn đã bị lỗi nhịp.

Maurice Ravel cũng bị mất ngôn ngữ. Nhà soạn nhạc vẫn còn nhận ra được âm thanh và nhịp điệu: Lỗi tai âm nhạc không phụ thuộc vào cùng một vùng trong não như ngôn ngữ. Ngược lại, Ravel không thể “đọc” những nốt trước đây từng thể hiện những bản giao hưởng tuyệt vời của trí tuệ ông. Ông thậm chí nghe thấy những bản nhạc đó nhưng không còn khả năng chép lại chúng, hay chia sẻ chúng.

Beethoven tiếp tục soạn nhạc mặc dù bị điếc. Còn Ravel thì nín lặng. “Trong đầu tôi có biết bao âm thanh, tôi chưa nói ra và còn phải nói rất nhiều”, ông thổn thức một cách tuyệt vọng. Colette viết: “Ravel mất ngôn ngữ, hành động viết, và sẽ chết như bị bóp họng, nhưng còn ý thức, bởi trong lòng vẫn tràn ngập các hợp âm.”

LOST IN TRANSLATION^[6]

Tôi tìm giọng nói của cha. Trong trí nhớ của tôi, tôi hầu như chỉ nghe thấy giọng nói của mẹ, hiện diện khắp nơi. Còn cha là một cái bóng im lìm, bị xóa.

“Có chứ, cha em có nói mà. Chỉ có em và các chị em của em, con cái của ông không nghe ông thôi”, Benoit cha của các con gái tôi nói với tôi.

Tôi phản đối. Lẽ nào tôi lại sai?

“Ừ thì bọn em không nghe cha nói.”

Cha học ở trường Việt nên sang Pháp mà vẫn không đổi được phát âm. Cách nói tiếng Pháp của cha khiến chúng tôi bực mình, chúng tôi suy nghĩ và mơ cũng bằng tiếng Pháp. Chúng tôi không đủ kiên nhẫn để nghe hết những câu cha nói. Cha bảo cha xấu hổ vì chúng tôi, con cái cha đẻ ra mà không biết nói một từ tiếng Việt. Cha nài nỉ nhưng chẳng làm gì được, chúng tôi từ chối ngôn ngữ này, chúng tôi muốn trở thành người Pháp như những người khác. Cha đành chịu. Hẳn là khủng khiếp khi bị cảm giác mình là kẻ xa lạ trong chính gia đình mình, bị bật ra ngoài vì nói một thứ tiếng không giống ai.

Cha đọc rất ít sách Pháp, ngoài *Ba chàng ngự lâm pháo thủ* mà ông nội tôi đã đọc cho cha ngày trước. Chúng tôi ngồi dán mắt vào màn hình vô tuyến của phòng ngủ hay bếp, xem *Beverly Hills*^[7] / *La grande Vadouille*^[8] / phim truyền hình nhiều tập chiều Chủ nhật trên kênh M6 / *Le maillon faible*^[9] / *Star Academy*^[10] / *Sous le soleil*^[11]. Vô tuyến đã khiến chúng tôi ngồi lại bên nhau, cha – người Việt, chúng tôi – người Pháp. Sau này tôi không còn khoe chuyện này nữa. Tôi khám phá ra sự

khác nhau giữa những ai đọc *Télé 7 jours*^[12] (chúng tôi) và những ai đọc *Télérama*^[13] (cha mẹ của các bạn tôi). Ôi vô tuyến, giờ đây tôi không khoái mấy, trừ kênh Arte là tuyệt vời, các kênh còn lại là đồ rác rưởi, tôi thường tự hỏi làm sao người ta có thể mê muội hàng giờ trước những thứ ngu xuẩn như thế. Và tôi im đi các buổi tối nằm ườn trong giường cha mẹ tôi vừa ăn khoai tây chiên vừa xem *Buffy chiến đấu với ma cà rồng*^[14]: Cha tôi rất thích Buffy nhân vật nữ chính.

Chính bằng tiếng Việt mà cha tìm lại giọng nói thật của mình. Bằng tiếng Việt, cha đã nói chuyện văn chương và thi ca với bạn bè của cha. Về thế giới đó, về giọng nói từ tâm hồn của cha, chúng tôi chưa bao giờ biết một cái gì. Chúng tôi đã không muốn biết. Cha vừa cất lời nói bằng ngôn ngữ của mình là giọng cha nặng hơn. Người đi ngang đường thỉnh thoảng ngoái lại nhìn. Lúc còn bé tôi lấy làm xấu hổ vì điều ấy. Ngày hôm nay, tôi lại xấu hổ vì đã xấu hổ như thế. Tất cả thiếu niên đều chối bỏ cha mẹ. Nhưng đối với những đứa trẻ con nhà di dân thì sự chối bỏ ấy còn độc ác hơn: Xấu hổ về cha mẹ có nghĩa là xấu hổ về nguồn gốc, xấu hổ về cái làm nên con người mình, đơn giản vậy thôi.

Cha tôi đặt chân đến Pháp lúc chưa đầy đôi mươi. Không biết một từ tiếng Pháp nào. Cha ghi danh vào khoa Y. Cha cần mẫn đến nghe tất cả các môn học mà chẳng hiểu nổi câu nào. Cha học tất cả bản in sao của khoa qua băng. Ngày hôm nay, cha cũng rơi vào tình trạng y hệt như vậy. Lạc trong một miền đất mà ngôn ngữ của nó cha không còn hiểu nữa. Năng lực tri thức của cha không được đem ra sử dụng. *Lost in translation*, lang thang vô định giữa một vũ trụ mà mọi dấu hiệu đều là bí mật với cha. Cha cố nói vài từ. *Bonjour. Bonne nuit. Ami*^[15]. Nhưng nói chung là cha cười một cách dịu dàng hoặc giả vờ đang theo đuổi câu chuyện và thỉnh thoảng dậm vào một câu cảm thán “Ồ!”.

IRM^[16] đã nghiên cứu hoạt động của bộ não dựa vào cách cho nghe nhiều ngôn ngữ khác nhau. Não trở nên hoạt bát khác thường khi được nghe tiếng mẹ đẻ. Ngược lại, nó rơi vào tình trạng nghỉ ngơi khi nghe

những âm thanh quá xa lạ, ví dụ như ngôn ngữ của vùng Tamoul hay vùng Fars. Lúc ấy cha như bị kẹt trên nút off. Cha khiến tôi nghĩ tới những người di dân lậu, vượt qua các vùng miền với những ngôn ngữ xa lạ, dao động không ngừng từ sự khác biệt này đến sự khác biệt kia, chỉ biết bám vào mấy từ có thể hiểu được: “Calaisse?”^[17] Calaisse? This way?”^[18].

Ở tuổi 73, cha trở lại làm một kẻ tha hương như thế, làm một du khách lang thang tìm lại miền quê đã mất. Học xong đáng lẽ cha phải quay lại Việt Nam nhưng cuộc đời cha đã rẽ sang một lối khác. Biến cố tháng Tư 1975. Cả cha lẫn mẹ đều hiểu là họ sẽ không quay về nước nữa. Cha không bao giờ chấp nhận điều ấy. Trong một thời gian dài, cha mắc chứng mộng du. Đêm nào, cha cũng thức dậy rồi cầm lấy chìa khóa xe hơi. Cha nói: “Mình về nhà thôi”. Mẹ thì thảo nho nhỏ: “Nhà mình đây mà anh, quay lại ngủ đi”.

Khi đến công sở, cha bao giờ cũng rất đầu vào đấy, thẳng như một chữ I. Nhưng vừa về đến nhà là cha thay đổi ngay lập tức. Cha cởi bộ “áo giáp”, bộ quần áo quá chặt dùng để mặc đi làm, rồi cứ thế để quê hương đã mất của cha tan chảy trong tâm hồn như thể đó là chì lỏng. Quần đùi, áo may ô hoặc pyjama, cha ngồi ườn trong một chiếc ghế bành, tan nát bởi ngày thứ bao nhiêu phải đi sai đường. *Ta xa quê hương như con sâu kẹt lối*, một thi sĩ Việt Nam đã viết như thế. Khi buộc phải chối bỏ ngôn ngữ mẹ đẻ, kẻ tha hương là cha lại rời xa bản thân mình hơn một chút nữa?

Đôi khi, thân thể ta nói hộ chính ta. Khi còn ở Việt Nam, cha không bao giờ bị dị ứng hay hen. Tất cả những bệnh này, kể cả ho, cha đều mắc khi sang Pháp, như thể cơ thể của cha nổi dậy chống lại những thứ xa lạ xung quanh, khí hậu, ngôn ngữ.

Từ khi cha bị tai biến mạch máu não, dị ứng và hen biến mất. Những chai xịt Ventoline chất đống không dùng đến: Cha hết ho, hết khó thở, như thể ngôn ngữ trong khi lẩn trốn đã tự cởi bỏ chiếc áo lót quá ngột

ngạt. Thậm chí khuôn mặt cha cũng thay đổi. Trước tai biến, cha hơi béo phì, da bị đỏ, sống cầu thả, quá nhiều việc, lo âu, mỡ trong máu, rượu vang. Căn bệnh mất ngôn ngữ đã dẫn đến một thay đổi lớn trong các thói quen ăn uống của cha. Cha thon thả hơn, khuôn mặt gọn hơn, tóc bắt đầu đen trở lại.

Triết gia Hy Lạp Pyrrhon d'Elis ca ngợi chứng mất ngôn ngữ như con đường dẫn tới minh triết, bước đầu tiên đến tĩnh tâm tuyệt đối. Sự dừng dưng của một người không còn chút xúc động nào và cắt đứt hoàn toàn với thế giới xung quanh.

Ngắm cha như một nhân sư bất động trước hình ảnh các vùng đất xa xôi trong chương trình truyền hình *Planète*, tôi tự hỏi có phải cha đã trở thành một người được giải phóng khỏi cái nặng nề của ngôn từ, thứ ngôn từ mà ta không thể kéo về phía mình, thứ ngôn từ làm tổn thương. Ngôn từ: một tấm lưới ngoắt ngoéo của ảo tưởng mà chúng ta giăng cho những kẻ chúng ta yêu.

Trong tiểu thuyết *Bảo tàng của im lặng* của Yoko Ogawa^[19], những thầy thuyết giáo về im lặng trú ẩn trong một tu viện xa xôi nằm trên đỉnh một ngọn núi. Họ lặng lẽ làm công việc lắng nghe các bí mật của người khác. Thân thể họ trở thành một cái kho chứa tất cả những ngôn từ đã không thể được nói ra. Bao nhiêu ngôn từ, bao nhiêu bí mật cha tôi đang ẩn giấu trong người?

Những câu hỏi bật lên. Không có trả lời. Tôi nói một mình. Tôi quyết không từ bỏ các hội thoại mà cha và tôi chưa bao giờ có với nhau. Tôi tiếp tục hy vọng. Có thể cha đã quên tiếng Pháp, có thể một sáng đẹp trời nào đó cha sẽ thức dậy và nói tiếng Việt? Chúng tôi đã đợi rất lâu, nhưng chuyện đó đã không xảy ra. Thế nhưng, đôi khi, giọng nói của cha bất ngờ trở lại. Khi cha nói “đi ngủ” bằng tiếng Việt, giọng cha trở lại đúng như giọng mà chúng tôi từng biết. Thật không biết đằng nào mà lần.

Mẹ tôi không bao giờ chịu bó tay. Mẹ chiến đấu chống lại sự im lặng của cha và những câu chữ biểu lộ sự thật một cách tàn nhẫn. Ví dụ, từ “tàn tật” tát vào mặt mẹ như một lời nhục mạ. Không có bệnh, không bị tàn tật, chẳng có gì phải thông báo cả, mẹ tự tin nói. Trong một thời gian dài, mẹ cương quyết không dán vào kính xe hơi cái dấu tròn ghi “Di chuyển khó khăn” mà mẹ coi như một ngôi sao vàng sáu cánh ô nhục^[20], mẹ cũng đối với chiếc xe đẩy, mẹ nói “Cha vẫn bước được mà!”, và thường buộc chúng tôi phải ngồi im. Rồi, ngày một ngày hai, mẹ cũng tìm cách khiến từ này dịu đi. “Tàn tật” không còn là một câu chữ. Thế nhưng, không bao giờ mẹ chấp nhận sự thật rõ như ban ngày là cha không nói được và sẽ không nói được nữa. Với mẹ, cha nói một ngôn ngữ khác mà chúng tôi không có khả năng hiểu, vậy thôi. Và thế là, bản chất thật thà và bướng bỉnh, mẹ tự cho mình vai trò phiên dịch. Phiên dịch ngôn ngữ của im lặng.

Đôi lúc tôi đặt câu hỏi về cuộc sống thường nhật của cha và mẹ. Cha thì câm, còn mẹ thì nói nhiều. Mẹ vừa hỏi vừa tự trả lời. Giống như hai con gái của tôi khi chúng chơi Playmobil. Với một sự cứng đầu đáng khâm phục, mẹ tiếp tục đặt cha tôi vào trung tâm của các cuộc nói chuyện. “Cha nói rằng, cha nghĩ rằng...”, mẹ nhắc đi nhắc lại đầy tin tưởng. Mẹ đưa điện thoại về phía chúng tôi: “Này, cha muốn nói với con”. Mẹ huênh hoang trấn an cả nhà rằng từ giờ trở đi cha nói và viết bằng tiếng Hoa phổ thông. Rồi mẹ khoe những chữ Hoa mà cha vẽ tuyệt đẹp bởi cha tô lại chúng trên những cuốn tranh khắc.

“Trước đây anh ấy có biết nói tiếng Hoa bao giờ đâu. Làm thế nào mà bây giờ anh ấy lại nói và viết tiếng Hoa được?”, một cô em gái của cha hoang mang hỏi lại.

Ravel cuối đời thổn thức: “Trong đầu tôi có bao nhiêu âm nhạc. Tôi chưa nói ra và có nhiều thứ phải nói ra.”

Cha tôi chưa nói gì với tôi. Thế nhưng tôi có nhiều chuyện muốn hỏi cha.

SIRI VÀ CÁC CON GÁI TÔI

Các con gái tôi chưa bao giờ được nghe cha tôi nói. Trí nhớ có gắn với ngôn ngữ hay không? Những kỷ niệm đầu tiên của con người có nhất thiết phải liên quan đến ngôn từ? Chúng tôi thường cùng nhau gọi lại những năm tháng ấy của các con gái tôi, những năm tháng khi chúng chưa biết nói, khi cảm xúc xuất hiện trước: chúng không còn nhớ gì cả, đương nhiên. Lúc ấy, chúng là những con quỷ bé bỏng đáng yêu mặc bỉm, bị buộc phải im lặng, miệng phát ra những âm thanh khấn thiết chỉ chúng mới hiểu. Chúng tôi phải đoán xem chúng muốn gì, làm dứt cơn giận hay nổi thất vọng của chúng. Chúng khiến tôi cười, tôi thích vô cùng lúc được trò chuyện với chúng, tìm cách hiểu những tiếng ùng ục trong bụng chúng mà chỉ tôi mới biết ý nghĩa. Tôi thổ lộ điều này: tôi kiên nhẫn với chúng hơn với cha tôi rất nhiều.

Mà tôi cũng không cần kiên nhẫn: Tôi bị chinh phục hoàn toàn. Thời gian ở bên chúng thật tràn đầy, mỗi ngày lại mang đến một thay đổi mới. Tôi ngăn người quan sát chúng phát âm những từ đầu tiên, những câu đầu tiên, tôi cười thán phục từ ngữ trẻ con sao mà nên thơ. Cha tôi không chuyển biến gì, hoặc rất ít. Như thể tôi đang xem cùng một lúc hai bộ phim. Một thì bị dừng lại ở nút nghỉ. Một thì tiến đi rất nhanh.

Các con tôi không bao giờ sợ ông ngoại. Chúng thích chơi cạnh cha tôi, thích sự có mặt calm lặng và dễ chịu của cha. Khi về nhà ở Le Mans chúng cùng xem vô tuyến với cha vì chỉ cha mới chịu xem hoạt hình Pokémon với chúng.

Chúng có thể huyền thuyên mấy tiếng liền với những chú ngựa con bằng nhựa có bờm tím. Biết đâu chúng lại có thể tiếp nhận được những

từ phát ra từ cha mà những người khác không nghe thấy. Đôi khi chúng nghịch ngợm nói chuyện với Siri, giọng giả của iPad. Chúng đối thoại với “madam Siri”, bảo tên chúng là thế này, tuổi bao nhiêu. Siri thuần thục nhắc lại, điều mà cha tôi chưa bao giờ làm nổi. Trí thông minh nhân tạo này khiến tôi vô cùng bối rối. Tôi ước gì Siri có thể giải mật mã sự im lặng của cha và cho cha mượn giọng nói của mình.

“Ta mấy tuổi?”

“Tám tuổi, thưa công nương.”

(Chúng đã chỉnh để Siri gọi chúng là “công nương”).

“Người có biết cách làm bánh sô-cô-la không?”

“Tôi tìm trên Internet: Cách làm bánh sô-cô-la.”

“Khi nào bắt đầu kỳ nghỉ?”

“Tôi xem lịch.”

“Người làm ta cái rồi đấy. Im miệng ngay!”

“Ồ, công nương như vậy là không tốt bụng lắm đâu.”

Buổi tối, khi chúng đi ngủ, tôi thử giấu giếm trò chuyện với Siri.

“Cha tôi là ai?”

“Tôi tìm trên Internet: Cha tôi là ai”, Siri trả lời tôi.

MỘT NGHỀ KỶ CỤC

Tôi đi tìm giọng nói của cha nhưng tôi không biết phải đi về hướng nào. Tôi bước, tôi đi vòng vòng, tôi như lạc lối giữa mê lộ bằng gương của một ngày lễ lớn dành cho trẻ em. Giọng cha vang lên rồi xa dần, ngày càng xa. Tôi một lần nữa là đứa trẻ lên bốn lang thang trong trung tâm thương mại Belle Épine. Ngày hôm đó, tôi đi theo một dáng người quen quen có cái lưng giống của cha tôi, cũng áo sơ mi ấy, dáng đi ấy, mái tóc màu đen ấy. Rồi bỗng dừng cái lưng bắt đầu nói và quay mặt về phía tôi, tôi điếng người nhận ra rằng tôi đã đi theo một kẻ không quen: Tôi lạc cha rồi.

Sau đó, lớn hơn một chút, tôi lại có lần lạc cha một lần nữa mà tới bây giờ vẫn ghi khắc trong hồi ức của tôi. Lần ấy, cha tới Paris thăm tôi, chúng tôi bước đi trong ma trận của các hành lang tàu điện ngầm, cho đến lúc cha vụt biến mất như bị nuốt chửng bởi biển người tại bến Montparnasse, với hàng nghìn cái lưng giống nhau nhấp nhô như thủy triều lên xuống. Ngày xưa, ở trung tâm thương mại Belle Épine, nữ nhân viên tiếp tân đã thông báo trên loa phóng thanh: “Cháu bé Đoàn Thùy đang bị lạc cha”. Mười năm sau, chính tôi phải ra quầy vé để yêu cầu người ta thông báo cho cha: “Con gái ông Bùi đang đợi ông”. Trong suốt một tiếng đồng hồ, tôi đi đi lại lại trên thang cuốn, hết xuôi lại ngược, mắt dò tìm cha ở tất cả các lối ra vào. Tôi sẽ chẳng thể nào tìm thấy cha hôm ấy: cha đã bỏ tôi đứng đấy, đi ra ga và lên tàu từ lâu rồi. Ở trung tâm thương mại Belle Épine, đứa trẻ lên bốn đã hoảng sợ thực sự, nhưng ở bến tàu Montparnasse thì tôi đã lớn hơn và giậm điên người. Lo

sợ và giận dữ: đó cũng là hai cảm giác siết chặt lấy tôi khi phải đối diện với bệnh mất tiếng nói của cha.

Ngày hôm nay, tôi vẫn giữ nguyên cảm xúc lẫn lộn kỳ lạ đó. Ai vậy, người đàn ông đang ngồi ở ghế bành, giam mình dưới lớp áo giáp của im lặng? Ai đang ẩn náu trong cơ thể bại liệt kia, khối thịt bất động như một nhà tù bị khóa hai vòng liên? Tôi không có câu trả lời. Mắt tôi nhận ra cha, nhưng tai tôi thì không. Tiếng hen suyễn, như từ dưới mồ vang lên, trước đây đi kèm sự hiện diện của cha, giờ đây biến mất. Từ nay trở đi, cha xuất hiện với những tiếng còm cộp. Đó là tiếng bước chân xiêu vẹo của cha, của một bên đùi bị liệt mà cha phải kéo lê. Và cả đôi lúc, những âm thanh mà cha phát ra, những âm thanh chúng tôi không sao hiểu nổi. OTE. OTE. Cha muốn nói gì vậy? Cha muốn muối, hạt tiêu, rượu vang, cha muốn ra ngoài, cha đã chán ngấy, cha giận dữ, cha mệt mỏi, cha điên tiết? OTE. OTE, cha bướng bỉnh nhắc lại một cách cẩu kính. Và những âm thanh vụng về ấy giống như những cây ma đong đưa trong không khí, những ngôn từ đã chết của cha, những con chim nhón nhác đâm đầu vào cửa kính và rơi xuống đất như thể bị sét đánh giữa đường bay.

Sự im lặng của cha tôi đã khiến cha trở thành một kẻ hầu như xa lạ với tôi. Tôi không biết gì về cha. Giống như những vật quá gần mà theo thời gian, người bị lão thị không thể nhìn rõ, cha tôi là một khối mờ mờ. Vì ở ngay bên cạnh, nên tôi chẳng chú ý tới cha. Tôi đã tự nhủ thiếu gì lúc để hỏi cha. Về quá khứ của cha, về câu chuyện đời cha. Nhưng cơn tai biến và bệnh mất tiếng nói đến với cha nhanh hơn tôi. Hoặc có thể đây cũng chỉ là một kiểu lý do lý tưởng. Tôi đã không dám, hay không cố gắng, đặt các câu hỏi cho cha. Như lúc nào cũng thế, cứ đối diện với cha mẹ là tôi lại ngậm miệng.

Vậy mà, những công việc ấy không phải là nghề của chính tôi hay sao? Đặt câu hỏi, kể chuyện những người khác, điều tra. Ai? Cái gì? Ở

đâu? Khi nào? Đó là những việc tối thiểu của nghề báo. Nhưng bốn câu hỏi đó về cha thì tôi lại không thể trả lời.

Một cảm giác xưa cũ quen thuộc bỗng chiếm lĩnh tôi, như một con thú bông sờn rách đồ chơi trẻ con mà người ta để lẫn lóc trên giường của người lớn: Cảm giác phỉnh phờ. Cảm giác chung của nhiều đứa trẻ con cái nhà di dân. Do cứ cố đương đầu với căn cước của mình – khối rubic nan giải – mà chúng tôi, những đứa trẻ ấy, đã học được cách tự xoay. Ra ngoài đường, chúng tôi to giọng đối đáp, chúng tôi ra vẻ Tây hơn cả người Tây. Ở nhà, chúng tôi lại quay về làm những đứa trẻ ngoan ngoãn, im lặng bảo sao nghe vậy. Luôn với cảm giác là không lúc nào được ở đúng chỗ của mình.

Nghề của tôi là nhà báo nhưng đến hôm nay tôi vẫn thấy điều ấy khó tin: Cái nghề này không dành cho tôi, một đứa trẻ có nguồn gốc di dân. Cùng một lúc, tôi vừa sững sờ, vừa mừng vui khi lần đầu tiên nhìn thấy tên mình dưới một bài báo. Ôi, tôi viết hẳn cho một tờ báo! Tôi, người chưa từng đọc *Le Monde*^[21]! Thế đấy, tôi nói dối, chỗ này, chỗ kia. Tôi xây dựng mình thành một nhân vật. Tôi khiến người ta tin rằng tôi đã tốt nghiệp trường báo chí. Lúc được nhận vào tờ *L'Obs*^[22], tôi giả vờ nói với các đồng nghiệp ở đấy là cha mẹ tôi đặt báo này dài hạn từ lâu rồi và tôi giấu nhem rằng họ đã bầu cho Chirac, bởi đó là một chi tiết có vẻ sẽ không được đánh giá cao trong một tờ báo thiên tả. Tôi kể với các đồng nghiệp rằng tôi từng mơ ước trở thành phóng viên như Tintin^[23], nhưng trong thực tế, tôi chưa bao giờ hình dung mình là Tintin mà là Tchang^[24], cậu bé Hoa kiều.

Tôi đâu dễ bị lừa, trước đây cũng không, mà giờ đây cũng không. Đôi lúc, người ta giới thiệu tôi là ký giả có hạng, tôi muốn phá lên cười. Tự trong lòng mình, tôi biết. Công việc này không dành cho tôi. Và câu nói này, mà tôi vẫn nghe thấy mỗi khi đi làm tin ở các khu dân cư “có vấn đề”, thường vang lên cùng những lời nói của mẹ tôi.

“Truyền thông ấy à? Toàn lũ phét lác! Nói cho cùng, nhà báo chỉ toàn bọn Tây thôi!!!”. Nhà báo: cha mẹ tôi chưa bao giờ lên kế hoạch cho tôi làm nghề này. Giống như tất cả người Việt, họ hình dung tôi sẽ là bác sĩ, kỹ sư, nha sĩ. Quan lộ tuyệt vời! Lớp dự bị đại học! Ban tự nhiên! Đại học Bách khoa! Buổi tối, chín như trong bồn tắm nước nóng như đun sôi – giây phút thư giãn duy nhất trong ngày của mình – mẹ tôi nghiền ngấu những cuốn sách có tựa đề đầy ý nghĩa: “Làm thế nào để có những đứa con siêu giỏi?”, “Con trai của mẹ, con sẽ trở thành tổng thống!”, “Những bí mật của tầng lớp thượng lưu Pháp”, “Cẩm nang về giới tinh hoa”... Những cuốn sách phòng rộp hơi nước và quần góc ấy, mẹ vớt khắp nơi, trong bếp, trong buồng tắm, bên cạnh các chương trình vô tuyến và tạp chí làm vườn: Cả cha lẫn mẹ đều yêu vườn của họ ở Le Mans.

Ở Việt Nam, quan lộ là con đường tuyệt vời nhất. Những người có bằng cấp cao được coi như những thánh nhân. Trong Văn Miếu – Quốc Tử Giám tại Hà Nội, người ta vinh danh các tiến sĩ, khắc tên họ lên bia đá muôn đời. Bị xâm lược, tấn công, đô hộ, giày xéo bởi chiến tranh, Việt Nam vẫn là vương quốc của các thi sĩ, nơi các học giả tiếp tục nghiên cứu về thơ và các nhà thơ tiếp tục gieo vần. Ở đất nước này, bất kỳ lúc nào rảnh rỗi là người ta lại hí hoáy làm thơ và viết nhạc mà các chủ đề muôn thuở là Hà Nội mùa thu, gió vờn lá, bướm vờn hoa, sen khoe sắc cùng mây và nước.

Lần đầu đi thăm Văn Miếu, tôi choáng váng nhận thấy tên của em trai tôi được viết hầu hết trên các đồ lưu niệm mà những người bán rong bày ở lối vào. “Để các sĩ tử cầu may”, người ta bảo tôi thế. Cái tên Đăng Khoa của em tôi hóa ra có nghĩa là: Đỗ đạt.

Đỗ đạt! Cha mẹ tôi chỉ rung động bởi các bằng cấp, danh vọng, phần thưởng. Thu thập bằng cấp là một cách trả nổi hận phải rời xa quê hương bản xứ. Đỗ đạt! Con cái leo lên những bậc thang xã hội cao nhất, con cái sẽ trở thành phương tiện để họ phục thù. Và họ sẽ làm mọi thứ để đạt được mục đích ấy.

Ở Le Mans, cha mẹ tôi cho chúng tôi đi học ở trường tiểu học Thiên Chúa giáo có uy tín nhất thành phố. Trong sân nhỏ dẫn đến căng-tin, tôi lo sợ khi nhìn thấy khuôn mặt thờ ơ của Đức mẹ Đồng trinh, một bức tượng đã tróc sơn, trông như đi thẳng ra từ một bộ phim kinh sợ. Hàng ngày tôi đọc kinh Cha của chúng con, tôi đi dự lễ mi-xa, tôi là học sinh giỏi nhất của lớp học giáo lý Cơ đốc, tôi mơ được làm lễ ban thánh thể và được cái vinh hạnh này: Ăn thân thể của Giê-su^[25]. Ở trường học, nữ sinh mặc áo cổ lá sen, nam sinh mặc quần soóc màu xanh dương, những học sinh có đồng anh chị em cùng học một trường như gia đình chúng tôi cũng khá nhiều, nhưng so với chúng nó vừa sạch vừa đẹp, thì chúng tôi quả là lếch, với những chiếc quần luồn chun may bằng vải jean được mua ở siêu thị Auchan. Chúng tôi là những kiều dân duy nhất.

Chúng tôi là những người Á châu đầu tiên đến sống ở Le Mans, thật là kỳ cục vì tất cả những người Việt mà chúng tôi quen đều sống ở các thành phố nhỏ ngoại ô Paris như Antony, Créteil, Villejuif. Ở Le Mans, chúng tôi không thoát khỏi cảnh bị soi mói. Nếu người ta trêu chọc các con, các con hãy bảo là trong quả trứng, màu vàng^[26] quý hơn màu trắng nhé, các con nhớ không? Có ạ, màu vàng quý nhất cha ạ, mẹ ạ.

Đương nhiên sự hiện diện của chúng tôi đập vào mắt người ta. Chúng tôi là lũ con nhà Bùi mắt xếch, lũ con nhà Bùi học nhảy lớp và cực giỏi toán, bởi vì cái đó nằm trong gien di truyền Á châu. Em là người Á? Tôi cá là em và anh chị em của em đều học rất giỏi! Em là người Á? Chẳng có gì phải phàn nàn, người Á học như bồ củi, như kiến tha mồi.

Chúng tôi vừa kỳ cục – da vàng mũi tẹt – vừa đáng thương. Lúc đó, các hiệp hội nhân đạo đang quan tâm tới công cuộc cứu giúp thuyền nhân. Trên chiếc thang của bất hạnh, chúng tôi gần ngang hàng với trẻ em Ethiopia đang chết đói, mặc dù chúng tôi sinh ra ở Pháp và cha mẹ chúng tôi đã tới Pháp bằng máy bay.

Năm lớp Một, năm chị em chúng tôi đều đoạt giải “bạn học đáng mến nhất” của lớp dù trước đó tôi đã cắn thẳng Jean cùng lớp suýt chảy máu,

vì nó đã nói một câu khiến tôi nổi điên và chuyện này chứng tỏ giữa nó và tôi làm gì có tình bạn tình biếc gì. Giải này – chiến thắng mà sau đây tôi không bao giờ đòi vì liên tục bị loại trong các cuộc bình bầu đại biểu lớp và sau đó, cũng thất bại trong việc khiến tôi được các bạn cùng lớp chấp nhận vào danh sách những người bạn thân thiện, dễ thương – không phải bỗng dưng mà người ta trao cho tôi. Giờ đây tôi ngờ rằng đó là một hành động bố thí của người theo đạo Cơ đốc. Nếu cha tôi là bác sĩ, thì chị em chúng tôi vẫn chỉ là di dân tuy được xếp vào loại có địa vị: “Lũ trẻ nhà Bùi hòa nhập rất tốt vào xã hội Pháp. Người Á châu không bao giờ gây rắc rối cả”.

Rất nhanh chóng, cha mẹ tôi hun đúc một niềm tin. Chỉ đỗ vào hai trường đại học lớn là Bách khoa hay Hành chính Quốc gia, để trở thành tổng thống hay ít ra là bộ trưởng, thì cuộc sống mới đáng sống mà thôi. Mẹ tôi thành kính mua những cuốn sách toán từ mù tằm để chị em chúng tôi “thấm nhuần” các phương trình và tích phân. Mẹ còn tận tụy tới mức bỏ các bài giảng vật lý, hóa học, đại số của chúng tôi ra đọc mặc dù không hiểu mấy, nhưng với một niềm tin tuyệt vời. Cha tôi thì làm mặt lạnh như tiền mỗi khi điểm của chúng tôi ít hơn 18/20, sự im lặng của cha còn đáng sợ hơn tất cả mọi sỉ nhục trên đời. “Cha làm việc vất vả thế mà các con lại trả ơn cha như vậy đó!”, mẹ tôi nói thay cha.

Luật sư, nhà báo, chuyên gia truyền thông? Tất cả những nghề huyền thuyên này chỉ khơi dậy trong cha mẹ tôi sự khinh bỉ lớn lao. Họ mơ ngày mơ đêm là tôi sẽ đỗ vào trường Hành chính Quốc gia hoặc mặc quân phục tham gia vào đêm hội của trường Bách khoa. Giá như tôi viết báo về những nhân vật VIP hoặc phỏng vấn các tổng thống, hoặc ít ra là các ngôi sao nhạc nhẹ trên bìa chương trình vô tuyến mà cha mẹ tôi đặt dài hạn. Nhưng tôi lại không làm thế. Tôi chỉ quan tâm tới những con người bình thường, như các bạn và tôi, thậm chí còn kém cỏi hơn: những người di dân.

“Chuyện di dân thì ai người ta màng, con cứ tưởng là người ta thích thôi, con biết thừa rằng bọn Tây ớn di dân đến tận cổ, bọn chúng coi khinh mình, mà con đã đọc các bình luận dưới bài báo của con chưa?”. Có chứ, tôi đọc, lần nào tôi cũng biết rằng chúng sẽ khiến tôi phát điên, nhưng tôi vẫn đọc.

Francis35: Bà Bùi ơi, bà không thấy chán khóc nhè hay sao, cánh tả, văn nghệ sĩ hâm đờ, politically correct, ối bà làm tôi phát buồn nôn.

Loulou32: Nếu bà khoái thuyền nhân Phi châu thì cứ việc rước họ về nhà.

Crodat3480: Đáng tiếc nhưng tôi không khóc đâu, vì nếu họ chết thì cũng bớt đông đi chứ chúng ta không thể đem hết cái nghèo của cả thế giới về đây.

Nhưng tôi vẫn thế. Tiếp tục là nhà báo. Tôi từng thường xuyên được nhắc nhở rằng không nên đặt quá nhiều câu hỏi. Nhưng tôi đã làm ngược lại. Tôi chống lại bản chất con người tôi, tôi học cách làm phiền người khác, tấn công qua điện thoại, ngay ngoài đường, nhờ bất kỳ ai để làm đến tận cùng một cuộc điều tra hay phóng sự, gõ cửa những nhà không quen, cho dù tôi đã được dạy dỗ từ nhỏ là phải kín đáo, lịch sự, ý tứ, và “biết thân biết phận”. Tôi không ngần ngại đặt các câu hỏi. Tôi đào xới những chuyện riêng tư, những điều không ai dám nói. Những người không quen đã tìm tới tôi để kể lể tâm tình. Giống như linh mục trong buổi xưng tội, bác sĩ tâm lý hay bồi bàn, nhà báo cũng có tác dụng như một kho chứa tất cả những ngôn từ chưa từng được phát biểu thành lời.

Trong suốt thời gian ấy, tầm nhìn của tôi không vượt quá đầu mũi. Tôi như con ruồi vo ve và đập vào cửa kính. Tôi bay vòng vòng, sốt ruột và ì ạch. Cho tới ngày tôi chợt nhận ra rằng tôi đã quần quanh mãi một chủ đề. Giống như cái hình lò xo mà người ta vẽ không ngừng trên cát: Trong suốt năm tháng ấy, tôi đi tìm giữa những kẻ không quen giọng nói của một người duy nhất. Cha tôi.

Tôi đã gặp những người phụ nữ Hoa kiều đến làm việc trong một nhà máy ở tận đầu kia của vùng Moldavia, lại gặp những người phụ nữ Rumania tha hương sang Andalousia để hái dâu tây, những người Senegal đang hy vọng tới bờ biển Tây Ban Nha khi mà bạn bè của họ đã chết đuối ở Địa Trung Hải, những người Afganistan cố vượt sông Evros ở Hy Lạp. Tôi thấy bình minh mọc trên bãi biển Kos hoặc Lampedusa, và những gia đình người Syria đến đây bằng thuyền cao su, lom khom trong những tấm chăn cứu hộ rồi chụp một tấm selfie hồng hồng biến thành bất tử giây phút bấy lâu mong đợi: giây phút được đặt chân tới châu Âu. Nhưng tôi chưa bao giờ hỏi cha tôi rằng hình ảnh đầu tiên về nước Pháp mà ông có được lúc đặt chân tới đây vào năm 19 tuổi. Lúc đó là mùa đông. Khi còn ở Việt Nam, cha không biết mùa đông là gì.

Tôi nói chuyện với những người bố, người mẹ, trẻ em, Pháp kiều ở Bắc Phi, lính Pháp ở nước ngoài, kiều dân Algérie, Rumania, Kurd, Ấn Độ, gọi lại nỗi đau tha hương của toàn nhân loại, về trái tim bị chia đôi giữa quê cũ và quê mới. Nhưng tôi không biết gì về vết thương của cha tôi, một kẻ cũng từng phải dứt áo ra đi.

Khi còn đi học, tôi thích nghiên cứu lịch sử trong sách giáo khoa. Một chuỗi các triều đại, Carolinge, Mérovinge, Capet, vẻ đẹp hoành tráng toát ra từ những bộ gia phả của các ông hoàng, bà chúa, cách mạng 1789, Thế chiến thứ nhất, đặc biệt là Thế chiến thứ hai đã thu hút rất nhiều sự chú ý của tôi và em trai tôi: Nó tỉ mỉ dựng lại tất cả các trận địa, còn tôi thì tra cứu tất cả các chiến sự, mê mải hình dung rằng các ông bà cụ kị của bọn bạn cùng lớp đã sống vào thời kỳ ấy, thời kỳ mà các sách giáo khoa đã nói tới. Nhưng tôi không biết gì về lịch sử Việt Nam, cũng như lịch sử gia đình tôi.

Tôi đã chẳng quan tâm đến nó. Tôi thích các gia đình khác hơn. Với tôi, những gia đình gốc Pháp một trăm phần trăm thật tuyệt vời và huyền bí, với những gia phả cành lá ngoằn ngoèo, những chùm tên vang lên đầy vinh quang, những ngôi làng, những nghĩa trang, những hầm

rượu, nhà thờ và cây thánh giá, những nhà nghỉ ở thôn quê có các ngăn tủ bằng gỗ sồi khúc, chất đầy đồ thêu, đồ đăng-ten và váy dài màu trắng đã dùng qua biết bao lễ ban thánh thể, những rương hòm chật cứng các món đồ chơi cũ kỹ, những tầng áp mái không đặt chân vào nổi vì các kỷ vật, chiếc xe đẩy cổ, con ngựa gỗ, những chồng tạp chí cũ, các tác phẩm bám đầy bụi từ thế kỷ trước.

Những con người “quý tộc” đó đã thêu dệt trí tưởng tượng nơi tôi, bằng một cái họ danh giá và mối liên hệ được cho là với các ông hoàng, bà chúa trong những cuốn sách lịch sử mà tôi đọc. Tôi ngẫu nhiên Hồi ký của Saint-Simon và phân tích chi tiết gia phả của hoàng thân và công tước các loại. Tôi phát cuồng vì nữ công tước Guermantes trong tiểu thuyết *Đi tìm thời gian đã mất*^[27] (và coi thường bà Verdurin bình dân). Tôi nghiền ngẫm một cách sung sướng tập truyện của nữ bá tước De Ségur^[28], mơ về vải pô-pơ-lin, vải trúc bầu và búp bê sáp. Tôi say mê các tiểu thuyết địa phương, các saga thoang thoảng mùi phân mùn, ngỡ ngẩn trước bộ môn địa lý về những tên người và các vùng đất, tất cả đều đặc Pháp như Henri Bosco^[29], Henri Troyat^[30], Georges Duhamel^[31], *Ngài trưởng kế thành Havre*^[32], *Gia đình nhà Thibault*^[33]. Đó là những câu chuyện lịch sử. Những câu chuyện có thật.

Trong con mắt tôi, gia đình tôi dường như trống rỗng, không gốc rễ, không quá khứ, không địa điểm để có thể đóng đinh lên bản đồ. Một lâu đài bằng cát. Không kỷ niệm, không gia tài cho con cháu, không có những bức thư trên giấy úa vàng hay những cuốn sách long gáy vì đã được bỏ ra đọc quá nhiều, không có lịch sử, mà cũng chẳng có chuyện để kể, chỉ mỗi ngôi nhà mới tinh ở ngoại ô, tường thạch cao, sàn đá hoa lạnh lẽo, ông Phật bằng giấy vàng chóa què mùa, những bức tranh có chữ Tàu và những bộ lịch tường của siêu thị Á châu Tang Frères.

“Mẹ là mẹ ghét nhà cổ lắm, mẹ thích nhà mới”, mẹ tôi nhắc đi nhắc lại. Như thể chúng tôi là những tấm bảng đen mà người ta có thể viết lên rồi xóa đi, như thể tất cả đều bắt đầu từ đó, từ siêu thị Leclerc của

thành phố Le Mans và những tòa nhà cao tầng của khu chung cư Olympiades^[34], tất cả giữa mênh mông bê-tông xấu xí. Cha mẹ tôi thích những khu nhà chia lô theo kiểu Mỹ, giống nhau đến chóng mặt và muôn đời vẫn mới, với những lối đi rải nhựa phẳng lì và sạch bong, những thùng rác xếp hàng thẳng tắp như duyệt binh, những hình vuông nuôi cỏ cắt tĩa phẳng lì, những chậu hoa trồng sẵn mang ở cửa hàng về, và xa hơn một chút, góc bùng binh là siêu thị khổng lồ nơi có chỗ để xe hơi. Chìm chìm giữa những kệ hàng, chất đầy các xe đẩy, đó là hạnh phúc. Cuộc sống, cuộc sống thật là đây, đúng như quảng cáo của siêu thị Auchan.

Tôi đã nhìn mãi vào gia đình mình mà không tìm thấy gì. Không thấy gì cho đôi mắt như mù của tôi. Giờ đây, tôi nghĩ tới cha trong ngôi nhà của ông ở Coulaines, ngoại ô thành phố Le Mans. Hẳn cha đang ngồi xem chương trình *Planète*, như mọi khi. Cha thích phim tài liệu về các chuyến du hành. Nhất là khi chúng nói về châu Á. Cha hình dung không khí nóng ẩm của nơi ấy. Tiếng mưa lộp bộp trên mái tôn lượn sóng. Đặc biệt là mùi. Những mùi thơm nức mũi bay lẫn trong khói chiều. Hoa giấy, hoa bưởi, hoa gạo. Mít và sầu riêng lúc lỉu từng chùm tỏa hương ngạt thở. Những khúc ca rầu rĩ và kỳ lạ của những người bán hàng rong đang rao bán phở sáng hoặc nước mía. Những khu chợ đầy ắp hoa quả, cá khô và đậu phụ dưới trâm vẽ khác nhau, những con côn trùng bí hiểm, những thứ rau thơm không có tên trong tiếng Pháp. Ở ngoại ô của thành phố Le Mans nơi cha mẹ tôi sống hiện nay, tất cả đều sạch sẽ. Những kệ hàng của siêu thị Leclerc sáng loáng và trên sàn, chiếc xe mua hàng và xe đẩy dành cho người tàn tật của cha lướt nhẹ như một đám mây. Nhưng không tạo cảm giác gì hết.

Tôi không biết cha tôi là ai. Tôi đối diện với một bóng hình đang nhảy nhót và run rẩy phản chiếu trên mặt nước, tôi thử tóm lấy nó, nhúng tay vào nước, nhưng nó tan như hàng nghìn mảnh vỡ của giấc mơ buổi sáng. Tuy cha ở đó, ngay cạnh tôi. Mà không sao chạm được.

Đã đến lúc phải làm sáng tỏ, cởi bỏ bộ quần áo của “con gái ông...” và khoác lên người bộ trang phục của một nhà báo. Tìm lại những suy ngẫm của tôi: Thu thập tài liệu, điều tra, đặt các câu hỏi. Không lui được nữa rồi. Cuốn truyện này sẽ là chân dung của một người mà tôi không quen. Cha tôi.

TÔI

Xưng “tôi”.

Đó là kiểu của “bọn Tây”, cha mẹ tôi vẫn bảo chúng tôi như thế.

Đại từ nhân xưng này khiến tôi bối rối. Tôi ước gì có thể xóa đi cái từ “tôi” trơ trẽn kia, cái từ tuy thế mà lại xác định rằng tôi là con gái của cha tôi. Tôi muốn kể về cha tôi, kể về những người thân của tôi mà chưa gì tôi đã lủi mất. Tôi trốn sau đại từ “chúng tôi”, chúng tôi, gia đình tôi, anh chị em tôi.

Tôi tên là “Đoàn Bùi” nhưng trên thực tế còn bốn Đoàn Bùi nữa trong nhà tôi. Theo văn hóa Việt Nam, tên riêng là thứ phụ. Căn cước cá nhân luôn bị chối bỏ vì họ đứng trước tên – trong trường hợp của tôi là họ Bùi – để thông báo rằng người này thuộc về một thị tộc. Họ và tên của tôi: Bùi Đoàn Thùy. Đoàn: Họ của mẹ tôi. Thùy: Tên thật của tôi, tên tiếng Việt của tôi.

Ở trong nhà, khi nói tiếng Việt cha mẹ tôi gọi tôi là Thùy. Hoặc “con”. Ở trường tiểu học và trung học, tên riêng trong giấy tờ của tôi là Doan Thuy. Và khi tôi 20, bước vào tuổi trưởng thành, tôi cắt tên riêng thành hai. Tôi trở thành Doan. Như là vừa qua một lễ rửa tội. Và cái tên riêng này ở lại với tôi cho tới bây giờ. Trong công việc, trong cuộc sống hàng ngày, với phần lớn bạn bè. Doan Bui: Chữ ký này hợp nhất họ cha và họ mẹ tôi và xóa đi cái tên riêng “Thùy” của tôi. “Doan” là để cho người Pháp, “Thùy” là để cho người Việt, “Doan” là để cho xã hội, “Thùy” là để cho gia đình, “Doan” là tôi người lớn, “Thùy” là tôi trẻ con. Giống như rất nhiều trẻ con di dân, tôi đổi tên riêng, cũng như những mặt nạ.

“Doan” có thuận lợi là một nơi để ẩn náu. Một bộ quần áo ngụy trang. Thực ra, tôi có tên y hệt các chị em gái của tôi. Tất cả tên riêng của chúng tôi đều được đặt theo cách này: Doan, rồi thêm một từ gì đó. Các chị em gái tôi cũng bị gọi là Doan. Nên không chỉ tôi là Doan Bui, mà tất cả chúng tôi là Doan Bui.

Doan, cái tên riêng giả này, chúng tôi muốn chia sẻ cùng nhau. Nhờ vậy mà ngày trước chúng tôi thường xuyên dùng lẫn của nhau chứng minh thư, vé tháng giao thông công cộng, vé tàu hỏa, vé máy bay, vì tất cả đều ghi tên “Doan Bui”. Không ai phát hiện cả, với họ, dân Á châu đều giống nhau. Để trả thù cho tất cả những lần người ta nhầm tôi với một đứa nhỏ gốc Á nào đó, cho nỗi buồn phiền hàng ngày khi tôi nhận ra rằng khuôn mặt tôi quá ư nhạt nhòa, có thể lẫn với bao người khác, một khuôn mặt Á châu trước khi được coi là khuôn mặt của tôi.

Ở trong nhà chúng tôi, tên riêng chẳng để làm gì. Tiếng Việt bỏ quên từ “tôi”. Mỗi người được gọi phụ thuộc vào quan hệ với kẻ đối thoại. Khi nói với các em tôi, thì tôi là “chị”, chúng nó là “em”. Còn với cha mẹ tôi, tôi sẽ là “con”. Ở nhà chúng tôi, theo thứ tự sinh nhật mà chị em tôi được đặt tên. “Hai tới ngồi cạnh Tư!”. Tôi chưa bao giờ nghe thấy cha mẹ tôi gọi tên riêng của từng đứa chúng tôi. Cũng như giữa họ với nhau, họ gọi nhau là “anh” và “em”. Vừa là anh trai, em gái, vừa là anh yêu, em yêu.

Những từ này tạo nên một sự gần gũi tức thì. Ngôn ngữ dẻo thành hình, ngôn từ tạo, nặn, vẽ một lối tư duy. Cha mẹ tôi thay đổi khi nói tiếng Pháp. Trong giọng nói, kiểu cười, cách ngẩng đầu. Nói tiếng Việt, đó là quên từ “tôi”. Hạ thấp trước tập thể: Gia đình, làng xóm, đất nước. Chuyển qua tiếng Pháp, thế cũng đã là làm một cuộc cách mạng rồi. Khẳng định một cá nhân con người.

Tư duy theo kiểu Việt Nam vừa khiến người ta ngộp thở lại vừa khiến người ta yên tâm. Con người sinh ra, lớn lên, đẻ con, già đi, nhưng trong tiếng Việt, những quan hệ “thứ bậc” bao giờ cũng giữ nguyên.

Đương nhiên, chúng sẽ khác đi cùng với cái chết. Với tôi, chúng sẽ thay đổi ngày mà tôi trở thành mồ côi. Tôi sẽ chẳng còn ai để xưng là “con”. Tang tóc cũng ghi dấu ấn trong ngôn ngữ, với sự mất đi của cái đại từ nhân xưng bé nhỏ này.

Ấy vậy mà, chẳng gì khiến tôi chao đảo hơn thế khi tôi nghe mẹ tôi xưng “con” với những bà con họ hàng lớn tuổi của mẹ. Như thể hồn ma bà ngoại với đôi má bầu bĩnh và mềm mại đột nhiên hiện ra. Và lúc ấy, mẹ tôi tự nhiên trở thành một cô gái nhỏ.

Tuy nhiên, vẫn hiện diện trong tiếng Việt đại từ nhân xưng “tôi”. Nhưng từ “tôi” ấy, được dạy trong sách Assimil dạy tiếng Việt thì chẳng ai sử dụng. Người Việt tự nói về mình ở ngôi thứ ba. Một nhà chuyên môn gốc Việt đã giải thích cho tôi nguồn gốc của từ “tôi”: Nó được đưa vào từ thời Pháp đô hộ Việt Nam. Các trí thức Việt bắt đầu nghiên cứu Victor Hugo, Lamartine. Họ say mê chủ nghĩa lãng mạn cực đoan, và mong muốn tìm một từ để diễn tả tính cá nhân, diễn tả cái tôi của mình. Từ “tôi” đã ra đời như thế.

Nói “tôi”: là kiểu nói của người Pháp.

TRONG XE HƠI

Khi nghĩ tới cha tôi, tôi nghĩ tới cái lưng trước tiên. Cha lái xe. Chìm đắm trong suy tư, cha trông giống Albator, nhân vật u sầu của những quyển truyện tranh mà tôi đọc lúc thơ ấu, vị thuyền trưởng tàu cướp ấy thường ngắm nhìn qua ô kính tròn hành tinh nhỏ bé màu xanh lơ mà ông dứt áo ra đi.

Trong những chuyến đi dài bằng xe hơi ấy, chúng tôi khóc lóc, cãi nhau, và đôi lần nôn mửa. Nhưng cha tôi bao giờ cũng lặng yên. Đường đi mang lại cho cha sự an bình. Ovide^[35] viết rằng những người tha hương thường để thể xác lại phía sau. Trong xe hơi, cha tôi ở đúng chỗ cần ở, thể xác và tâm hồn cuối cùng đã nhập làm một. Thanh thản. Cha không bao giờ phàn nàn mỗi khi kẹt xe. Đó là thân phận của cha, kẻ di dân, không bao giờ ở một nơi nào nhất định, mà chỉ quá cảnh, vướng vào một vụ tắc đường vĩnh viễn và mãi mãi không thể về lại ngôi nhà của mình.

Lái xe cũng có nghĩa là dẫn đường. Dẫn đường, vai trò của người cha, của tất cả những người cha trong lúc đưa bầu đoàn thể tử của mình đến vùng đất mới. Trong các phóng sự của tôi về đường đi của di dân, bao giờ cũng một hình ảnh này: Các gia đình bước sau lưng người đàn ông trụ cột, ông ta bước đầu tiên, đắp chăn cho vợ và các con, dựng lều tránh mưa nắng cho cả nhà. Tôi nhớ cha tôi thường sắp xếp chỗ cho chúng tôi ngủ ở phần cốp xe và chúng tôi ru đi trong tiếng rầm rì của chiếc Peugeot 504.

Chính cha đã dạy tôi lái xe. Ở parking của siêu thị Auchan. Cha chỉ cho tôi phải sử dụng bàn đạp ga như thế nào. Tôi tập đi tập lại các bàn

đạp, luyện cách chuyển từ cái này sang cái kia. “Phanh, phanh”, cha nói. Một hôm, tôi nhằm bàn đạp. Thay vì phanh thì tôi lại tăng tốc và đâm xe vào một cây điều huyền. Nhưng đôi khi phép màu cũng xảy ra. Cuối cùng tôi cũng có bằng lái: chưa bao giờ tôi cảm thấy tự hào như lúc mà người ta chìa cho tôi mảnh giấy nhỏ bé màu hồng đỏ. Nhưng cho tới bây giờ tôi vẫn lái xe rất kém. Với một người làm nghề phóng viên như tôi thì đó là một ác mộng. Tôi mất rất nhiều thời gian, nhưng tôi thích đi bộ, ngồi buýt hay vẫy xe đi nhờ hơn. Tôi mãi mãi là hành khách. Một hành khách ngồi ngó phong cảnh qua cửa kính xe.

CON GÁI CỦA

Ngày trước tôi không muốn làm con gái của cha, nên cứ cố tìm trên khuôn mặt mình những nét của mẹ tôi. Tôi ngó chăm chăm vào gương và chỉ thấy những mảnh nhỏ tí xiu của mẹ. Một bản nháp không ra hình thù gì và dang dở.

Tôi thêm sống mũi thẳng và đôi mắt có mí to của mẹ vì mắt tôi phẳng lì, một mí. Tôi bóp hai bên sống mũi để mũi thon lại: cách thức mà mẹ tôi dạy tôi, theo lời khuyên của bà ngoại^[36] mẹ của mẹ tôi. Tôi dán những miếng băng dính nhỏ lên mí mắt để tạo mí to, tròn như mí người phương Tây. Mắt tôi xéch giống mắt cha, mũi tẹt giống mũi cha: người Á châu không chệch đi đâu. Tôi nghiên cứu ảnh của mẹ tôi và bà ngoại tôi. Ở họ, sắc đẹp dường như được truyền từ mẹ sang con. “Cái gì đã xảy ra thế? Tại sao con lại giống mẹ ít thế?” – tôi thắc mắc và mẹ tôi thở dài.

Mỗi khi người ngoài ném cho tôi cái câu “Con bé này giống cha quá” là tôi lại phật lòng. Đó là do tôi và cha cùng đeo kính, tôi tự nhủ. Đôi kính quỳ quá kia đã khiến khuôn mặt tôi giống khuôn mặt cha và mang lại cho tôi biệt danh không thú vị lắm: “Chuột chũi”. Tôi bị cận thị như cha. Khi bé, mẹ mang tôi đến gặp bác sĩ mắt. Đối diện tấm bảng có bảng chữ cái, tôi cảm như hén. Tôi định đọc bừa vài chữ để che mắt bác sĩ, nhưng các chữ cái nhảy nhót trước mắt tôi. Ông bác sĩ liền nhét đầu tôi vào máy, đeo lên mũi tôi một gọng kính kim loại giống hệt một dụng cụ tra tấn. Tiếp theo, ông ấy liên tiếp thay các mắt kính, thở dài mỗi khi phải đổi số cao hơn. Mẹ tôi ngồi cạnh, quan sát, lo lắng, cũng đồng thanh thở dài. Hai mẹ con tôi rời phòng khám trong im lặng tang tóc. Sau đó, mẹ mang tôi tới cửa hàng kính. “Cháu bé cận quá nặng so với tuổi”, ông

bán kính nói. Tôi ra khỏi cửa hàng với hai mắt kính dày như đất chai. Trời ơi tôi mới xấu làm sao!

Và xung quanh tôi tất cả cũng đều trở nên xấu. Các màu bỗng dưng dờ dội hơn, các đường nét như sắc hơn. Tôi ao ước được quay lại quả bong bóng của kẻ cận thị, giữa những đám mây êm dịu và mềm mại quen thuộc. Tôi dường như bị vỡ mộng về thế giới này. Thật là khủng khiếp khi nhìn thấy tất cả những chi tiết của nó. Tôi thích tưởng tượng rằng cái cây đằng xa kia là một cây thần có trăm tay tua tủa hơn, hay chiếc cần câu máy xúc ở góc phố là chiếc rô-bốt của Goldorak, còn khu công nghiệp với chi chít bóng đèn nê-ông là một lễ hội vui chơi khổng lồ có những con đom đóm và đèn nhấp nháy. Tôi muốn được ở lại trong sương mù mịn màng của những giấc mơ. Tôi tháo kính ra.

Khi tôi quay lại khám bác sĩ mắt một năm sau đó, thị lực của tôi còn tụt hơn nữa. Ông ấy nói oang oang: “Cháu sẽ mù mất!”. Câu cảnh báo của ông theo tôi về nhà. “Con sẽ mù mất”, mẹ tôi lải nhải mỗi khi tôi đọc sách. “Nó vẫn cứ đọc. Chẳng lạ gì nếu thị lực của nó tụt thêm.” Nhưng tôi tiếp tục ngẫu nhiên tất cả những gì rơi vào tay mình, với cảm giác rằng đọc là một môn thể thao có phần nguy hiểm. Những cuốn sách gắn liền với bóng tối ban đêm, với ánh sáng run rẩy của ngọn đèn pin. Thị lực của tôi giảm không ngừng. Và mẹ tôi lại thở dài: “Ấy thế mà mắt của mẹ thì lại rất tinh!”. Đôi mắt “như Tây” của mẹ, không xéch, mới đây đã phải mổ thủy tinh thể. “Nói chung, mắt người châu Á rất khó mổ vì có mỗi một mí. Nhưng với mắt của mẹ, các bác sĩ không vất vả gì!”.

Mắt của tôi sẽ không mổ được. Mắt tôi sẽ yếu mãi. Mắt tôi sẽ giống mắt của cha tôi. Nhưng chỉ cần một động tác là tôi có thể cắt đứt khỏi thế giới này: Tháo kính. Khi đó tất cả các khuôn mặt của những người xung quanh sẽ trộn lẫn thành một, một khuôn mặt nhân từ, bao dung. Khuôn mặt của tôi trong gương sẽ trở thành khuôn mặt của mẹ tôi và các chị em gái tôi. Tôi nhìn mình và không hiểu tôi là ai nữa. Tôi thấy

trong gương Búi 2 và Búi 3. Tôi quay đầu, ở một góc khác, tôi lại thấy Búi 5, rồi cuối cùng là mẹ tôi. Tôi 25 hay là 70 tuổi.

Lúc ấy tôi nhớ lại khuôn mặt của cha tôi khi không đeo kính, mắt một mí phẳng lì, nét mặt ngơ ngác, hoảng hốt. Cha biết phép màu kia. Tháo kính có nghĩa là không nhận ra những người xung quanh, thậm chí không nhận ra cả bản thân, quên mình trong đám sương mù. Lạc lối.

Trong tiểu thuyết Sụp đổ của Albert Camus, một người đàn ông xưng tội giữa sự thật và dối trá. Ông ta nói: “Sự thật, như ánh sáng, chọc vào mắt người ta. Ngược lại, dối trá như ánh hoàng hôn đẹp đẽ, khiến mọi vật lung linh”. Cha tôi và tôi luôn lẩn tránh ánh sáng sống sượng tàn nhẫn của mùa hè, chúng tôi thích thứ ánh sáng nhờ nhờ êm dịu của mùa thu. Những lời nói sắc như dao làm chúng tôi hoảng sợ, và tất cả những ngôn từ mà người ta không thể làm cho nhẹ nhàng hơn. Sự im lặng luôn khiến chúng tôi yên lòng.

Đáng ghét thay những ai mở miệng. Nữ tiểu thuyết gia Yoko Ogawa nghĩ ra một cách trừng phạt khủng khiếp với những người theo chủ thuyết im lặng nhưng lại không thực hiện được mong muốn của mình. “Họ phải đặt lưỡi lên băng lạnh và bắt nó phải câm lặng và làm đông lại thành đá những ngôn từ mà nó đã lỡ phát ra”. Những mẩu nhỏ của cái lưỡi mềm, nóng và ẩm đó, dính chặt vào băng, sẽ bị xé rách trong đòn đau. Khi còn nhỏ, tôi nhớ là có lần từng đặt một bàn tay lên đường ống dẫn nước bị biến thành băng. Và lúc nhắc ra, tôi đã sợ nó sẽ đứt rời khỏi cơ thể mình như thế nào.

Tôi đã im lặng. Và từ sự im lặng của tôi đã xuất hiện một âm thanh: Tiếng ho hen của cha tôi. Tôi nghe âm thanh ồ ồ vang vọng trong khắp lồng ngực tôi. Tôi trở thành cha tôi: Tôi phát ra tiếng động như cha. “Bệnh hen của cô có từ lâu rồi”, bác sĩ nói với tôi sau khi nghe tôi kể về những cơn viêm phế quản liên miên của tôi, “nhưng nó đã không được chẩn đoán thôi”. Ngày bé, tôi thường ho suốt cả mùa xuân, mẹ tôi lôi tôi đi chụp phổi và lo lắng – “Con giống ai mà ho nhiều vậy, mẹ có ho

đâu?!"; tôi uống hàng lít si-rô chống ho, nhưng vô ích. Ngay cả cha tôi cũng nhắc đi nhắc lại: "Không đâu, con không bị hen đâu", cha bướng bỉnh chối cãi sự thật hiển nhiên ấy, món quà bất hạnh của di truyền.

Khi còn nhỏ, tôi luôn tự hỏi những chai xịt Ventoline mà cha lúc nào cũng giữ bên mình có tác dụng gì. Tôi chưa bao giờ dám thử dùng chúng. Đó là thuốc của cha. Trong tôi, chai xịt Ventoline đầu tiên để lại nhiều kỷ niệm hơn điều thuốc đầu tiên. Tôi ấn nút, hít lấy hít để, lặp lại những động tác của cha. Tôi cảm thấy cuối cùng phế quản cũng mở ra như được giải thoát.

Ngày hôm nay, tôi vẫn giữ chai xịt Ventoline bên mình. Trong túi xách tay, hay ở đầu giường ngủ. Tôi là con gái của cha tôi.

Hầu như không còn một dấu vết nào về giọng nói của cha tôi. Tình cờ tôi tìm lại được vài cát-xét loại super-8 mà tôi số hóa để có thể xem được. Hình ảnh run rẩy, âm thanh đôi lúc không nghe được. Những mảnh vụn của quá khứ được đào lên từ lãng quên tạo nên một sự kỳ lạ đau đũa: Như thể những giây phút ấy không phải là của chúng tôi, như thể những người đang trên màn ảnh là các diễn viên của một bộ phim cũ.

Tôi xem đi xem lại hết giờ này sang giờ khác những buổi lễ bế giảng, sinh nhật, vũ kịch, bơi ở biển, và tôi rình xem có cha tôi. Nhưng tôi không nhìn thấy, cũng không nghe thấy. Cha vắng mặt trong các album của gia đình vì chính cha là người chụp ảnh cho chúng tôi, giấu mình sau ống kính. Cha cũng quay phim cho chúng tôi, không bao giờ ra lệnh bắt chúng tôi phải tạo dáng, hài lòng nhận lấy công việc ghi chúng tôi lại, và bao giờ cũng lui về phía sau. Tôi tìm được vài đoạn phim muộn màng do chính tay tôi cầm camera. Tôi đã quay hàng giờ liền hai em gái tôi, Bùi 4 và Bùi 5, chơi nhảy dây, đu quay, hay trò Ngựa Con, nhưng tôi không quay gì về cha tôi. Trừ 35 giây trong buổi sinh nhật 16 tuổi của Bùi 2: Người ta nhìn thấy ông đang mở sâm banh, cười ha ha, tay tôi động đậy và cắt mất phần đầu ông, đẩy ông khỏi ống kính.

Có thể trong các thùng các-tông dán nhãn “Phòng thí nghiệm” vẫn còn một số bản báo cáo bệnh lý giải phẫu học. Những băng cát-xét mà tôi đã nghe trước đây khi còn nhỏ, cuốn hút bởi âm thanh kỳ lạ của những từ y học.

“Ung thư biểu mô loại biểu bì... Biểu ác xuất phát từ tuyến kiểu mucine.... Ung thư biểu mô loại hình thoi.... Biểu ác xuất phát từ tuyến kiểu chất thải.... Thứ bậc tiên lượng mô: Rất phân biệt...”

Công việc của cha tôi rất cô đơn và bí hiểm. Ông là bác sĩ nhưng không bao giờ gặp các bệnh nhân của mình. Ông cũng không chữa bệnh cho họ. Ông mổ xẻ các khối u được chiết ra từ cơ thể họ và ông đưa ra bản án. Ông đối thoại với cái chết. Ung thư là một loại bệnh mà người ta chỉ phát âm bằng một giọng rất nhỏ. Một hộp sọ người nằm lẩn lóc trong nhà, vết tích thời sinh viên y khoa của ông. Sự gần gũi mà cha xây dựng cùng hư vô khiến tôi sợ hãi. Ngày bé, tôi tin rằng Thần Chết tóm lấy các nạn nhân của mình bằng cách kéo chân họ, nên tôi cuộn tròn trong chăn, không bao giờ để thò một ngón chân nào ra ngoài, và tôi ngủ dậy luôn luôn mồ hôi mồ kê nhễ nhại.

Ngày trước, tôi hay nhắc đi nhắc lại rằng cha tôi là “BLGPH”, mà không biết ý nghĩa của từ này cho lắm. Tôi ghi nó vào bản khai lý lịch ở trường: Bác sĩ BLGPH. Chỉ khi đã lớn tôi mới hiểu rằng BLGPH là viết tắt của “bệnh lý giải phẫu học” – như ghi rõ trên tấm biển gắn ở “labo” nơi cha làm việc: “Phòng thí nghiệm bệnh lý giải phẫu học, tế bào học”.

Ngôn từ gắn với cha tôi thường nặng kỷ niệm, chúng tạo nên những âm thanh đẹp nhưng bao giờ cũng gây đôi chút lo âu, lạ lẫm, mang chúng tôi tới cõi hư ảo của ngôn ngữ. Chúng không có mục đích khiến người khác hiểu. Buổi sáng, cha không đến “văn phòng”. Cha tới “extanpo”. Tôi hỏi: “Extanpo có nghĩa là gì?” Người lớn trả lời tôi: “Nghĩa là khi cha làm ở bệnh viện.” Buổi chiều của cha là dành cho “labo”.

Extanpo. Ex: ngoài, *tanpo:* thời gian? Như kẻ tha hương được đưa về Tổ quốc, từ một nước khác, bên ngoài quê hương của mình? Cũng sau đó tôi biết ý nghĩa của từ “extanpo” này. Khi rơi phải một bản báo cáo y khoa và thuật ngữ “examen extemprané” – “khám nghiệm tức thì”.

Khám nghiệm tức thì

Khám nghiệm ở kính hiển vi một bệnh phẩm trong lúc phẫu thuật đang được tiến hành. Những kết quả của khám nghiệm này có ngay lập tức, cho phép bác sĩ giải phẫu áp dụng thể loại phẫu thuật phù hợp nhất có thể.

Lúc đấy tôi mới hiểu công việc mà cha tôi làm. Trong lúc bác sĩ giải phẫu ra tay, cắt, tách, thì cha tôi ngồi đằng sau kính hiển vi, trực tiếp đưa ý kiến của mình. Phải lấy khối u ra. Cắt bỏ một bên vú, một phần thận, phổi, cái gì nữa tôi không biết. Một hôm cha dẫn tôi đến thăm phòng thí nghiệm của cha. Những ống nghiệm xếp thành hàng như những người lính ngoài mặt trận. Và những bản kính, hàng nghìn bản kính, với những vết máu trông giống như những con sứa lộ ra trong nước: “Mỗi bản kính là một người”, cha giải thích. Tôi hoảng sợ. Bao nhiêu là người, bao nhiêu thứ bệnh đang ở trong phòng thí nghiệm của cha. Tất cả rồi sẽ chết, những cái chết được kể lại trong những vết máu bày trên những bản kính.

Trong văn phòng của cha, bộ kính hiển vi chễm chệ trên bàn. Cha tôi tháo kính để dán mắt vào đó. Những người cận có khả năng nhìn rất gần. Và cha tôi, khi không đeo kính không phân biệt được mặt mũi đồng nghiệp, nhưng trái lại phải tháo kính thì mới bắt đầu cuộc hội thoại với các vết máu của những người đã chết.

Tôi tự nhủ: Cận thị cho phép ta nhìn thấy những thứ người thường không thể. Đôi mắt cận của cha tôi trong kính hiển vi đọc được những thứ siêu nhỏ, và báo trước được tương lai. Cha có thể giải mã những hình khối kia, một vũ trụ mong manh, tuyệt đẹp nhưng cũng đáng sợ. Cha nhìn thấu bã cà phê, vết mực, gan ngỗng. Đó là một sức mạnh khủng khiếp, một sức mạnh mà thực ra không phải ai cũng muốn có. Báo trước tương lai: đó là nghề của cha, một người không quá khứ.

NHỮNG ĐỨA TRẺ CHUỐI

Em trai tôi, các chị em gái của tôi và tôi, chúng tôi là những đứa trẻ “chuối”. Vàng bên ngoài, nhưng trắng bên trong. Tất cả đều sinh ra ở Pháp. Trăm phần trăm là kết quả của Cộng hòa Pháp. Chúng tôi không nói ngôn ngữ của cha mẹ. Tôi quên hết tiếng Việt mẹ đẻ, ngôn ngữ mà tôi đã học nói những từ đầu tiên.

Tôi hầu như không nói một từ tiếng Pháp nào khi đặt chân vào trường mẫu giáo. Trước đây, tôi chỉ gặp người Việt. Thế nên với tôi, các bạn cùng lớp có mặt mũi kỳ quặc, mắt xanh to đùng, còn tóc lại vàng. Một lần, chúng tôi phải nắm tay nhau thành một vòng tròn. Cô giáo yêu cầu tôi hát một bài. Tôi định hát Quốc ca Việt Nam mà bà ngoại tôi đã dạy cho tôi. Nhưng cô giáo bảo tôi phải hát *Frère Jacques*^[37]. Tôi nào biết *Frère Jacques* là bài nào. Cuối cùng, tôi cất tiếng bi bô vài câu bài hát Pháp duy nhất được cha mẹ tôi dạy cho ở nhà, một bài hát dành cho người lớn trong album của Brassens: “Khi nàng Margot cỡi xu chiêng/ Để cho mèo bú tí”.

Cioran^[38] nói: “Người ta không sống trong một đất nước mà sống trong một ngôn ngữ”. Cha tôi không bao giờ sống trong tiếng Pháp. Ngôn ngữ này làm hỏng hết tên riêng của cha, nó phức tạp tới mức cha phải bảo mọi người: “Hãy gọi tôi là Zum”. Chỉ sau này, tôi mới hiểu đó là cách cha Pháp hóa tên mình. Thế nhưng cái tên “Zum” chẳng có gì giống với tên thật của cha khi được phát âm đúng trong tiếng Việt. Tôi tự hỏi: Tại sao cha lại tự chọn cho mình một biệt danh nực cười như thế? Zum nghe như tên một con chó trong truyện tranh, Zum, bạn thân của chim cánh cụt T’choupi hay gấu Baloo. Tôi ghen với lũ bạn, cha chúng nó tên

là Patrick hay Jean – sự ngắn gọn tuyệt vời của các tên riêng Pháp. Tên riêng của chúng tôi khó nhớ đến nỗi chúng tôi ngay lập tức bị rơi vào sự quên lãng của người khác. Còn cái tên riêng không giống ai của cha đã khiến cha trở thành một kẻ vô căn cước, không được coi là hiện diện trên đời.

Bản thân tôi cũng như bị lạc trong gia đình bên nội. Cho tới tận bây giờ tôi vẫn nhầm lẫn các khuôn mặt và các tên riêng. Mẹ và các chị em gái của cha tôi mãi những năm 80 mới sang Pháp. Số còn lại chạy sang Mỹ. Thuyền nhân. Với tôi, đó là một từ hơi xấu hổ. Tôi còn nhớ những người bà con của cha tôi đổ bộ vào nhà tôi, đầu trùm ni-lông kín. “Đề tránh chảy!”, mẹ tôi nói. Họ là anh em họ, bạn bè, cô dì hay người không quen? Chúng tôi gọi tất cả là “bác” và “cô” theo kiểu tiếng Việt. Tôi không phân biệt được ai là họ hàng, ai không. Tất cả họ đều là “dân tị nạn”, như người ta gọi họ lúc đó, chứ không phải là “nhập cư” như sau này. Tôi tự nhủ: Họ đâu dính dáng đến chúng tôi, chúng tôi là người Pháp thứ thiệt. Và tôi gán cho gia đình bên nội một cái mác thấp hèn: “Dân tị nạn”. “Dân ngoại quốc”.

Gia đình bên nội này, tôi chỉ gặp mỗi năm một lần, nhân dịp *giỗ*^[39] ông nội tôi, người mà tôi chưa bao giờ biết mặt. Chúng tôi ăn trong phòng khách. Lũ trẻ gốc Việt lớn tuổi hơn chúng tôi một chút thì ngồi trong bếp: chỉ mãi sau này tôi mới biết đấy là anh chị em họ của mình. Tôi không bao giờ tự hỏi về sự bất lịch sự đó, tại sao họ bị đẩy vào chỗ đó, còn chúng tôi lại được ngồi cạnh người lớn. Về sau, tôi phát hiện ra lý do: cha tôi là con trai duy nhất trong gia đình bên nội, còn được coi là sếp trong nhà. Nhưng chúng tôi chẳng biết làm gì trong phòng khách hôm đó. Ai cũng nói tiếng Việt, trừ chúng tôi. Chúng tôi như bị câm, cứ gật đầu rồi nhe miệng ra cười. Như thể đang xem một bộ phim của Uzbekistan nhưng thiếu phụ đề. Tôi im lặng nhai. Phần lớn các món ăn đều kỳ lạ, giống món máu đông^[40] mà cha tôi phát rồ phát dại. Tôi lao vào món bánh cuốn – một loại bánh kẹp làm bằng bột gạo, thanh nhẹ

như mây, có nhân bằng thịt lợn điểm mộc nhĩ, tôi tập trung tư tưởng và nuốt một cách có ý thức từng miếng bánh, để nước chấm tung tóe trong miệng.

Gia đình bên mẹ tôi có không khí thân thiện hơn. Tất cả đều nói được tiếng Pháp. Tôi tự hào về mẹ tôi vì khả năng nói tiếng Pháp “như người Pháp” của mẹ. Mà mẹ cũng có tên Pháp: Jeanne, dù nó không được ghi trong hộ chiếu của mẹ. Trong các gia đình miền Nam Việt Nam thì đó là chuyện thường. Trên ghế nhà trường, học sinh bản xứ nhà giàu ngồi cạnh con em thực dân, mỗi sáng tất cả đều hát Quốc ca Pháp, tiếng Việt bị cấm nói và được dạy như sinh ngữ thứ nhất. Tôi không biết tên riêng ghi trong giấy tờ hành chính của các dì các cậu đằng mẹ. Với chị em chúng tôi, họ bao giờ cũng là tonton^[41] Paul, tata^[42] Pauline, tata Yvette. Cậu út là người duy nhất giữ tên khai sinh, Đông. Năm 1954, khi cậu vào Sài Gòn nhập học thì Điện Biên Phủ vừa thất thủ. Mùa thu năm đó, những binh đoàn cuối cùng của quân đội Pháp bỏ chạy và chỉ trong vòng vài tháng, một thế kỷ thực dân đã bị xóa sổ trên bản đồ Việt Nam: André đã trở thành Đông.

Giống như chúng tôi, các anh chị em bên ngoại của tôi đều là “chuối” bên ngoài vàng, bên trong trắng. Vào các ngày cuối tuần, chúng tôi thường lên Paris chơi với họ. Paris ở đây nghĩa là các khu nhà cao tầng của phố Tàu quận 13 và siêu thị Á châu Tang Frères, đặc biệt là ngoại ô Les Ulis: ông bà ngoại tôi sống ở đó trong một khu chia lô với những con đường nhỏ mang tên các loài chim. Ngôi nhà của ông bà thường trực mùi nước mắm, đồ rán, dầu con hổ và hương, giấy dán tường in những bông hoa khổng lồ. Cũng như ở nhà chúng tôi, tôi nhìn thấy một bàn thờ bày những bức ảnh kỳ quặc, nhất là bức của ông cố, hoặc cũng có thể là của bà cố, bị chỉnh sửa biến dạng đến mức người ta có thể tin rằng đang thấy những đôi mắt không có mặt người trong bộ phim của Georges Franju. Bà ngoại tôi gõ mõ và đốt hương, tụng kinh mấy tiếng

liền, quanh quẩn câu “nam mô a di đà fuck” – vâng, fuck, vì đó là cách người ta phát âm từ “phật” (Bouddha).

Chiều, chúng tôi ngồi xem vô tuyến – *Say mê mạo hiểm, Người đến từ Atlantide*, tôi giở bộ *Reader's Digest*^[43] của ông ngoại tôi ra. Còn bà ngoại tôi thì kể cho tôi nghe những câu chuyện bằng tiếng Việt mà tôi chỉ hiểu được một nửa trong lúc tôi bóp lưng cho bà bằng dầu con hổ.

Trong những ngày cuối tuần đó, cha mẹ tôi tranh thủ đi mua đồ ở siêu thị Tang Frères vì ở thành phố Le Mans nơi chúng tôi sống không thể tìm thấy thực phẩm Việt, bánh phở, nước mắm, dầu hào, rau thơm, không có gì hết. Một hoang mạc nơi cha mẹ tôi đang héo úa gầy mòn. Đối với những người tha hương thì thức ăn thường là cách duy nhất để có thể cảm thấy chút không khí quê hương.

Mùa hè, chúng tôi tới La Grante-Motte, và giữa vũ trụ bê-tông mà chúng tôi từng coi như đỉnh điểm của duyên dáng kiến trúc ấy, chúng tôi vui mừng nếm mùi vị của biển, của kem Mỹ ba viên mỗi tối, những điệu đà trên bãi tắm, những buổi cắm trại với bánh mì kẹp lẫn cát biển. Chúng tôi nằm dài trên một đồng khăn tắm, nhóm chúng tôi có lợi thế đông người, khoảng hai mươi đứa trẻ, dăm người lớn, tất cả đều mắt xếch. Điều đó đồng nghĩa với trẻ con thì nói to, xô đẩy, còn các bà mẹ thì thơm con theo kiểu Việt Nam, hít hà mùi của chúng như chó sói, và khi chúng lớn lên thì bày tỏ tình cảm bằng một cách rất kỳ quặc là lấy đốt ngón giữa cốc lên đỉnh đầu chúng. Có thể đó là một tập tục để xua đuổi ma quỷ. Có biết bao nhiêu tập tục như thế, như chiếc gương nhỏ treo trước cửa ra vào của nhà chúng tôi: “Ma quỷ nhìn thấy bóng mình là sợ phải biến ngay!”. Người Việt như thế đó, ồn ào, cười to, nói năng ầm ĩ, tiếng Việt tiếng Pháp lẫn lộn, thỉnh thoảng lại đệm một câu cảm thán: “Chết cha, chị quên mua chip khoai tây!!!”, hay: “Bọn mình bữa nay ăn quá trời quá đất!”. Họ nằm dài, bẻ khớp tay khớp chân răng rắc, ăn mặn chấm muối và trêu chọc, cấu véo trẻ con chúng tôi, nhìn chăm chăm vào mặt chúng tôi và đôi khi tiếp chúng tôi bằng một câu không mấy dịu

dàng, với một kiểu thẳng tưng rất Việt: “Trời ơi, trời đất quỷ thần ơi, sao hời này con mập dữ vậy!”

Nhờ thức ăn mà cha tôi bám lấy quê hương đã thất lạc của mình. Mẹ tôi nấu đồ Việt cho cha và đồ Pháp cho chúng tôi. Buổi tối, cha thường về quá muộn để ăn cơm cùng với gia đình. Những món ăn mà cha thưởng thức với một tiếng thở dài dễ chịu dường như quá đặc biệt với chúng tôi.

Chúng tôi đã hòa nhập vào nước Pháp, những đứa trẻ “chuối” bên ngoài màu vàng, bên trong màu trắng. Chúng tôi nói tiếng Pháp, ăn cơm Pháp, tiêu hóa nước Pháp. Chúng tôi đi dạo trong siêu thị Leclerc như thể đi dạo trong một khu công viên giải trí, hồ bơi đầy xe chất đầy sữa chua Mami Nova, phó-mát Babybel, phó-mát tươi trộn tỏi Boursin, khoai tây nghiền Mousline, sô-cô-la Trufon, khoai tây chiên McCain, thịt bò xay Charal, pizza Pai, hạt ngũ cốc Smacks... Chúng tôi muốn ăn như người Pháp. Chúng tôi, những kẻ đã quen với những quán ăn của phố Tàu có bàn tròn và một cái mâm gỗ quay tít ở chính giữa, tranh treo tường in hình thác nước lung linh và những con vịt quay treo ở tủ kính, chúng tôi mơ ước được đến các quán ăn của người Pháp, quán ăn giữa đường Courtepaille có mái lợp rơm giả, các quán bánh kẹp theo kiểu Bretagne, các *flammenkueche*^[44] theo kiểu Alsac. Mỗi khi đọc sách, tôi bị say mê bởi các món ăn, tôi nuốt nước bọt ừng ực trước các bữa tiệc trong truyện của Zola^[45], rượu vang trắng, gà mái tơ, thịt rừng và nước sốt, thịt bê Marengo, bánh trứng phòng, đồ nguội nhồi, tôi tưởng tượng ra mùi vị thanh tao của món bánh rán nhân sữa và si-rô đào mà bà Fleurville dọn ra trong truyện của nữ công tước Ségur, và tôi bị thu hút bởi các sách dạy nấu ăn, mê những cái tên vang vang của các món ăn Pháp, ragu cừ non, trứng mimosa, tuyệt đỉnh gia cầm, gà cỏ nướng than.

Tôi muốn là người Pháp tới mức không sao chịu nổi khi bị đánh đồng với những người nhập cư khác, những kẻ nói tời ngôn ngữ của Voltaire,

những “*fresh of the boat*”^[46] – dân mới sang, hay di dân gốc Bắc Phi, tất cả đều *nhà quê*^[47]. Nhục nhã nhất là bị nhét chung một rọ với Hoa kiều mà trên vô tuyến người ta vẫn nhắc đến với nhiều ngò vực (nhập cư lậu, mafia,...). Có một thời gian, tôi sống nhờ nhà cô ruột tôi trong một cao ốc ở quận 13 và tôi đã đâm ra ghét cay ghét đắng mùi nước mắt thấm đẫm bốn bức tường, túi vàng của siêu thị Tang Frères, biển hiệu sặc sỡ “Thiên điều”, “Thượng uyển”, những ngày Chủ nhật ồn ào khi tất cả những gia đình gốc Á của nước Pháp và vùng Bắc Tây Ban Nha có vẻ như đang tụ tập tại đây, chen lấn mua cả núi gạo mì, nước mắt, rau cỏ. À không nhé, không bao giờ có chuyện tôi sống ở khu này, cùng bọn Tàu phũ. Không, cảm ơn, thà chết còn hơn, trời ơi, có chỗ nào xấu hơn khu này nữa không, xấu kinh hoàng. Và tôi mơ tới những căn hộ cổ kính kiểu Haussman có chỉ tường hoa văn nổi, bên cạnh là các quán bánh mì, cửa hàng phở-mát, tiệm bán rượu vang... Ấy thế mà như bị nam châm hút, cuối cùng tôi đã chuyển đến ở trong một cao ốc, ngay trung tâm khu Tàu, giữa những Hoa kiều cứ nhằm tôi là đồng hương. Cứ vài mét một tiệm Tàu, một tiệm tóc mang tên Jenny treo ảnh các ngôi sao màn ảnh Hồng Kông tóc xù, và một rừng biển hiệu sáng choang bằng tiếng Hoa đèn nhấp nháy như một casino của Las Vegas. Mẹ tôi rất phiền lòng về chuyện này. Trước khi tôi chuyển đến, mẹ tôi tới thăm căn hộ, gặp một hàng xóm da trắng, mẹ tôi gọi to: “Đây đông người Hoa quá nhỉ!”. Người này bối rối nói: “Họ tốt bụng lắm, bà đừng lo!”. Mẹ tôi giải thích với tôi: Hoa kiều càng đông thì giá bất động sản càng hạ, bất động sản mất giá. Và mẹ tôi không phải là người duy nhất có suy nghĩ như vậy: ông hàng xóm gốc Hoa – Thái sống ở tầng 4 cũng lo về việc Hoa kiều xâm nhập và khu nhà của chúng tôi ngày trước dễ chịu hơn bao nhiêu, khi mà chỉ có dân Pháp.

A người Pháp...

Lúc còn nhỏ, khi chị em tôi cãi nhau với các chị em họ, ông ngoại mắng chúng tôi và dọa gọi “ông Tây”. Ông Tây là con ngáo ộp độc ác. Ông

Tây – một ông đến từ phương Tây – tóm lại, đó là người Pháp. “Nếu con không ngoan, ông Tây đến giết đấy”. Giờ đây tôi nghĩ về tất cả những lần mẹ tôi nói “bọn Pháp”. Bọn Pháp thế này, bọn Pháp thế kia. Chúng tôi thở dài bảo mẹ: Đừng nói “bọn Pháp” nữa được không, mình cũng là người Pháp đấy.

Bây giờ tôi đã làm mẹ. Các con tôi là những đứa trẻ lai. Nửa này, nửa kia. *Đầu gà, đít vịt*^[48]. Tôi ôm điện thoại nhờ mẹ tôi dạy cách nấu phở. Khi chúng phản ứng bằng cách cho bơ vào cơm như bà nội chúng, tôi bất giác thấy mình nói: “À, đừng. Bọn Pháp mới ăn kiểu vậy”.

VÔ DANH Ở ĐỊA CHỈ NÀY

Bà đã gửi thư xin bản sao giấy khai sinh cho ông Bui A. D. Chúng tôi lấy làm tiếc thông báo với bà rằng ông ấy không hiện diện trong các hồ sơ của chúng tôi. Chúng tôi xin lỗi không thể giúp bà trong việc tìm kiếm của bà.

2007. Tôi viết thư gửi vụ Lý lịch nhân sự Nantes xin một bản sao giấy khai sinh của cha tôi và mẹ tôi, đều sinh ở ngoài nước Pháp. Nhân viên của vụ tìm thấy một số giấy tờ liên quan tới mẹ tôi. Nhưng về cha tôi, họ nói rõ: Không hiện diện.

Về sau, tôi biết rằng kiểu rủi ro này đôi khi cũng xảy ra với tên và họ của chúng tôi, do các cơ quan hành chính viết sai chính tả. Cha tôi đã bị nuốt chửng vào cái bụng đen ngòm của Vụ Lý lịch nhân sự Nantes, đầu mỗi nhận tất cả giấy khai sinh của những “người Pháp sinh ở nước ngoài hoặc lãnh thổ từng do Pháp quản lý”. Mấy tờ hành chính đơn giản thế này thôi mà chứa đựng bao cuộc đời, bao chuyến đi, bao câu chuyện!

Tôi zoom trên Google Map để xem số 11 phố Maison-Blanche, địa chỉ của Vụ Lý lịch nhân sự Nantes trông giống cái gì: một tòa khổng lồ bằng bê-tông và thủy tinh, kiến trúc hơi theo trường phái futuriste. Thế ra đây là nhà của yêu tinh đấy. Chính tại đây mà người ta biến mất. Bị nuốt chửng, tiêu hóa trong dạ dày và nhả ra đằng miệng dưới dạng giấy fax. Cha tôi đã bị ăn, giấy khai sinh của cha đã bị nghiền ra nghìn mảnh vụn li ti, có thể đã tái sinh dưới một căn cước khác, một kẻ có cùng một lúc hai giấy tùy thân.

Tôi đã có những “sợ toát mồ hôi trước tình cảnh không hiện hữu”, như nhân vật chính trong tiểu thuyết *Quán quýt* của Romain Gary. Tôi muốn tìm thấy, dưới khe cửa nhà tôi, một bản điều tra dân số về “hoàn cảnh”, trong trường hợp lúc nào đó phải chứng minh về sự hiện hữu của tôi. Tôi luôn thích điền các loại giấy tờ. Biết ghi gì vào trong các ô trống, là để người ta xếp hạng mình, tự thu mình vào, cuộn nhỏ mình lại. Tự xếp loại, tự dán mác, tự ghi tên vào danh sách, tức là tìm một chỗ cho mình.

Đã nhiều tháng nay tôi tranh luận với hành chính Pháp về sự không hiện hữu của tôi. Trước đó, tôi làm mất chứng minh thư. Ở quầy tiếp tân của sở Nội vụ, một bà giải thích cho tôi bằng một giọng khó chịu rằng cả hộ chiếu lẫn giấy khai sinh của tôi đều không cho phép họ cấp lại một chứng minh thư mới. Tôi là công dân Pháp sinh ở Pháp, nhưng cha mẹ tôi là người nước ngoài. Bà ta đòi một “bản chứng nhận quốc tịch Pháp”. Họ yêu cầu tôi phải chứng minh tôi là người Pháp.

Tôi phản đối, tôi nhìn thấy sự bức tức trong mắt của bà nhân viên quầy tiếp tân, và tôi bất ngờ nhận ra rằng tôi đang đi ngang cái màng mỏng manh nằm giữa những người may mắn và những kẻ bất hạnh. Tôi bị chìm trong miền nước trũng của những người xuất thân hèn kém. Những kẻ đang xếp hàng xin thẻ cư trú, những kẻ thay tên đổi họ nhiều đến độ bản thân cũng không còn biết cái nào đúng, những kẻ không có dấu chuẩn, thị thực chuẩn, những kẻ đang xin xỏ và mỉm cười. Những kẻ, về thực chất, là đáng ngờ. Bỗng nhiên, tôi không còn ở bên phía đúng. Tôi không là người Pháp, như tôi cứ tưởng bấy lâu. Tôi là người nước ngoài. Một người thừa.

Tôi nhớ những tháng dài đi tới đi lui tòa án hành chính của quận 19. Đó là một vở kịch, một buổi họp xử kín. Chuyện giống như truyện cổ tích mà lão vua đã hứa gả con gái rồi nhưng vẫn quyết định mỗi khi có ai khác tới cầu hôn thì lại đòi thêm một thử thách nữa.

Đề-co: Văn phòng B

Văn phòng B nằm ở cuối cầu thang. Có một bàn, một ghế. Sau lưng bà nhân viên coi văn phòng B còn có một cửa ra vào nữa. Bao giờ cũng đóng. Phía bên kia đang ẩn “những người sau cửa”. Không ai nhìn thấy họ, không ai biết đó có phải là người thật hay không. Họ quan sát vở vũ kịch quay cuồng của những con người khốn khổ đang xin vào quốc tịch Pháp, từ đằng sau một tấm kính một chiều. Họ cười đùa.

Nhân vật: Bà nhân viên coi văn phòng B

Bà nhân viên coi văn phòng B là một phụ nữ có đôi mắt xanh giấu sau cặp kính, thân hình bó cứng trong một chiếc áo gi-lê bị xổ lông màu hạt dẻ, trông giống cô giáo vỡ lòng của tôi, rất đáng sợ, thường dán băng keo vào miệng những đứa trẻ hay nói chuyện riêng trong lớp. Nhiệm vụ của bà ta là gì? Chặn đường. Với vẻ thờ ơ và ngoan cố của người làm nhiệm vụ đuổi khách ra khỏi một hộp đêm đang là mốt. Quốc tịch Pháp: Một câu lạc bộ của một nhóm người, chật hẹp và đầm ấm, bạn tới trước cửa và bạn kêu lên rằng bạn có tên trong danh sách, nhưng thật là thảm hại, bạn vẫn cứ bị đẩy đi.

Người phụ nữ xin quốc tịch

Tôi, đang chữa vượt mặt đứa thứ hai, một con cá voi luộm thuộm trong một chiếc váy chẳng ra hình thù gì. Một cửa nợ, một kẻ vô giấy tờ.

Những người xin quốc tịch khác

Những kẻ đang nhẩy một vũ điệu vụng về và giật cục. Đạo cụ: Một cặp hồ sơ bằng bìa cứng mà tất cả bọn họ đều cất trong đó những giấy tờ nhỏ bé quý giá. Lần nào cũng diễn một vở kịch câm duy nhất. Mở cặp hồ sơ, đưa ra từng tờ một, nở một nụ cười, khúm núm và ngại ngùng. Đôi khi, những người xin xỏ ấy than vãn: “Tôi là người Pháp, thưa bà, tôi thề với bà điều ấy.” Rồi đánh giá nhau: Ông ngồi cạnh mình vẫn có vẻ hơi không Pháp bằng mình.

Hồi I

Cảnh I: Buổi hẹn đầu tiên trong văn phòng B

Bà nhân viên coi văn phòng B phát âm từng từ một: “Cô-ô có-ó thẻ-ẻ cư-ư trú-ú khô-ông? Cô-ô nó-ói tiế-ểng Ho-oa?” Bà ta tưởng tôi là một cô Hoa kiều không giấy tờ chui lủi trong một căn hộ chuyên sản xuất há cáo. Tôi ở trong quận 13, một bà láng giềng của tôi hành hạ tôi, bởi tin như đinh đóng cột rằng tôi giấu trong nhà một xưởng làm lậu: “Tối nào tôi cũng nghe thấy tiếng tách tách của máy khâu, thật kinh hoàng!!! Tôi sẽ báo cho những người phụ trách khu nhà!”.

Tôi trả lời bà nhân viên coi văn phòng B bằng cái câu mà tôi đã nói hàng ngàn lần trong đời mình: Không, tôi không nói tiếng Hoa. Bà ta đòi tôi phải đưa bản sao giấy khai sinh của cha tôi. Tờ giấy mà tôi phải xin ở Nantes.

Cảnh II: Buổi hẹn thứ hai trong văn phòng B

Tôi quay lại với bì thư kia. Cha tôi không tồn tại. Nhưng tôi bày ra các phiếu đóng thuế của ông, thẻ bảo hiểm xã hội của ông, các bảng trả lương của ông, các hóa đơn tiền điện của ông. Bà nhân viên coi văn phòng B vẫn lắc đầu. Không là không.

Cảnh III: Buổi hẹn thứ ba trong văn phòng B

Mẹ tôi tìm thấy một tờ giấy khai sinh cũ của cha tôi do Lãnh sự quán miền Nam Việt Nam cấp. Một cách thận trọng, tôi kéo nó khỏi cặp hồ sơ và đưa cho bà nhân viên xem.

Bà ta nhú mày.

“Có một lỗ thủng ở kia kìa.”

“Một lỗ thủng?”

“Ừ, một lỗ thủng. Có một vết cài giấy ở kia kìa. Như thế nghĩa là còn có một giấy tờ khác nữa. Cô đã tháo nó ra. Thật đáng tiếc, tôi không thể chấp nhận hồ sơ của cô.”

“Nhưng tôi không biết ai đã làm cái lỗ thủng kia. Chẳng có giấy tờ nào khác. Đây là bản gốc.”

“Cô phải đi xin một bản sao ở nơi đã cấp tờ giấy này.”

“Nhưng đó là Lãnh sự quán miền Nam Việt Nam! Chính quyền miền Nam Việt Nam không còn nữa từ 30 tháng Tư năm 1975.”

“Rất đáng tiếc, tôi không thể giúp cô về việc này.”

Giữa chừng, tôi làm đám cưới với cha của hai con gái tôi, một người Pháp chính hiệu. Bằng một động tác quỳ lụy cuối cùng, tôi kẹp nó vào hồ sơ của mình. Lần đầu tiên trong mối quan hệ bạo tàn giữa bà ta và tôi, một ánh nhìn có phần dịu dàng lóe lên trong cặp mắt của nữ nhân viên coi văn phòng B.

“Cô kết hôn với một công dân Pháp. Cô có thể xin nhập quốc tịch Pháp. Nhưng tôi báo cho cô biết là chúng tôi sẽ tiến hành điều tra.”

Hồi II. Công báo

Đề-co: Quận 15. Một tòa nhà hiện đại. Trụ sở của Công báo.

Một kho tàng: Thư viện. Ở đây, trên những kệ dài hàng ki-lô-mét là những sổ Công báo có ghi tất cả họ tên của những người mới trở thành công dân Pháp.

Cảnh I

Sau vài may mắn và mấy chuyến đi đi về về tới thư viện, tôi đã có trong tay sổ Công báo của tháng Hai năm 1976. Tôi cầm nó lên tay và lật từng trang, cho tới trang của ngày 4 tháng Hai năm 1976. Nhập tịch và phục tịch.

Cuối cùng, trong danh sách dài dằng dặc của những người nhập quốc tịch Pháp ngày hôm đó, tôi nhìn thấy tên của cha tôi. Sau Ben Youssef Hassen (Tunisia) được phép đổi tên thành Benoit Arsène, và Budroini Luisa Giuseppa Francesca (Ý) trở thành Louise Joséphine Françoise, cha tôi là: Bui Anh Dung, Fort-Bayard^[49] (Trung Quốc), 10-11-42, REI, 11079X75.

Cảnh II: Ôn lại lịch sử

REI là viết tắt của Réintégration (phục tịch) khác với NAT là viết tắt của Naturalisation (nhập tịch). Cha mẹ tôi đều là những người phục

tịch. Vào thời thuộc địa, người bản xứ không được coi như các công dân khác mà chỉ là những cá nhân của Pháp quốc. Cha mẹ tôi như thế sinh ra đã là người Pháp, rồi trở thành người Việt vào năm 1954, vào ngày độc lập của đất nước và theo hiệp định Genève. Sau đó họ đợi chính quyền Pháp phục tịch lại cho họ, như thể chính quyền tha thứ cho họ việc đã táo bạo quay lại trở thành người Việt.

Hồi III. Quay lại tòa án

Cảnh I

Ngày 4 tháng Chín năm 2007, 10 giờ sáng. Một con cá voi bước đi khó nhọc trong hành lang: Đó là tôi, đang tới tháng cuối của thai kỳ. Tôi nhận được thư triệu tập từ tòa án. Dừng lại trước văn phòng B. Nữ cai ngục của tôi bảo tôi phải đợi. Cửa mở.

Cảnh II

Cuối cùng, họ đây rồi. Những-người-đăng-sau-cánh-cửa. Tươi cười. Họ chìa cho tôi một phong bì. Tôi mở nó ra. “And the winner is”^[50], như người ta vẫn nói ở lễ trao giải Oscars.

Giấy chứng nhận quốc tịch Pháp

Tổng thư ký tòa án chứng nhận rằng Bui Doan Thuy là người Pháp theo quy định của điều khoản 84 về quốc tịch Pháp.

Và những-người-đăng-sau-cánh-cửa bắt tay tôi: “Xin chúc mừng. Hãy giữ cẩn thận giấy chứng nhận này, đó là bản gốc. Chúng tôi sẽ không cấp bảo sao.”

11079X75

Rất tình cờ trong một cuộc điều tra do tôi thực hiện, tôi đã bị cái bóng của 11079X75 tóm lại. Tháng Chín năm 2008, Isabelle kéo tôi vào cái dự án mà sau đó sẽ cho ra đời cuốn sách chung của hai chúng tôi: *Họ đã trở thành người Pháp*. Chúng tôi muốn tìm lại hồ sơ nhập tịch của những “người Pháp mới” mà về sau đã trở thành những nhân vật nổi tiếng, Appolinaire, Stravinski và rất nhiều người khác. Để làm điều này, trước hết phải tìm được hạt vừng, cái số X ấy, nó cho phép các nhà lưu trữ tìm lại mật mã của hồ sơ. Chính nhờ thế mà tôi đã dịch được cái số của cha tôi: 11079X75 chỉ đơn giản là mã số hồ sơ của cha tôi. Hồ sơ thứ 11079 được chuyển trong năm 1975.

Một số cuộc điều tra ngoạm lấy bạn. Còn cuộc điều tra này thì đã nuốt chửng tôi. Tôi biến thành thám tử điều tra quá khứ. Tôi lang thang nhiều ngày liền trong những căn phòng tuyệt đẹp của viện Lưu trữ, ở tòa nhà Soubise của khu Marais, lật từng trang của những tập nặng trình trịch trong bộ *Kỷ yếu pháp luật* – tổ tiên của *Công báo* – nơi đã ghi lại những danh sách tên người theo ngày tháng nhập tịch. Mỗi cá nhân được tóm tắt thành hai dòng trong *Kỷ yếu pháp luật*. Tên, ngày, nơi sinh: Một cuộc đời. Những con người này đã yêu, đau khổ, lao động, hy vọng. Rồi họ biến mất, sự tồn tại của họ cũng nhẹ như một giấc mộng, cũng chóng tàn như một dấu chân trên cát. Ngày hôm nay, ai còn nhớ tới họ? Tất cả những ai từng biết họ đều đã mất rồi, các con của họ, các cháu của họ cũng thế. Kỷ niệm về họ truyền từ tay này qua tay kia để trở nên ngày càng mỏng, rồi cuối cùng sẽ bốc hơi, như những chiếc cánh mờ ảo của hoa bồ công anh.

Mẹ tôi và bà ngoại tôi luôn sống trong mối quan hệ họ hàng mật thiết với các bóng ma. Họ tin rằng ma có thể trò chuyện với chúng ta. Sau cái chết của ông ngoại tôi, mẹ tôi ra lệnh cho tôi bật máy ghi và thu lại âm chỉnh máy của đài phát thanh để nghe tiếng thở của người đã khuất. Tôi cười nhạo mẹ. Nhưng một tối, tôi bật vô tuyến, giữ lại hình chỉnh máy, cố tìm những khuôn mặt của hồn ma trong những pixel đang nhảy múa trên màn hình.

Trong sở Lưu trữ, tôi thử chụp lấy những bóng ma. Tôi phát hiện trang *genealogie.com* và sáu thế kỷ lưu trữ phả hệ học thoải mái tra cứu. Lý lịch nhân sự, kiểm kê quân sự, hy sinh vì nước Pháp, Bắc đẩu bội tinh, danh bạ, sách lịch và huy hiệu, thậm chí cả “đăng ký hành khách tàu thủy đi New York”^[51]. Chỉ một cái nhấp chuột là tôi có thể vào xem hàng trăm triệu tên người: Những gia đình, những chùm tên có họ hàng với nhau, anh chị em họ, cô dì chú bác, gia tộc. Ban đêm, tôi lướt nét, trong thế giới song song của các nhà phả hệ học, tôi đọc tài liệu lưu trữ được số hóa, những lý lịch nhân sự, những thành phần dân số chuyển đổi chỗ ở trong năm 1914 đến năm 1918, những người đã hy sinh cho nước Pháp, các bức ảnh lớp đã cũ, những bản hướng dẫn du lịch gọi lại những điểm đến và các thành phố giờ đây đã mất tên. Tôi bàng hoàng đối diện với những mảnh vụn của quá khứ lênh bênh trên mạng, ngâm giữ trong chất phóc-môn, những mẫu li ti của đời người mà chẳng ai còn nhớ nữa. Chúng ta còn lại cái gì, khi tất cả những ai yêu quý chúng ta lần lượt qua đời? Những dòng chữ, một cái tên, một ảnh avatar trên facebook, giữa hàng tỷ những thứ tương tự đang tràn ngập cái gọi là “Cloud” của mạng.

Trên trang *genealogie.com*, 273 triệu cây phả hệ đã được số hóa. Những người khuyết danh tìm tên và dấu vết, tỏ lòng thành kính với những ông bà tổ tiên mà họ chưa từng gặp. Tôi thử tìm cây phả hệ của chúng tôi. Tôi không biết tên của cả ông nội lẫn bà nội tôi, và còn lâu mới biết nơi sinh và ngày sinh của họ. Khi tôi đánh chữ “Bui” trong phần

tìm kiếm, trang này trả lại tôi dòng chữ thảm hại “Không câu trả lời nào được tìm thấy”. Thế nhưng, một dấu vết của cha tôi đã tồn tại đâu đó ở kho Lưu trữ. Trong vương quốc của những người nhập tịch Pháp từ sau năm 1930: Kho lưu trữ Fontainebleau.

Kho lưu trữ Fontainebleau nằm trong một tòa nhà hiện đại có kiến trúc gây hoang mang. Chính nơi đây, trong cái hầm bunker này, đã là nơi từng đặt các văn phòng của NATO sau đó được hoàn trả cho nước Pháp vào năm 1967. Trong các phòng mênh mông giá lạnh là bầu không khí kiểu Xô Viết. Những chiếc bàn lớn bằng formica, những chiếc đèn bằng kim loại, những giá đỡ bằng sắt và một vài thùng các-tông, ánh sáng sống sượng của đèn nê-ông. Khi chúng tôi đến nơi, đã có một khách tham quan nhưng phòng vẫn im ắng không sao tin nổi.

Ních trong áo măng-tô và khăn quàng cổ, tôi có cảm giác như mình là một đứa trẻ ngay trước lúc mở quà Giáng sinh. Trên mặt bàn, một hồ sơ nằm đợi tôi. Số 11079X75. Hồ sơ của cha tôi.

HỒ SƠ

Bìa bọc hồ sơ làm bằng các-tông cứng. Trong tình trạng tốt hơn so với các hồ sơ khác. 11079X75. Tôi lật nhanh: Có khoảng 60 tài liệu bên trong. Đây rồi, lá thư xin nhập tịch của cha mẹ tôi! Nó được đánh bằng máy chữ.

Kính gửi ông Bộ trưởng,

Chúng tôi vinh dự được báo cho ông biết rằng dù có vì lý do gì đi nữa chúng tôi vẫn giữ đơn cầu xin đạt được lòng trung của ông. Hãy cho phép chúng tôi bày tỏ sự cảm ơn chân thành và lòng biết ơn của chúng tôi.

Đạt được lòng trung của ông. Ờ, ai đã mách cho cha mẹ tôi cái câu khoa trương này nhỉ? Tôi dừng lại ở một thứ rất tuyệt: hồ sơ xin nhập tịch. Trong phần *Tư cách, đạo đức và trung thành*, cha mẹ tôi đã trả lời y hệt như nhau cho từng câu hỏi.

“Tư cách và đạo đức có dẫn tới một vài nhận xét của nguyên đơn? (cả hai đều trả lời Không); Nguyên đơn có được xã hội trân trọng? (Có); Nguyên đơn có thái độ chính trị không? (Không); Nguyên đơn có giúp đỡ gì cho nước Pháp? (Không); Nguyên đơn đã có thái độ và hoạt động gì trong hai cuộc chiến 1914 – 1918 và 1939 – 1945, đặc biệt là trong thời Đức Tạm chiếm? (Không); Nguyên đơn hay con cái có thực hiện hành động kháng chiến? (Không); Nguyên đơn có là cựu chiến binh? (Không).”

Tới câu hỏi *“Lòng trung thành của hai nguyên đơn có được bảo đảm không?”*, nhân viên phụ trách nhập tịch ghi khô khốc một câu: “Không có bằng chứng nào.”

Chỉ có một câu hỏi mà cha mẹ tôi trả lời hơi khác nhau một chút:

Nguyên đơn còn giữ quan hệ với đất nước mà nguyên đơn đang có quốc tịch không? Nguyên đơn còn có quyền lợi và liên hệ gia đình ở đó?

Nguyên đơn chồng: Giữ mối quan hệ gia đình ở Việt Nam. Không còn quyền lợi.

Nguyên đơn vợ: Giữ mối quan hệ gia đình ở Việt Nam. Còn quyền lợi (đất đai, nhà cửa).

“Còn quyền lợi (đất đai, nhà cửa)”. Tôi bỗng nghe thấy tiếng mẹ tôi, nói ngay sát tôi.

“Đất đai của chúng ta! Lẽ ra chúng ta sẽ là triệu phú nếu như họ không tịch thu của chúng ta! Con có thể nói thế với các con gái của con! Lẽ ra chúng ta có thể mua một biệt thự ngoài biển có bể bơi! Một bể bơi tràn bờ thật xịn!”

Mẹ tôi luôn nhớ tới quá khứ huy hoàng, những ngôi nhà to, đám người ở nấu cơm cho họ, lái xe cho họ, mẹ là Scarlett O’Hara có nước da trắng như sữa, cô con gái kiêu diễm của gia đình địa chủ giàu có, được tất cả Sài Gòn tán tỉnh, nữ sinh trường trung học Pháp Marie-Curie. Ông ngoại tôi đôi khi mang mẹ ra phố, cùng với em trai của mẹ, họ được ăn món thịt bò bít tết và khoai tây chiên hoặc kem, cuối cùng thỉnh thoảng còn được đi xem phim ở rạp Eden. Bước trên phố phường Sài Gòn, mẹ hít mùi thơm của phở, thịt ướp sả nướng xiên, có lẽ mẹ đã mơ được ăn, ở đó, ngồi xõm ngoài đường, nhưng mẹ đã không bao giờ làm. Đó là điều bị cấm. Mẹ là con gái nhà tử tế. *“Sweet girls they dunna behave like this, missia Scarlett!”*^[52]

“Ôi nếu con được nhìn thấy đất đai của chúng ta, những đồn điền cao su mênh mông ngút mắt, đất nặng và có mùi thơm, thỉnh thoảng lũ trẻ lại thè lưỡi ra liếm thứ nhựa trắng như si rô ứa ra từ thân cây tựa những giọt mồ hôi mặn, và sau khi đã chạy nhảy chán chê, tất cả sẽ uống nước mía ướp lạnh, thứ nước màu nâu, tươi và mát như đất phủ lên chân, và ở Đắk Lắk, con biết không, về hướng cao nguyên, núi non như trong tranh

khắc và chân trời biến mất sau bầu trời mờ mờ, đằng xa ấy, đất có màu đỏ, đỏ rực. Đỏ như máu. Đỏ như hồng ngọc. Mẹ tin chắc là ở đó có mỏ hồng ngọc.”

Chúng tôi khóc khi xem phim *Cuốn theo chiều gió*. Đất đỏ Tara hòa với đất đỏ Đắc Lắc, những tên yankee lẫn vào những người Cộng sản. Tôi hình dung cảnh mẹ tôi quỳ trên những cánh đồng của mình, lúc quay về lấy lại tài sản, một cuộc báo thù vẻ vang. Họng tôi nghẹn lại trước cảnh Ashley Wilkes, tan nát trở về từ cuộc chiến tranh ly khai^[53].

Cha mẹ tôi là những kẻ sống sót của một thế giới đã mất. Thế giới trước ngày 30 tháng Tư năm 1975. Từ những con vua cháu chúa, họ trở thành những kẻ ăn mày. Có những người như Ashley Wilkes, uống cho đến giọt cuối chén thuốc độc êm dịu của nổi u sầu, không tài nào hội nhập với thế giới mới. Những kẻ hiếu chiến như Scarlett, tham trả thù, sôi sục, tranh đấu, giận giữ và quyết liệt. Nếu tôi thấy mẹ tôi trong hình hài nàng Scarlett, cứng rắn như đá tảng, thì dưới mắt tôi, cha tôi hoài cổ, im lìm lại chính là chàng Ashley Wilkes hiền lành và yếu ớt. Bị nghiền nát bởi số phận và lịch sử, bị cầm tù trong một quá khứ ám ảnh khôn nguôi.

Cuộc đời của cha mẹ tôi bị Hành chính Pháp sàng lọc, tôi đã đọc và nhận ra rằng nhân viên nhận hồ sơ nhập tịch của họ đã để lại một hình ảnh về cha mẹ tôi trái ngược với những gì tôi vẫn hình dung trước đây. Theo nhân viên này, cha tôi sang năm 1961 đã hội nhập hơn mẹ tôi sang sau, còn mẹ tôi vẫn hoài cổ với “đất đai của mình” và ít đồng hóa hơn. Cha tôi, dưới mắt chúng tôi, có vẻ truyền thống hơn, gắn bó với văn hóa và ngôn ngữ Việt hơn, hóa ra lại Pháp hơn theo cách đánh giá của Hành chính Pháp.

Bản báo cáo ấy được kết luận bằng câu hỏi dưới đây khiến tim tôi tan nát khi tôi nhớ tới cha tôi đang ngồi xem phim tài liệu về Việt Nam trên vô tuyến truyền hình, giống tất cả những người di dân sống nhờ thức ăn tinh thần từ ăng-ten chảo, sợi dây rốn nối họ với quê hương đã mất.

Nguyên đơn có vẻ đã hết hy vọng quay về cố hương?

Trả lời:

Ông ấy đã hết hy vọng quay về cố hương.

Bà ấy có vẻ đã hết hy vọng quay về cố hương.

“Bà ấy có vẻ đã hết” là cho mẹ tôi, còn “ông ấy đã hết” là cho cha tôi. Bịp nhân viên hành chính Pháp thật là dễ.

Tôi quay lại hồ sơ nhập tịch, và tôi nhìn câu hỏi cuối:

Sự nhập tịch của nguyên đơn hay các nguyên đơn sẽ có khả năng tạo dựng một gia đình đúng kiểu Pháp không?

Trả lời:

Sự nhập tịch của các nguyên đơn sẽ có khả năng tạo dựng một gia đình kiểu Pháp.

Tôi chú ý tới sự vắng mặt của chữ “đúng” trong câu trả lời. Cuối cùng, cha mẹ tôi có làm khác câu trả lời kia không? Chúng tôi đã trở thành một gia đình “đúng kiểu Pháp” chưa? Tôi cũng chẳng biết nữa.

HỒ SƠ (TIẾP THEO)

Tôi rùng mình dù đang mặc một chiếc áo len dày. Tay tôi như đóng băng. Các ngón chân sưng tấy. Tôi đi tìm ký ức của chúng tôi, tìm cha tôi, nhưng đối diện với tên cha lặp đi lặp lại trên các trang của hồ sơ nhập tịch, tôi có cảm giác đang săn đuổi một cá nhân chẳng có gì chung với người là cha đẻ của tôi. Tôi thử hình dung trong đầu những nơi mà cha đã từng sống, có những nơi hoàn toàn không hoặc chỉ hơi gợi chút gì đó cho tôi, tôi đọc hết các phiếu ghi chép và tên họ của những người không còn nữa, tôi muốn giữ lại những cái bóng đang biến đi, cái quá khứ bị tháo vụn ấy. Tôi cố kéo sợi len về phía tôi, những mũi len bị tháo tung như trong một chiếc khăn đan vụng, và tôi chẳng còn gì nữa cả. Tôi mò mẫm, tôi đọc lại từng từ, thử tìm ở đấy một ý nghĩa bị giấu bên trong, sự thật, một sự thật, trong những bản khai hành chính đó. Sự thật: *Aletheia*. *A* là tiền tố phủ định, còn *Letheia* có nghĩa là lãng quên. Sự thật là điều vượt qua sự lãng quên. Sự thật trốn trong những trang giấy bị đóng dấu này, những tài liệu công khai, những bản báo cáo đó? Bằng cách sẫm soi những dòng chữ, những câu văn ở dạng khẳng định, tôi sẽ có thể hiểu được cha tôi, người mà tôi biết quá sơ sài?

Hết trang này đến trang kia. Và bỗng nhiên, như người ta chợt gặp một hình bóng giống với người thân đã qua đời, tim tôi ngừng đập: Tôi thấy lại nét chữ của cha tôi. Những chữ cái to nguệch ngoạc, vừa tròn vừa nhọn. Chữ ký mà tôi từng bắt chước trong sổ liên lạc. Tôi không thấy chúng nữa từ khi cha tôi bị tai biến: Liệt bán thân, cha chỉ còn viết bằng tay trái. Từ đó trở đi nét chữ của cha trở nên ngập ngừng. Thật khác.

Đây là danh sách những địa chỉ mà cha từng ở.

Fort-Bayard, 1942 – 1945

Hà Nội, Bắc Việt Nam, 1945 – 1954

214-19-15, đường Nguyễn Hữu Cánh, Sài Gòn, 1954 – 1961

169, phố Saint-Jacques, quận 5, Paris, từ 6-12-1961 đến tháng 6 năm 1962

59, đại lộ Jourdan, từ tháng 6 năm 1962 đến tháng 10 năm 1965

91, đại lộ Denfert-Rochereau, từ tháng 10 năm 1965 đến tháng 10 năm 1966

7, phố Champollion, tới tháng 10 năm 1971

182, đại lộ Rouget-de-Lisle, thành phố Vitry-sur-Seine, từ tháng 10 năm 1971 đến tháng 1 năm 1973

Nơi ở hiện nay: 9, khu nhà Bois-le-Roi, thành phố Les Ulis

Quá khứ của cha tôi được tóm tắt trong vài nơi chốn. Về cuộc đời của cha, cho tới lúc này tôi chỉ biết vài tình tiết rời rạc: Ông sinh ở Trung Quốc, Fort-Bayard, mà cái tên khiến chúng tôi phì cười. Một thời gian dài, chúng tôi nhầm nó với Fort-Boyard, hòn đảo trong chương trình vô tuyến có lão Fouras và anh lùn Passe-Partout mà chúng tôi luôn xem cùng nhau: những người dự thi phải vượt qua nhiều thử thách trong đó có trò đặt tay vào một hộp chứa đầy gián và rắn. Cha tôi không sợ côn trùng. Lúc còn bé, cha đã sống trong rừng rậm, cha kể cho chúng tôi như thế, và ăn châu chấu nướng, kiến, gián. Cả sâu nữa: loại ngon nhất là sâu đất to, màu trắng, làm tổ trong một loại vỏ cây, mà người ta đem tắm với nước mắm trước khi chiên. Tôi hình dung giai đoạn “rừng rậm” này nằm đâu đó trong khoảng thời gian mà cha gọi là “Hà Nội, Bắc Việt Nam, 1945 – 1954”, khi cha từ 3 đến 12 tuổi. Tất cả tuổi thơ của cha.

Tuổi thơ của cha như thế nào? Cái câu “Hà Nội, Bắc Việt Nam, 1945 – 1954” không nói lên điều gì. Sau Hiệp định Genève, đất nước bị chia làm đôi: Một triệu người dân miền Bắc đã di cư vào Nam, trong số họ có gia

đình của cha. Sau đó cha sống thời niên thiếu ở Sài Gòn và tốt nghiệp trung học ở đó. Rồi cha sang Pháp năm 1961. Hành trình ra nước ngoài của cha đã diễn ra như thế nào? Cha đã để gì trong va-li của mình? Cha của cha, mẹ của cha và các chị em gái của cha đã dặn dò gì cha? Cha có khóc vào ngày ra đi? Lúc đó cha không biết sẽ gặp lại gia đình vào hoàn cảnh nào và lúc nào? Hẳn là cha cũng mặc một chiếc áo len do mẹ của cha đan, chiếc áo mà tất cả người Việt tha hương đều nhét vào hành lý của mình: Mẹ của cha đã sợ vô cùng khí hậu lạnh giá của nước Pháp xa xôi. Nước Pháp! Cuối cùng cha cũng đặt chân đến vào ngày 6 tháng Mười hai năm 1961. Tôi tưởng tượng cha đang xa dần cái đốm màu xanh lá và xanh dương của đất nước cha, chuyến bay dài, cha thiu thiu nửa ngủ nửa thức, bị tỉnh dậy nhiều lần, và đây, nước Pháp tới gần, cha nghiêng đầu nhìn qua cửa sổ máy bay, cha hoảng hốt khi thấy những tòa nhà cao tầng nhìn từ trên xuống, máy bay hạ cánh, cha bước ra, sân bay Orly – lúc đó sân bay Roissy còn chưa tồn tại – thật là mênh mông trong mắt cha. Cha sững sờ trước đám đông, toàn người Pháp. Cái lạnh cắt da cắt thịt túm lấy cha ngay lúc rời máy bay, cha chưa bao giờ có cảm giác đó, hơi nước bốc ra từ miệng khi cha nói, đôi tay đóng băng phải nhét vào túi áo để hâm nóng lại.

Các cuộc điều tra không được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Trong tài liệu, cha tôi luôn được gọi là “người ngoại quốc này”. Trong một bản báo cáo năm 1963, tôi hay rằng tháng nào cha cũng nhận 500 quan Pháp do ông nội tôi gửi sang.

Một ghi chép của sở Nội vụ cũng cho biết rằng cha tôi “đã điền đơn xin nhập tịch vào tháng Giêng năm 1969”. Vào năm 1969? Cha luôn khẳng định là cha muốn quay về Việt Nam sau khi học xong. Sau đó cha đã gặp mẹ ở Pháp, và hai người cưới nhau. Nếu không xảy ra biến cố 30 tháng Tư năm 1975 thì cha mẹ đã về nước rồi. Tất cả gia đình bên cha còn ở đó. Mẹ của cha, các chị em của cha. Thế thì tại sao cha lại muốn nhập quốc tịch Pháp ngay từ năm 1969? Cha có bàn với ông bà nội tôi?

Và tại sao cha lại điền cái đơn xin kia và sau đó không theo đuổi tới tận cùng?

Một báo cáo khác từ cảnh sát đang đợi tôi đọc. Có thể tôi sẽ biết thêm ít nhiều về chuyện này. Giai đoạn đó, cha sống ở phố Champollion, con phố nhỏ có rạp chiếu phim mà cha đã kể cho tôi, mắt sáng lấp lánh, khi tôi đến Paris để học đại học: Cha ở trong căn hộ ngay trên nóc rạp, cha làm công việc xếp chỗ trong rạp và được xem không mất tiền tất cả các phim chiếu ở đó. “Một đoạn đời tuyệt đẹp”, cha nhắc đi nhắc lại với tôi.

Báo cáo của cảnh sát

Điều tra viên: Armand Thierry

Gửi ngài tổng cảnh sát trưởng

Mục đích: thông tin về ông Bùi Anh Dũng

Cuộc điều tra được thực hiện tại chỗ ở số 7, phố Champollion, quận 5 Paris, cho thấy điều sau: Ông Bùi đã sống ở tầng 1 bên trái trong một phòng mà ông thuê của ban giám đốc rạp chiếu phim Les Noctambules cũng ở địa chỉ trên. Ông Bùi sống chung với một phụ nữ có tên M, làm nghề y tá, và một con trai nhỏ. Bản thân ông Bùi là bác sĩ và làm việc tại bệnh viện Cochin. Dương sự tiếp ít bạn và có vẻ có tinh thần rất tốt. Dường như không tham dự vào các hoạt động chính trị. Có uy tín cao với láng giềng và chưa bao giờ khiến cơ quan chúng tôi phải chú ý.

Bà M? Một con trai?

Hẳn là một nhầm lẫn. Hồ sơ của cha đầy rẫy nhầm lẫn. Một trang có nhắc đến “em trai” của cha, trong khi cha là con trai duy nhất trong nhà: Hóa ra là em gái cha, một nhầm lẫn quá sức. Tôi lại lật từng trang của hồ sơ nhập tịch, và đến mục “Con còn sống, hợp pháp hoặc máu mủ, thành niên hoặc vị thành niên, được sinh ra từ hôn nhân hiện nay hoặc trước đó”, tất cả đều bị gạch bỏ. Tôi mở xem phần kết hôn của cha mẹ tôi: Mục “Con đẻ được công nhận” cũng bị gạch nốt.

Bà M và con trai. Nhầm kinh hoàng! Như tất cả những nhầm lẫn mà Isabelle và tôi từng nhận thấy, trong các báo cáo của cục Tình báo và các hồ sơ nhập tịch khác. Tất cả những mật thám vô danh mà chúng tôi bắt gặp trong các nguồn lưu trữ: Những nhân vật phụ trong các câu chuyện của chúng tôi, những cái bóng đi theo các nhân vật chính để điều tra về lảng giềng, tư cách, đạo đức và quan điểm chính trị của họ, đôi khi lui tới các buổi họp dân cư một tòa nhà, tán chuyện với các gác cổng, hàng xóm, ông chủ quầy bán thuốc lá lẻ, bà chủ cửa hàng bánh mì, để thử tạo dựng lại những cuộc đời thông qua những điều ngòai lề đôi mách lỏng lẻo đó. Các thám tử tư giả hiệu, ghi chép chỗ này một lời phát biểu “phản quốc”, chỗ kia một thái độ đáng ngờ, những điều tra viên đáng lo ngại mà trong thời phát xít Đức chiếm đóng từng vây đồn dân Pháp “xấu” tức dân gốc Do Thái. Những điều tra viên của tiểu thuyết. Nhưng đây có phải là tiểu thuyết đâu.

Buổi tối hôm ấy, tôi kể lại cho em gái tôi chuyện mà tôi mới khám phá trong ngày. Chúng tôi cùng phá lên cười. Chúng tôi cùng đồng ý với nhau là không cần phải nói với mẹ tôi về chuyện này. Tuy nhiên tôi cũng google cái tên M đó. Tôi tìm thấy nó trên facebook. Tôi gửi một tin nhắn để xem bà M này có phải đã từng quen cha tôi. Không, bà ấy lấy làm tiếc, lúc đó, bà ấy mới lên 9, hẳn là tôi đã nhầm với ai khác. Ngoài ra bà ấy chưa bao giờ nghe thấy phố Champollion, cũng như khu Latin, bà ấy học đại học ở Dijon, không quen sinh viên y khoa nào, tiếc quá, bà ấy kết luận với một smiley, quen bác sĩ thật là tiện lợi.

NHỮNG NGƯỜI CHA VÀ NHỮNG NGƯỜI MẸ

Tôi lưu trữ hồ sơ Bùi vào hồ sơ “Nhập tịch” trong máy tính của tôi. Tôi không mở nó ra nữa. Tôi không thắc mắc gì. Tôi tiếp tục say mê tìm hiểu về các gia đình di dân khác. Lần nào tôi cũng ngạc nhiên về sự có mặt khắp nơi của những người cha trong các hồ sơ hành chính, trong khi đó những người mẹ chỉ là những cái bóng thoáng qua, vài dòng bất ngờ trong một trang: “Vợ đi kèm”, thậm chí vợ “xin phục hồi quốc tịch Pháp”. Cho tới năm 1945, phụ nữ Pháp bị mất quốc tịch khi cưới một “người ngoại quốc”! Luật pháp theo chế độ phụ hệ và những người cha di dân là những người duy nhất mà sự tồn tại được lưu trữ trong lý lịch nhân sự. Còn các bà vợ của họ thì biến mất.

Cha của chúng tôi cũng không ngoại lệ. Mẹ tôi, “vợ nguyên đơn”, lướt qua như một bóng ma. Giữa hai vợ chồng thì mẹ là người đến Pháp sau, cho tới lúc đó là mới gần ba năm. Người ta tưởng tượng là mẹ bị xóa nhà, hoảng hốt, sợ sệt, bám chặt lấy tay chồng, người quen thuộc quê hương mới này, người hướng dẫn mọi thứ cho mẹ.

Nhưng ở nhà chúng tôi, hiện thực lại khác hẳn. Mẹ tôi, người nói tiếng Pháp rất giỏi, đã nắm giữ vũ khí của ngôn ngữ và thường phát biểu thay cha tôi. Tôi luôn thấy cha tôi như một cái bóng, một vệ tinh xoay xung quanh mẹ tôi, vì tinh tú của cả nhà. Mẹ tôi và những bay bổng rồ dại. Mẹ tôi có mặt khắp nơi, sở hữu, độc đoán. Mẹ tôi, một phiên bản Á châu của Lời hứa trước bình minh. Mỗi khi đọc lại cuốn truyện này, tôi lại thấy mẹ trong hình hài của Mina đang cố biến cậu bé Romain thành vô địch tennis rồi nhạc sĩ vĩ cầm điêu luyện (chỉ khác là em trai của con,

nó RẤT có năng khiếu). Và khi tôi tập dương cầm, mẹ tôi trở thành một người yêu nhạc thật sự, đứng lên bật bản ballade số 1 của Chopin chơi bởi Claudio Arrau và ra rả bảo tôi: “Con phải chơi như thế này! Tình cảm lên! Con chưa đặt đủ tình cảm vào bản nhạc!”. Mẹ lôi cha đến những buổi trình diễn của chúng tôi, và mỗi năm một lần, tới một buổi hòa nhạc cổ điển. “Vì con cái”, mẹ tuyên bố, một cách kiên quyết. Cha ngủ gật đôi khi, cha luôn bị mệt rũ. Cha mẹ tôi mỗi người có cách riêng để thể hiện sự tự hào của mình về con cái. Cha tôi thường im lặng, chưa bao giờ cha mở miệng bình luận về bất cứ bài viết nào của tôi. Mẹ tôi thì bông bột, mẹ đọc tất cả và thổ lộ: “Không đủ chất THƠ!!! Con phải cho ÂM NHẠC vào chữ nghĩa của con! TỂ lắm!”

Tha hương làm tan nát những người cha. Ở Việt Nam, họ lưu truyền việc thờ cúng tổ tiên. Họ ra trận để bảo vệ đất đai và tài sản của mình, kể những câu chuyện, những câu chuyện lớn lao mà con cháu sau này vẫn nhớ mãi. Trên mảnh đất của họ, trong gia đình của họ, họ gọi lòng tự hào, họ là chúa tể của thiên mệnh. Pagnol nói tới vinh quang của cha mình, nhưng trong tha hương, một người cha đâu còn có vinh quang. Ông đã bị cắt cánh, như con hải âu của Beaudelaire. Ông gục xuống, chẳng còn là gì nữa. Và khi ông vùng dậy, ông trở thành kẻ đánh nhau với cối xay gió: Người ta không hiểu ông, người ta nhìn ông như kiểu bề trên. Sau một ngày lao động mệt nhoài, ông trở về như một người xa lạ trong chính ngôi nhà của mình, không còn kể chuyện được cho các con, chúng không hiểu ngôn ngữ của ông nữa, và ông luôn luôn về nhà quá muộn để có thể kể cho chúng bất cứ điều gì. Vợ ông triu mến ông, chăm sóc cơm nước cho ông, các con ông tôn trọng ông, trả lời ông không hề láo lếu, nhưng chúng đã bước sang phía bên kia. Chúng đã phản bội ông.

Người ta yêu cầu ông hội nhập: từ bỏ con người trước đây của ông. Ông là vị vua bị truất ngôi quay tròn như một con vật nhốt trong cũi. Ông là tù nhân của quá khứ chính mình. Ông nhấm nháp chất lỏng chua cay của hoài cổ đang chảy trong huyết quản. Ông hồi tưởng khôn nguôi

về sự thất bại. Ông không mở miệng nói năng gì. Thỉnh thoảng ẩn mình vào vị nòng ấm ngọt ngào của rượu, loại rượu vang rẻ tiền, cho ông ảo giác được quay về làm vua một lần nữa: Ông cười to, nói to, ông, người từ trước đến giờ vẫn có thói quen im lặng, trong một khoảnh khắc, ông có thể quên đi thân phận di dân. Lúc nào có điều kiện là ông trốn khỏi nhà, đi tụ tập bạn bè ở quán karaoke, cà phê, hay bất cứ chỗ nào, nơi mà tất cả những người đàn ông di dân được củng cố niềm tin về bản thân, tin vào sức mạnh của mình và hồi nhớ những kỷ niệm vinh quang. Một mình ở thành phố Le Mans, cha tôi không có được sự tiếp sức đó: Gặp lại các đồng hương để nói về quá khứ, cái quá khứ đã không thể tìm được vị trí dưới mái nhà của chính ông.

Ngược lại, tha hương kích thích những người mẹ. Họ lao vào cuộc chiến mới với sự bạo tàn, hung hăng và say sưa. Họ chỉ còn sống vì con cái. Họ cóc cần biết con cái có tự hào về họ hay không, họ sẽ tự hào họ tất cả chúng nó. Họ không từ bỏ những giấc mơ của mình, những giấc mơ còn tham vọng hơn, điên cuồng hơn, cao hơn cả các vì sao: Con sẽ là bác sĩ giải phẫu và sẽ ghép những trái tim người; con sẽ là nhà thiên văn học và khám phá ra các hành tinh khác; con sẽ là nhạc sĩ vĩ cầm tài danh, vận động viên thể vận hội, đại sứ, Bill Gates hay Steve Jobs; con sẽ phát minh ra thuốc chữa sida; con sẽ đoạt giải Goncourt, Nobel, Chủ tịch Liên Hợp Quốc, Tổng thống Hoa Kỳ, và tên họ của chúng ta sẽ rực sáng, và chúng ta sẽ nhận huân chương trong vòng vây camera của CNN, chúng ta sẽ bơi trong tiếng hoan hô cuồng loạn của đám đông. Để đoạt được thắng lợi trong cuộc chiến mới, những người mẹ sẵn sàng hy sinh tất cả. Họ dành cho con cái những điều tốt đẹp nhất: sách vở, dương cầm, tennis, như trẻ con người Pháp. Thậm chí họ còn đến tán chuyện với các bà mẹ Pháp để hội nhập vào xã hội này bởi nhất định phải hội nhập, còn cái gì mà người ta không thể làm cho con mình cơ chứ? “Mẹ à, mẹ có thể giết cả người vì các con”, mẹ tôi nói. Sự hung tợn trong

cái nhìn của mẹ khiến chúng tôi phải dè chừng: Mẹ nói nghiêm chỉnh chứ không đùa.

NHỮNG BỨC ẢNH CỦA NGƯỜI CHẾT

Một năm trôi qua. Một năm sau, năm 2011, một cái tang đã gõ cửa nhà chúng tôi, thành linh và hung bạo. Hôm ấy là thứ Tư. Chúng tôi nhận được điện thoại từ Văn phòng Tai nạn – ai mà biết rằng có một chỗ gọi là Văn phòng Tai nạn ở Paris? Mẹ của Benoit, cha của các con tôi, bị xe máy đâm và đang nằm trong bệnh viện, hôn mê.

Trong một phòng rộng của khoa Chấn thương, các bệnh nhân, hay chính xác hơn là thân thể của họ (một bệnh nhân mà còn đợi thì còn hy vọng sống, nhưng những bệnh nhân này thì chẳng còn gì mà đợi nữa), được ngăn cách bằng những tấm ri-đô mỏng. Chúng tôi được các y tá dẫn đến tận chỗ của bà. Căn phòng thật yên tĩnh, chỉ xao động bởi tiếng lách tách nhẹ nhẹ của máy móc. Ánh sáng vàng và hơi xanh lơ bao phủ nơi này một không khí kỳ lạ. Không có một tiếng rên nào, một lời phàn nàn nào: Những người nằm đây đều đã ở trạng thái lơ mơ. Mẹ của Benoit còn thở, thân thể vẫn đây, vẫn hoạt động. Bà giống cha tôi vào lần đầu tiên mà chúng tôi đến thăm ông ở bệnh viện, thẳng đơ, im lìm. Chỉ những thương tổn trong bộ não là cứ tiếp tục. Trên hình chụp cộng hưởng từ, vết đánh dấu bọc máu chỉ hơi to hơn vết mà tôi nhìn thấy của cha tôi. Nhưng như thế cũng đủ quyết rồi.

Bà được thiêu xác ở ngoại ô Ullis nơi ông bà ngoại tôi từng sống. Mẹ tôi có mặt vào tang lễ. Chúng tôi lái xe đưa hai đứa con gái tôi đến thăm mộ ông ngoại tôi. Chúng hỏi mộ của bà nội chúng ở đâu. Chúng tôi giải thích rằng bà đã muốn tro của mình được rải vào giữa thiên nhiên, dưới chân một ngọn núi mà bà vô cùng quyến luyến.

Tôi hẳn cũng sẽ xử sự như bà để không khiến chúng vương bận. Tôi không thích nghĩa trang cũng như quan tài. Thời đại của chúng ta đã được làm như thế: Chúng ta không còn đến thăm người chết, chúng ta nhìn ảnh họ. Nhẹ nhàng làm sao, một bức ảnh. Đó giống như một ngôi mộ có thể nhét vào túi, vào ví, và giữ lại dấu vết của những khoảnh khắc đã qua rồi. Sắp tới, cái chết sẽ còn trở nên nhẹ nhàng hơn nữa, tờ giấy ảnh nhỏ bé sẽ được thay thế bởi một dữ liệu nén ảnh jpeg, phi vật chất, một tấm ảnh hiện trên màn hình vi tính, giữa hàng nghìn tấm ảnh tạo nên toàn cảnh được số hóa của cuộc đời chúng ta.

Ngày xưa ở Việt Nam khi ảnh còn hiếm, thì có vẽ truyền thần. Người ta ngồi làm mẫu trước thợ vẽ, mặt khắc khổ, tay đặt lên đầu gối, và nghĩ về cái chết, về cái ngày mà người ta chẳng còn là gì ngoài bức vẽ đóng khung, treo đằng sau bát hương trên bàn thờ. Người ta không mỉm cười. Nụ cười trên ảnh hóa ra là một phát minh rất mới.

Trong căn nhà của cha mẹ tôi ở Le Mans, trên bàn thờ, tôi luôn nhìn thấy bức ảnh đen trắng của ông nội^[54] (tiếng Việt gọi là “ông bên trong”, để phân biệt với ông ngoại^[55] là “ông bên ngoài”). Ông qua đời năm 1970, trước khi cha mẹ tôi lấy nhau, thời kỳ mà tôi có cảm tưởng như thuộc về các huyền thoại. Trên ảnh, ông ngồi yên với vẻ nghiêm trọng, trong áo dài đen, hẳn ở tuổi năm mươi. Tôi luôn nhìn thấy người chết này trong nhà chúng tôi. Và giống như các con gái tôi khi thấy ảnh chúng lúc bé diễu đi diễu lại trên màn hình máy tính, cả hai đứa đều tưởng còn nhớ những đoạn đời ấy, tôi cũng có cảm giác biết ông nội tôi. Cha mẹ tôi đặt lên bàn thờ cúng ông hoa quả, bánh trái, tôi muốn nếm những đồ ngọt ấy, nhưng chúng tôi không được động đến, mà phải để hương cháy hết, nhắm chặt mắt lại và lạy ông (tôi đọc bài kinh Lạy Cha^[56] vì tôi đã được học ở trường, và khi nó dài quá, tôi đọc một đoạn kinh Kính mừng^[57]).

Ở Việt Nam, không tổ chức sinh nhật mà làm giỗ, ngày người ta chết. Khi còn nhỏ, tôi tự nhủ rằng truyền thống này thật vô ích. Tôi đã thay

đổi. Bây giờ, chỉ Facebook là nhớ. Đều đặn như một cái máy nhắc mọi sinh nhật, trong đó có cả sinh nhật của những người bạn đã chết.

Bức ảnh của ông nội tôi đã đơn lẻ trên bàn thờ trong một thời gian dài. Rồi dần dà, những bức ảnh khác tiếp nối nhau lên đứng bên cạnh. Lần này thì ảnh màu. Bức ảnh của ông ngoại, qua đời năm 1989. Tôi đến bệnh viện thăm ông, tôi hoảng hốt khi thấy da ông, mỏng như giấy và vàng khè – do bệnh tiểu đường và vàng da. Rồi tôi thấy ông chết. Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy người chết. Lần đầu tiên tôi dự một đám tang. Tôi còn nhớ âm thanh mạnh mẽ của những xẻng đất đổ lên quan tài.

Bà nội^[58], mẹ của cha tôi, người mà tôi biết ít hơn, trút hơi thở cuối cùng vào năm 1991. Lúc đó tôi đang đi nghỉ ở nước ngoài. Không có mặt ở đám ma, tôi chỉ biết bà mất khi quay về Pháp. Tôi không nhớ chút gì về phản ứng của cha tôi cũng như nỗi buồn của ông.

Sau đó đến lượt bà ngoại^[59] yêu quý của tôi. Bà đã quay trở lại Việt Nam vào những năm cuối đời vì không chịu nổi ý nghĩ sẽ chết ở một nơi xa quê hương. Với bà, nước Pháp là một cái ngoặc đơn lạnh lẽo và mờ mịt. Cuối cùng bà đã chết ở Việt Nam, xa đến nỗi tôi có cảm giác bà vẫn còn đang sống ở đó, chìm đắm trong những lời cầu kinh không dứt của mình. Dù chân dung của bà cũng đã được đặt lên bàn thờ, bên cạnh chân dung của những người chết khác.

Trong căn hộ của tôi không có bàn thờ. Tôi có nghĩ đến, nhưng Benoit, bố của các con gái tôi trêu tôi: “Em cũng muốn có một bức tượng Phật bằng bìa vàng chóa nữa chứ?”. Tôi chia sẻ với nhiều người Việt khả năng kém cỏi về trang trí – tôi thích những bức tranh thác nước nhấp nháy trong các quán ăn Trung Quốc – thế nên tôi im lặng trước tất cả các câu hỏi về trang trí nội thất. Nhưng em có thể nói cho anh hay mình sẽ để nó ở đâu bây giờ? Trên giá sách Billy của Ikea? Trên dương cầm? Hay lò vi sóng?

Tôi đã không biết làm gì với bức ảnh của mẹ chồng quá cố của mình. Tôi quyết định đặt nó trên dương cầm bên cạnh những bức ảnh của các

con gái tôi. Mẹ tôi tức nghẹn: “Không bao giờ được để lẫn ảnh người chết và người sống!” Tôi chịu thua. Người chết thì trên bàn thờ, còn người sống trên tường, dương cầm, giá sách. Cuối cùng bức chân dung của mẹ chồng tôi được đặt trên tấm gương che nắng của ô tô, bên cạnh hóa đơn tiền đường.

Vài ngày sau khi mẹ chồng tôi qua đời, em gái tôi gọi điện. Nó nói:

“Chị biết không, điều mà chị đọc được trong hồ sơ xin nhập tịch của cha là đúng đấy. Cha đã có vợ trước.”

BÍ MẬT

Trong nhà của chúng tôi ở Le Mans, đã có một cuộc cãi vã giữa mẹ tôi và em tôi. Tôi không biết vì lý do gì và như thế nào. Mẹ tôi đã nói. Nhắc đến người phụ nữ kia. Bà người Pháp. Em tôi muốn biết thêm. “Ra mà hỏi cha”, mẹ tôi bảo. Cha tôi ngồi trong phòng khách. Em tôi đã đóng cửa bếp lại để cha tôi không nghe thấy. “Thế còn người con? Trong giấy tờ ở cảnh sát, họ nói là có một người con”. Mẹ tôi cực chẳng đã gật đầu. Đúng, có một người con. Con trai ă? Không, không phải con trai, chưa bao giờ cha có con trai, mẹ tôi phản đối, con riêng của cha là con gái. Lại một nhầm lẫn của cảnh sát. Một nhầm lẫn thôi, dường như mẹ tôi nghĩ thế, mẹ không ngừng nhắc đi nhắc lại rằng đó là một “tai nạn”, một đứa trẻ không nằm trong chương trình. Một “tai nạn” dù sao cũng được chịu trách nhiệm, bởi vì cha tôi thường xuyên gặp gỡ người con ấy. Ở Paris. Cha ăn trưa với chị ta. Giờ đây tôi nhớ rồi. Tuần nào cha cũng có một ngày làm việc ở Paris.

Mẹ tôi ngồi nhà, ngậm miệng như hến. Mẹ không muốn nói về điều ấy.

Em trai tôi, các em gái tôi và tôi hết hồn^[60] khi biết bí mật này. Hết hồn: Hồn biến mất, bay khỏi thể xác.

ĐÀI BĂNG MOBIUS [\[61\]](#)

Cuộc sống lại quay về với dòng chảy của nó. Cuộc sống của loài đà điểu, rúc đầu vào cát. Lẽ ra sự im lặng có thể kéo dài mãi mãi. Chúng tôi đã quen với nó. Tôi đã quen với nó. Tôi không còn lời hồ sơ nhập tịch của cha mẹ tôi ra xem nữa, nó giờ đây đã bị xếp dưới đáy sâu của một ngăn kéo. Tôi đã từ bỏ ý định lần lại dấu vết những người trong gia đình mình. Rồi cũng có lý do nữa là Mê Linh con gái thứ ba của tôi. Sinh ngày 26 tháng Hai và mất ngày 13 tháng Ba năm 2013. Một cuộc đời ngắn ngủi làm sao! Vài bức ảnh, một hồ sơ y tế 32 trang, và những kỷ niệm giấu kín của tôi. Tôi không gửi giấy cáo phó cho ai. Tôi cũng không viết mail tập thể để báo tin cho mọi người. Và trên trang cá nhân Facebook của tôi, năm 2013 là một khoảng trắng lớn.

Mẹ tôi đến bệnh viện thăm Mê Linh, các con gái lớn của tôi đến gặp em trước khi nó qua đời. Chúng cũng có mặt ở đám tang. Trừ cha tôi. Tôi thậm chí tự hỏi ông có được thông báo hay không. Có thể là ông chẳng biết gì về chuyện này cả.

Tôi còn nhớ giải thưởng báo chí ấy, một tháng rưỡi sau cái chết của con gái tôi. Tôi trốn trong nhà những tuần trước đó, kiệt quệ hoàn toàn. Khi người ta báo cho tôi hay rằng tôi đã giành giải thưởng, tôi như kẻ mất hồn, nhưng tôi cũng bay đi Montréal, người ta tặng tôi vé, tất cả đã được tổ chức để chờ tôi tới. Tôi thấy mình bước lên sân khấu, ngây dại trước bao cái nhìn, tôi nhắc đến bài báo đã mang lại giải thưởng cho tôi, bài báo viết riêng cho những di dân bị chết đuối trong dòng sông Evros, ở biên giới giữa Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ. Những cái chết không để lại dấu vết. Như con gái tôi. Trong một tuần, phải làm bộ mặt dễ thương, tôi

không nói gì về nó, nó choán mọi chỗ trong tôi. Như thể tôi bị xấu hổ, nhưng về gì mới được? Hoan hô, cô hẳn là vui mừng lắm, đúng không? Tự hào quá! Ồ vâng, tôi vui lắm. Vui đến độ phát nôn. Mà tôi đã nôn thật. Lúc ấy tôi đang ở du thuyền trên sông Saint-Laurent. Những người bồi bàn mặc đồ theo kiểu thế kỷ XVIII, phục vụ món tôm và những chiếc bánh nướng nhỏ dùng với cocktail.

Tôi im lặng, tôi giữ thể diện, như người ta đã dạy tôi ngày trước. Tôi mỉm cười. Trên những bức ảnh mà bây giờ vẫn đuổi theo tôi trên Internet, nụ cười nhếch mép của tôi đông cứng như một cái nhãn mặt đến hôm nay vẫn khiến tôi lạnh người khi nhìn lại. Sự im lặng làm tôi tan nát. Tôi chỉ nói với rất ít người về cái chết của con tôi. Giống như mẹ tôi với cơn tai biến của cha tôi, tôi đã giấu tất cả.

Tôi nhận được hàng loạt mail chúc mừng. Tôi nên trả lời thế nào đây? Tôi làm những việc vớ vẩn. Tôi viết những thứ chẳng đâu vào đâu. Đôi khi để khỏi quá im lặng, tôi thông báo về cái chết của con gái tôi với vài người hầu như chẳng quen biết, họ hẳn là cũng cảm thấy bối rối trước sự thổ lộ không đúng chỗ này. Tôi chờ đợi, một cách thảm thương, những câu đáp lại và những lời chia buồn đã không bao giờ đến.

Người ta vẫn nhắc lại giải thưởng đáng nguyên rủa đó: “Dù sao thì cô cũng hài lòng đúng không nào?”. Tất cả đều nói với tôi về giải thưởng. Không ai nói với tôi về đứa con đã chết.

Đôi khi còn lại một mình, tôi đổ ụp xuống, tôi khóc như một con vật sắp bị chết đuối. Bị sự im lặng nghiền nát, tôi thềm được gào lên. Có chứ! Con gái tôi đã hiện diện, đúng đấy, tôi có chứng cứ đây này! Tôi dường như còn muốn rằng ông nhân viên cảnh sát Armand Thierry đã từng điều tra về cha tôi hãy làm thế với chúng tôi bây giờ. Ông ta hẳn sẽ ghi trên giấy trắng mực đen: Nguyên đơn từng có một con gái thứ ba, dù rằng rất ít người đã nhìn thấy đứa trẻ. Hẳn sẽ có một vết tích để lại.

Trong nhiều tháng liền, tôi ẩn mình vào việc viết. Ngôn từ xô đẩy nhau. Theo cách đó, tôi có cảm giác tìm cho con gái nhỏ đã chết của tôi

một vị trí. Lấp đầy sự im lặng. Tôi viết cho tôi, nhưng trên thực tế, tôi muốn gào lên cho cả thế gian biết nỗi đau của mình. Tôi viết như người ta bắt con tin, tôi phần nộ vì cái chết không sao hiểu nổi của đứa con bé bỏng. Và rồi tôi cũng hiểu ra. Tôi chặn lại cơn thác ngôn từ. Tôi cất tất cả trong một phong bì to, đem giấu dưới những chiếc áo len. Tôi hầu như phát ốm bởi ý nghĩ sẽ nhìn thấy bài viết đó. Tôi không bao giờ đọc lại những dòng chữ ấy. Có lẽ tôi không đủ khả năng làm thế.

Đôi khi, ở chỗ làm hay đâu đó, tôi bỗng cảm thấy sự cần thiết không sao cưỡng lại là được nói về đứa con gái nhỏ, và không giữ gìn gì cả, tôi bắt đầu nói. Nhìn chung, điều ấy khiến những người xung quanh im lặng bối rối. Tôi tự hứa là sẽ không làm thế nữa. Thời gian trôi đi, tôi thôi nói về nó. Thỉnh thoảng tôi lại có cảm giác là đã phản bội đứa con không còn nữa của mình. Đã chôn nó lần thứ hai, với bài viết mà tôi bỏ dở, dán kín trong phong bì bằng giấy cứng. Và tôi luôn nhói tim khi ai đó hỏi tôi có con chưa: Tôi trả lời là tôi có hai đứa, mà không nhắc gì đến đứa cuối cùng và về cuộc đời quá ngắn để có thể được kể ra của nó.

Thế là dần dần, trong đầu tôi nảy ra ý nghĩ quay lại dự án kia. Cuộc điều tra về cha tôi, về sự im lặng của cha, như để tìm hiểu sự im lặng của chính tôi. Nó có thể là một quyển sách. Một cái gì đó đã sinh ra từ điều không được nói. Một cái gì đó vừa ném chúng ta vào tương lai lại vừa bắt chúng ta nhìn lại phía sau. Như dải băng Mobius.

N_120

Dải băng Mobius là một thể thức toán học kì diệu. Như những mê đạo Escher luôn luôn khép kín, đó là một kiểu vòng tròn xoay quanh chính nó cho tới vô tận. Một mặt phẳng có một biên duy nhất. Phải và trái hòa vào làm một. Chỉ cần cầm lấy một dải băng, xoắn 180°, và nối hai đầu với nhau. Nếu dùng ngón tay di theo một biên, sẽ có cảm giác là đang chuyển từ trái sang phải, rồi lại từ phải sang trái, mà không bao giờ rời mặt phẳng đó.

Lacan vô cùng thích dải băng này. Tính đối ngẫu của ý thức và vô thức: Những điều được nói ra và những điều bị im đi. Trong khi xem mục Dải băng Mobius của Wikipedia, tôi khám phá một đoạn của Ulysse 31, bộ phim hoạt hình mà tôi rất thích. Ulysse mơ về những đứa con của mình. Télémaque và Thémis (con gái của chàng trong phim) bước trên một dải băng Mobius, một vòng tròn vô hạn, họ bước đi mà không thể ra khỏi mê đạo ấy.

Chúng ta là những đứa con của Ulysse 31. Cuộc đời chúng ta là dải băng Mobius. Chúng ta bước đi, chúng ta tin rằng chúng ta đang đi trên một đường thẳng, rằng chúng ta đang đi từ một điểm A đến một điểm B, rằng chuyến đi này có một cái đích. Phải “tiến lên phía trước”, người ta nói. Thật phi lí. Trong khi chúng ta không ngừng xoay quanh chính chúng ta.

Chúng ta đi từ số 0 này đến số 0 kia. Người hấp hối nằm trên cái tã lại quay về cảnh yếu ớt và dễ tổn thương như đứa trẻ sơ sinh. Ở hoàng hôn của cuộc đời, thể xác đòi lại uy quyền của nó với tâm hồn, con người quay về làm thú vật, các cảm giác được sống lại, trong đau khổ hay mê mê, cho đến co thắt cuối cùng. Tôi biết sự giống nhau đến rùng mình giữa những co thắt trước khi chết, những hơi thở hỗn hển ở phút hấp hối mà bất kỳ ai đã chứng kiến đều không thể quên được, và sự tàn bạo của việc sinh nở. Một cơ thể ở phút lâm chung thường rung chuyển, chồm lên, một cuộc chiến khủng khiếp và dữ tợn, như thể đang rặn đẻ chính mình.

Tôi vạch một mạch dải băng Mobius của tôi, nó cuộn xung quanh hư vô và đi đi về về giữa quá khứ và tương lai. Như mọi người, tôi đều tin là mình đang đi về phía trước. Tôi bám vào ảo tưởng này: Tôi “đang tiến lên”. Và để quên đi một điều rằng tôi đang trượt ở chiếc cầu tụt mang tôi xuống số 0 tròn trĩnh, Hư vô Vĩ đại, tôi quay đầu về phía sau, tôi quay tròn quanh quá khứ và người thân. Tôi ghi lại những dấu vết, chép lại bước chuyển từ đời này qua đời kia, những cuộc đời thoáng qua của

chúng ta, cũng phi vật chất như những giấc mộng. Tôi là thư ký ghi chép lại những gì không còn nữa.

Người chết không bao giờ để chúng ta yên. Họ không ngừng đánh thức chúng ta, tóm lấy chúng ta, ám ảnh chúng ta. Đứa con gái nhỏ vắng mặt của tôi ở lại bên tôi và đẩy tôi về quá khứ. Tôi đã thường nghĩ là phải giấu hết và quên hết. Tôi sợ phá vỡ hiệp ước gia đình. Viết, cũng được thôi, nhưng viết và cho người khác đọc, viết và tiết lộ? Thật là khủng khiếp. Không thể thế được. Hàng nghìn lần tôi muốn lùi bước. Nhưng giá tôi có cái quyền ấy?

Đứa con gái nhỏ đã chết của tôi thỉnh thoảng lại quay về vào những lúc bất ngờ nhất, như thể để nhắc nhở tôi nhiệm vụ ấy. Khi tôi nhận được thẻ mới của bảo hiểm xã hội toàn phần, tôi điếng người: Trong phong bì người ta gửi kèm cả một thẻ nữa, đề tên nó. Mê-Linh. Tôi đã quên không báo cho họ rằng nó đã qua đời.

Lúc đó tôi biết tôi buộc phải tiếp tục cuộc điều tra.

CUỘC ĐIỀU TRA

Tháng Chín năm 2013, tôi quyết định lần theo dấu vết của cha tôi một lần nữa. Người ta không bao giờ phục hồi lại sau một cái tang, mỗi người xoay sở một cách. Với tôi, điều tra, kể lại, đó cũng là cách để sống sót. Vá lại mảnh vải đời mình. Và phác thảo một phương hướng, một lối đi, trong khi chiếc la bàn bên trong người tôi đã hỏng.

Điều tra quá khứ của gia đình bên nội bỗng nhiên trở nên cần thiết với tôi. Cố vẽ lại vài nét con người trước kia của cha, cha không chết nhưng chúng tôi đã mất cha một chút rồi. Tôi sẽ hỏi những người xung quanh cha, những người thân của cha, sẽ tìm hiểu thêm về quê hương của cha, như tôi vẫn từng làm khi viết báo.

Trước đó tôi đã dự định đi Việt Nam làm phóng sự nhân dịp kỷ niệm trận Điện Biên Phủ vào tháng Tư năm 2014. Đó là một dịp rất thuận tiện. Một hạn thời gian cần tôn trọng, những suy nghĩ nghiệp vụ, tất cả khiến tôi an tâm. Tôi muốn lợi dụng để thu thập thông tin về gia đình bên nội. Việc này có vẻ không phức tạp lắm đâu, ấy vậy mà...

Tìm lại các cô dì chú bác ở miền Bắc có nghĩa là tôi sẽ nối lại với gia đình của cha tôi, những người mà tôi luôn cảm thấy xa lạ. Tôi sẽ gặp lại họ trong lúc cuộc sống của tôi bị xáo trộn bởi cái tang của con gái tôi. Làm sao có thể liên lạc với người cô họ ấy? Cô ơi, thật ra là con gái cháu đã mất, cháu đã lấy tên cô đặt cho nó, cô không trách cháu chứ?

Và thêm vào đấy là rào cản ngôn ngữ. Tiếng Việt tôi không nắm được, câu chữ của nó tôi vật vã chống lại, như cha tôi chỉ còn nói được “a-o-ter”. Tôi dự định sẽ nhờ mẹ tôi làm “trợ lý”. Mẹ sẽ giúp tôi lấy hẹn, phiên dịch cho tôi. Mẹ sẽ là hướng dẫn viên của tôi.

“Con ơi, mẹ nói chung làm được mọi thứ vì con, nhưng cái này có vẻ là nhiệm vụ bất khả thi, vì trong họ Bùi, người ta kiêu lời lắm. Bà nội trước khi qua đời có tâm sự một chút với mẹ. Con biết không, khi gia đình cha con ở trong rừng, bà nội đã mất một đứa con nhỏ. Con gái. Có 2 tuổi thôi. Mẹ không biết tên là gì. Cha con không bao giờ nói đến.”

Đó là một dấu hiệu. Một kết nối giữa bà nội tôi và tôi, sợi dây vô hình nối những người cha người mẹ có con yếu mệnh. Tôi bám vào đứa trẻ đã chết ấy, như thể nó song sinh với đứa con gái nhỏ đã qua đời của tôi. Tôi cảm giác được an ủi khi nghĩ tới linh hồn tội nghiệp đó mà tôi không biết tên, biết chuyện, và cuộc đời ngắn ngủi bị cho là không đáng được kể ra. Chỉ mỗi bà nội tôi là biết: Khoảng trống toang hoác trong bụng, nổi đau mà người ta muốn dìm đi.

Một câu hỏi trở đi trở lại: Tại sao lại rừng? Tôi gửi mail cho cô B, một người em gái của cha tôi, người duy nhất biết tiếng Pháp. Tôi vào Google gõ từ Fort-Bayard, thành phố nơi cha tôi sinh ra. Không còn nữa Fort-Bayard, hạt confetti của đế chế Pháp, tô giới ngắn ngủi, một thời từng là điểm nóng của giới buôn thuốc phiện. Thành phố từ ấy mang tên là Zhanjiang, theo Wikipedia, ngày xưa nó tên là Kouang-Tchéou-Wan, toàn những từ khó đọc mà tôi quên ngay lập tức. Tôi thích cái tên Fort-Bayard hơn.

Gia đình của cha tôi rời Trung Quốc vào năm 1945. Năm mà Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập. Cha tôi 3 tuổi. Trong tài liệu hành chính của Pháp, cha tôi khẳng định đã đi thẳng từ Trung Quốc tới Hà Nội nơi cha sẽ sống cả thời thơ ấu. Một lời nói dối? Mẹ tôi cam đoan với tôi là cha có rất ít kỷ niệm về Thủ đô. Mẹ tin là gia đình cha đã đi bộ về Việt Nam. Thế nên, rừng có lẽ là khu vực cây cối rậm rạp nằm ở biên giới Việt-Trung. Nhưng tại sao lại đi một hành trình dài như thế?

Tuy vậy, một hôm, cô B gọi điện cho mẹ tôi. Đầu tiên cô không muốn nói, nhưng một khi van đã mở, thì ào ào như thác. Hôm sau, cô lại gọi nữa. Rồi thành thói quen. Tối nào hai người phụ nữ cũng kể cho nhau

những tâm sự về quá khứ. Cha tôi không nhận thấy điều gì cả. Cha xem vô tuyến trong khi mẹ ủ mưu ở điện thoại. Ván cờ xa xưa và truyền kiếp lại bắt đầu. Đàn ông thì im, còn đàn bà thì nói. Họ kể chuyện cho nhau nghe. Bằng giọng rất nhỏ. Với cô tôi thì thầm là thói quen. Tất cả đều bí mật, tất cả đều nguy trang. Câu chữ bao giờ cũng cấm kỵ. Thế rồi, một hôm, cô không dừng được nữa.

Cô thú nhận.

Bí mật của gia đình.

Bí mật mà cha tôi đã giấu mẹ tôi trong bốn mươi năm chung sống vợ chồng.

“Rừng”, đó là chiến khu.

Ông nội tôi từng là Việt Minh.

VIỆT MINH

Giống những khu công nghiệp trong thời thơ ấu của tôi, tất cả những khu “du lịch bụi” trên hành tinh này đều giống nhau. Khao San Road ở Băng Cốc, Paharganj ở New Delhi, Phạm Ngũ Lão ở Sài Gòn... Người ta tìm thấy ở đây những thứ y hệt nhau: Những quán bar happy hours, những bản copy của Lonely Planet^[62], những quán trọ giá 1 đô-la mỗi đêm kèm cả điểm tâm nhẹ, những người thợ tết tóc kiểu dreadlocks ngồi ngoài đường. Khách du lịch chạm mặt nhau ở đây, thỉnh thoảng nán lại, một trạm nghỉ giữa hai điểm đến, một điểm dừng chân trong chuyến đi.

Người ta biến mất ở đây. Tôi luôn bị bất ngờ bởi những tấm ảnh của các du khách mất tích dán trên tường các nhà trọ, như những tờ tìm người lạc đóng khung ở các sân ga. “Ai đã gặp Mary, nhìn thấy lần cuối ngày 10 tháng Tám năm 2004 ở Golden Hotel, Khao San Road, Băng Cốc?” Những bức ảnh, với những nụ cười đóng băng, khiến tôi nghĩ đến những chân dung người chết đặt trên bàn thờ.

Khao San Road, Phạm Ngũ Lão, tất cả các khu phố ấy đều xấu. Vẻ xấu xí mang tính hoàn cầu đó có thể thấy khắp nơi ở Pháp, trên những đường vành đai của các đô thị lớn, vẻ xấu xí không đổi, quen thuộc và gần gũi, nườm nượp các bùng binh và các biển hiệu siêu thị Leclerc và McDonald's, tất cả đều giống nhau như đúc. Những phong cảnh ngoại vi này không bao giờ được đưa vào tiểu thuyết và điện ảnh. Không được xác định. Thế nhưng, chúng lại kể cho tôi về cha mẹ tôi, những người tha hương luôn luôn ở vị trí “ngoại vi”, bị giằng xé giữa hai quê hương mà chẳng biết thuộc về nơi nào.

Có cái gì đó kỳ lạ trong việc vượt 6.000 cây số để đến một nơi giống y hệt như nơi mà mình đã rời đi ở đầu kia của thế giới. Đôi khi cũng cảm thấy được an ủi là đã không bị hoang mang (đối với con cái di dân thì chỉ cần bước ra khỏi cửa nhà là đã đủ “hoang mang”). Mỗi khi tới Sài Gòn, tôi đều đến phố Phạm Ngũ Lão: Cảm giác được nghỉ ngơi như là khách du lịch, đơn giản vậy thôi. Không cần phải trả lời các thể loại câu hỏi, em từ đâu đến, em là người Việt à, vân vân và vân vân, không cần phải cố nói tiếng Việt. Trong khu phố này có du khách của tất cả các quốc tịch trên thế giới, tất cả đều nói chung một thứ tiếng Anh được toàn cầu hóa, và vì ai cũng chuẩn bị lên đường nên giữa mọi người là một thái độ thờ ơ rất dễ chịu.

Trong các quán của khu, người ta bán áo thun in hình Bob Marley (đang hút thuốc), Che Guevara và Hồ Chí Minh (cũng rất nổi tiếng). Tôi mua một chiếc áo Hồ Chí Minh. Giống Che, Hồ Chí Minh đã trở thành một hình tượng pop của toàn thế giới. Cha mẹ tôi suýt té xỉu khi nhìn thấy tôi xênh xang đi lại trong chiếc áo mới.

Tôi đã đọc mà không hiểu Quần đảo Gulag của Soljénitsyne để lẫn lộn trong nhà. Tôi kinh sợ cái từ “gulag”. Cha mẹ tôi bảo ở Cam-pu-chia, người ta giết hết trí thức. Để xác nhận đâu là trí thức, họ dựa vào dấu hiệu này: Kính cận. Tôi thì lại đeo kính. Tôi hoảng hốt khi nghĩ rằng Pol Pot có thể sẽ đổ bộ vào nhà tôi và bắt tôi bỏ tù. Khi xem vô tuyến mà thấy Georges Marchais^[63] với đôi lông mày sâu róm và giọng nói ồm ồm, tôi rùng mình và chuyển kênh.

Rồi tôi lớn lên. Ở trường trung học, bọn con gái và con trai cool^[64] phân phát truyền đơn của đảng LCR^[65]. Chúng khoe những chiếc áo thun in hình Che Guevara, chúng nói về “Cách mạng”, la ó chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Tôi muốn được như chúng, tả khuynh và cách mạng. Tôi ngại ngùng vì gia đình tôi theo Chirac và không ưa Cộng sản.

Những người Bắc 54 như gia đình của cha tôi là những người không ưa Cộng sản. Họ đã thua hai lần. Lần thứ nhất vào năm 1954 khi họ rời

quê hương chạy vào Sài Gòn, lần thứ hai vào năm 1975 khi Sài Gòn “thất thủ” và giấc mơ của họ bị tan tành vĩnh viễn.

Cha tôi không bao giờ dǎ động đến quá khứ Việt Minh của ông nội tôi, ngay cả với mẹ tôi. Cho đến tận hôm nay, các chị em gái của cha vẫn từ chối nói về điều ấy. Vào năm 1945, ông nội tôi về Việt Nam và tham gia chiến khu. Ông mang theo cả gia đình. Cha tôi đã sống tuổi thơ ẩn náu giữa những người kháng chiến. Vào năm 1951, ông nội tôi đổi ý và quay về Hà Nội mà không thông báo cho các đồng chí của mình. Thủ đô Việt Nam lúc ấy vẫn còn nằm trong tầm kiểm soát của người Pháp.

Tại sao lại có sự thay đổi này? Tôi không biết. Cha tôi có biết gì về cha ruột của cha không? Giống như tôi, hẳn là cha đã im lặng cả đời, không dám đặt một câu hỏi nào. Trong gia đình chúng tôi, im lặng giống như bệnh hen. Di truyền từ đời cha sang đời con.

23

BƯỞI

Người gửi: Cô

Người nhận: Thùy

Thùy ơi, cô rất xúc động trước những suy nghĩ của cháu về gia đình bên nội. Cháu không nói được tiếng Việt, điều đó không quan trọng lắm. Quan trọng là thành công của cháu trong học tập. Các bác và các cô rất tự hào về cháu và yêu quý cháu nhưng không thể nói chuyện trực tiếp với cháu vì tiếng Pháp giới hạn. Cô viết cho cháu về những kỷ niệm của cô, nhưng bằng tiếng Việt thôi nhé.

Các tài liệu để trong file đính kèm. Tất cả đều bằng tiếng Việt. Tôi thử dùng Google Translate.

Ông bươi bác học khóc vinh quang quế bị dụ dỗ.

Ánh chớp của họ Bùi để lộ ra những quả bưởi nghèo khổ.

Tải phần 1, ông ấy không nhận được quả bưởi.

Tôi bỏ cuộc. Cuối cùng, mẹ tôi đã dịch giúp tôi.

QUẾ

Đoàn Thùy yêu quý,

Cha của cháu là con trai yêu dấu của gia đình. Con trai duy nhất. Người có trách nhiệm nối dõi tông đường. Và thực hiện lời diem về thanh quế. Xa xưa, cụ nội của cháu trong lúc mang thai đã mơ thấy một thanh quế uốn cong. Đó là một diem báo về sự thịnh vượng cho gia tộc chúng ta và cụ đã đặt tên ông nội của cháu là Quế. Sau này, ông nội luôn nhắc nhở cậu trai duy nhất về nhiệm vụ ấy. Cha cháu phải mang lại thanh danh cho gia tộc chúng ta.

Gia đình chúng ta nghèo nhưng ông nội được nhận học bổng để vào trường trung học Bưởi danh tiếng. Trường có tên như vậy vì xung quanh có rất nhiều cây bưởi. Mùa xuân đến, phảng phất khắp nơi mùi thơm dịu dàng của những bông hoa trắng tinh. Cha cháu thích hoa bưởi lắm. Anh ấy vẽ rất giỏi, chính ông nội đã dạy anh ấy vẽ. Cô chép lại tranh của cha cháu. Cô rất phục anh ấy. Ở gia đình ta, quá khứ thì thắm trong những nét bút lông.

Khi còn nhỏ cả nhà mình ở trong rừng. Chính ở đây mà em gái út đã qua đời. Em có đôi mắt hình trái mơ, bụng trướng to và khuôn mặt tái xanh màu trắng lạnh. Gia đình đã quấn em vào một chiếc chiếu và không có lựa chọn nào khác ngoài để em lại trong bóng tối của rừng già.

Ông bà nội rất nghèo. Cả nhà đói đến nỗi bụng réo như gió thổi. Một hôm, ông nội mua được một miếng thịt trâu khô. Ông đưa cho cha cháu, cậu con trai duy nhất, và cha cháu không ngừng nhắc đi nhắc lại: “Ngon quá, ngon quá, nữa, nữa”. Ông cũng nhắc đi nhắc lại với cha cháu: “Không

được đâu, không được đâu”. Và cha cháu lẫn ðùng ra khóc như mưa như gió.

Trong rừng, trẻ con cũng chơi trò này trò kia. Tổ chức chọi ðế. Cha cháu luôn luôn thắng. Anh trai cô cái gì cũng giỏi.

Tất cả ðều ði chân trần. Và tất cả ðều chạy trốn. Giấc mộng về thanh quế chỉ còn là một bóng ma, một câu chuyện hoang tưởng của ông bà nội.

Ra ði, ra ði, ra ði. Như thế với gia ðình mình, cuộc sống luôn là một cuộc chạy trốn và chia ly.

Cuối cùng cả nhà cũng ðến ðược Sài Gòn. Cha cháu lớn lên. Anh ấy học giỏi và ðược cha mẹ khen. Anh ấy ðã trưởng thành gần như một người ðàn ông. Các chị em gái của cha cháu hầu như không còn thấy anh ấy ở nhà. Anh ấy mơ ðược ra ði. Mơ ðược sang Pháp. ðể theo học y khoa. Ông nội nổi giận. Nhưng ông không biết từ chối cha cháu cái gì cả. Cậu con trai yêu ðấu sẽ ði Pháp.

Mười năm trôi qua.

Năm 1970, ông nội sang Pháp thăm cha cháu. Ông viết thư về nhà. Ông bảo bà nội: “Tôi nhớ bà ðến héo hon, quý bà răng ðen của tôi ạ”.

Rồi tin ập xuống như sấm xé trời. Ông nội chết. Cả nhà hồn xiêu phách lạc.

Ông ðến bệnh viện ðể mổ và rồi vì thế mà chết.

Ông mất trong vòng tay của cậu con trai yêu ðấu duy nhất, người có bốn phận nổi ðôi tông ðường.

CAMO

Hôm nay cũng như mọi ngày, cha tôi xem chương trình Planète. Trên màn ảnh, mưa đổ xuống những cánh đồng lúa, triền miên, như tuyết trong các quả cầu thủy tinh vẫn bán ngoài chợ. Cha không bao giờ kể về cái chết thê thảm của ông nội tôi. Mẹ tôi chỉ biết rằng ông nội qua đời trong khi bị mổ lá lách. Cha tôi đã sắp xếp tất cả vì cha quen bác sĩ trưởng. Vào thời điểm đó, cha gần như đã học xong, hẳn đang là bác sĩ nội trú. Tôi hình dung cha trấn an ông nội tôi: “Sẽ không có vấn đề gì đâu, đây chỉ là một ca mổ vô hại, hơn nữa con đã nói với sếp của con, ông ấy sẽ đích thân chăm sóc thầy”.

Tôi hình dung cha dẫn ông nội dạo chơi Paris, du thuyền sông Seine, tháp Eiffel, các đại lộ trung tâm: “Thầy có thấy hiện đại không, đèn đường, cầu thang cuốn, tàu điện ngầm, thật tuyệt vời, đúng không, nước Pháp rất đẹp, thầy không thấy thế sao?”. Cha tôi cảm thấy tự hào. Cha thấy mình có lý là đã bỏ Sài Gòn sang đây. Cha, đưa con di dân, đã thực hiện giấc mơ về thanh quê! Cha sắp trở thành bác sĩ ở Pháp! Ông nội tôi, ngỡ ngác, không nói năng gì. Ông chạy lon ton đằng sau con trai. Tất cả đều quá lớn với ông, quá nhiều người Pháp, quá nhiều xe hơi.

Ngày mổ đã đến, cha tôi lại trấn an ông nội, ông đang lo thất ruột trước ý nghĩ phải vào bệnh viện và bị vây quanh bởi một đám người không cùng ngôn ngữ với mình. Rồi ông lên bàn mổ. Cha tôi đợi trong hành lang. Cha ngồi, châm một điếu thuốc, một điếu Gitanes, cha chỉ hút loại Gitanes xanh lơ. Tất cả đều ổn, nhưng rất nhanh, tình hình trở nên xấu. Các y tá chớp mắt liên tục, mồ hôi chảy ròng trên trán, phòng mổ căng thẳng, không khí như có điện, các động tác bồn chồn, giật cục.

Những giọng nói gấp rút. Mùi của lo sợ bốc lên. Bác sĩ giải phẫu lo lắng. Ông ấy không hiểu tại sao. Ông ấy cúi kính và hoảng hốt. Ông ấy làm lại. Ca mổ diễn ra không như dự định. Điện tâm đồ loạn nhịp. Những giọng nói rú rít, các động tác xô đẩy, phòng chật ních người, bờ-lu trắng xúm xít như một tổ ong bu quanh bệnh nhân, ai cũng sôi sục. Hồi sức. Adrenaline. 1, 2, 3, đẩy nào. Xoa bóp. 1, 2, 3. Xoa bóp. Rồi bản án tử hình rơi xuống: “Thôi khỏi, chẳng có tác dụng gì nữa đâu!”.

Ca mổ quả là dài, cha tôi tự nhủ, cha không nhìn thấy những tà áo bờ-lu trắng chạy tiếp sức trong phòng mổ. Hoặc là nhìn mà không thấy, đó là nếp của bệnh viện, cái nếp cha biết quá rõ.

Cuối cùng cha thấy bác sĩ giải phẫu lại gần đề nghị cha theo vào văn phòng. Về mặt u ám, ông ta nói: “Anh ngồi xuống”. Cha thi hành. Giọng ông ta nghiêm lại, như vẫn để thông báo những tin xấu. Ông ta cố vòng vo, chột dừng lại, nhớ ra rằng đứng trước mặt mình là một đồng nghiệp, nhưng đâu quan trọng, ông ta tiếp tục phỉnh phờ thuyết phục, theo thói quen, như thế đơn giản hơn, đồng nghiệp thì cũng thế thôi, một người bệnh kiệt quệ: người ta luôn như thế khi bất hạnh đổ ụp xuống đầu.

Cha đứng dậy. “Thật đáng tiếc, anh bạn, tôi thành thực chia buồn”, ông ta nói. “Cám ơn”, cha tôi lịch sự trả lời, từ ngày sang Pháp, cha có thói quen lúc nào cũng cám ơn. Cha không phản đối, không kêu la, không lên án ai: cha không phải loại người như thế. Cả đời cha, cha chưa gây chuyện ồn ào bao giờ. Khi xếp hàng, cha luôn bị vượt. Một người hiền lành, không có khả năng nghi ngờ ngay cả bọn lừa đảo trắng trợn, hay bắt những bọn to mồm phải câm miệng.

Ở đây, trong bệnh viện này, tôi hiểu cảm giác của cha. Cái chết quả là tầm phào trong sự lặp đi lặp lại, bí ối và bất công của nó. Bỗng nhiên, thế giới trở nên tồi tệ và xô sang một chiều khác. Tất cả đều như trước, ấy thế mà tất cả đều đã khác. Một phương trình mà chỉ một biến số là đã thay đổi.

Cha tôi giãy giụa, cầm tù trong cơn ác mộng mà cha không sao thoát được. Cha nghẹt thở. Nỗi sợ khoan vào bụng cha, dạ dày thắt nút lại, cha cảm thấy nỗi đau đang ở kia, phập phồng ở tận đáy, với sự đều đặn của một máy đo nhịp. Phải hít thở. Cha ra ngoài và bước trên hành lang. Một cơn ho bóp nghẹt lấy cha, như một cái máy, cha rút chai xịt Ventoline. Cha hồi hả hít. Nhưng cha vẫn ngạt, ngực cha như bị ê-tô kẹp cứng, không tài nào thở được.

Cha ngập đầu vào công việc chuẩn bị. Tổ chức chuyển xác về nước. Báo cho mẹ đẻ và các chị em gái ở Việt Nam. Kể cho họ về ca mổ không trôi chảy như dự định. Và càng kể, cha càng thấy khó hiểu. Cha bị cứng họng. Cảm giác tội lỗi gặm nhấm cha. Hàng loạt những “giá mà” nhảy nhót trong đầu khiến cha đau khổ. Giá mà cha không sang Pháp, giá mà cha không sắp xếp ca mổ này, giá mà cha chọn một bệnh viện khác, giá mà ở phút cuối cha từ chối. Từ đáy lòng, cha tin rằng đây không phải là một tai nạn, cha đã giết cha đẻ của mình.

NGẮM

Mẹ tôi tìm được một tấm ảnh chụp cha tôi và ông nội nhân dịp ông sang Paris thăm cha. Hai cha con mười năm không gặp. Cha tôi cười rụt rè trước máy ảnh, trông cha rất trẻ với đôi mắt kính to tròn che phần lớn khuôn mặt. Ông nội không cười. Ông có cái nhìn ngờ ngác. Trông ông không giống chân dung của chính ông treo trên bàn thờ trong nhà cha mẹ tôi ở Le Mans, ở ảnh kia ông có vẻ làm chủ bản thân hơn. Đây hẳn là bức ảnh cuối cùng mà ông chụp trước khi qua đời. Tôi tự hỏi ai đứng đằng sau ống kính. Ngắm, bấm máy. Đôi khi một bức ảnh cũng chết như con người.

HỌ (HAI NGƯỜI)

Những mảnh của một câu đố dần dần khớp lại. Nhờ mẹ tôi mà tôi tìm được mấy người chị em họ của cha tôi, còn sống ở Hà Nội, đó là một phần của gia đình mà chúng tôi không ngờ tới. Và lý do là đây: những người này đã ở chiến tuyến bên kia.

Trước khi đi, tôi ghé thăm cô tôi, cô muốn đưa tôi quà và thư để chuyển cho những người họ hàng mà cô chưa từng gặp ấy. Chúng tôi lại nói chuyện về cha và ông nội.

Ông nội từng rất lo khi cha tôi sống một mình ở Pháp. Ông hay viết thư cho cha. Ông nhắc đi nhắc lại: “Đặc biệt chú ý! Không được dính vào đầm!”. Sau này cha tôi cũng nhắc đi nhắc lại với mấy chị em tôi: “Không được dính vào Tây!”. Cha mơ về những đám cưới được mai mối với Việt kiều, và cha có khả năng lôi xe ra vượt 200 cây số để mang tôi tới tả như cái giẻ rách đến một buổi họp của người Việt nơi cha hy vọng tôi sẽ gặp được ai đó. Món thể thao yêu thích của các bậc phụ huynh người Việt: chơi trò ông tơ bà nguyệt. Cộng đồng hải ngoại đầy rẫy các thanh niên, kỹ sư gốc Việt, có khả năng là những chàng rể lý tưởng. Không ai trong chị em chúng tôi muốn nghe về chuyện này. Tất cả chúng tôi đều có bạn trai người Pháp. Và giống như cha tôi, chúng tôi cũng giấu, sợ gia đình mang nhục.

Tôi thăm dò cô tôi về đề tài này.

“Ông nội chỉ có một vợ duy nhất. Đó là bà nội. Thời đó như thế là hiếm lắm. Đàn ông Việt năm thê bảy thiếp...”

“Cô nói vậy có nghĩ tới cha cháu? Cháu biết chuyện cha cháu và người đàn bà Pháp kia”.

Cô tôi ngừng lại, hốt hoảng.

“Chuyện đó xảy ra trước khi cha cháu lấy mẹ cháu nhiều. Với lại, anh ấy không cưới bà kia!”

“Nhưng dù sao họ cũng có một con. Con gái.”

“Không phải một mà hai. Một trai và một gái.”

Hai con! Cô tôi thề với tôi là không biết gì hơn nữa, cô hạ giọng, câu chữ xô đẩy nhau trong một tiếng thì thầm hoảng hốt, cô nhắc lại, không không, cô chưa bao giờ gặp họ, không ai trong gia đình đã từng gặp những đứa con ấy, nhất là tôi không được khuấy lại quá khứ. Đó chẳng qua chỉ là “không may xảy ra”.

ĐIỆN THOẠI

Mẹ ơi, tại sao mẹ không bảo chúng con rằng hai con chứ không phải một?”

...

“Có một con trai nữa, đúng không?”

“Ừ.”

“Thế tại sao mẹ...”

Bụp, mẹ đập ống nghe.

Chỉ còn tiếng u u của máy.

Lúc ấy là 9 giờ tối. Tôi phải sắp xếp va-li để đi Việt Nam. Ngày mai máy bay cất cánh.

WHATSAPP

Nhóm Bui bạn là admin

Bui2, Bui3, Bui4, Bui5 là những thành viên của nhóm

Tôi – 2 nhé

Bui4 – ???dizzy-smiley-whatsapp-1F635

Bui2 – 2 gì cơ?

Tôi – 2. Con riêng của cha. Một trai và một gái.

Bui5 – Ồiiiiiii????? screaming-smiley-whatsapp-1F631screaming-smiley-whatsapp-1F631screaming-smiley-whatsapp-1F631screaming-smiley-whatsapp-1F631

Bui4 – screaming-smiley-whatsapp-1F631screaming-smiley-whatsapp-1F631screaming-smiley-whatsapp-1F631screaming-smiley-whatsapp-1F631

HỘI CHÚNG TRUMAN SHOW

C huyến bay Paris – Hà Nội AF213 được thông báo là sẽ bắt đầu trong 40 phút nữa.

Cuộc nói chuyện với cô B đêm hôm trước đã gây một cơn động đất trong gia đình chúng tôi. Cô em út của cha đang sống ở Texas gửi email cho tôi. Các cô và các bác trách cô B đã đem hết chuyện kể cho tôi. Cô út kịch liệt phản đối: “Cô không bao giờ khuấy tro cũ để làm cháy nhà. Quá khứ là quá khứ”. Tất cả gia đình bên nội đều biết sự hiện diện của người con trai và người con gái kia. Còn chị em chúng tôi thì lại không hề.

Trong bộ film *The Truman Show*, một người đàn ông do Jim Carrey thủ vai tin rằng anh ta có một cuộc sống bình thường cho tới ngày biết rằng mình thường xuyên bị quay phim. Bạn bè và gia đình anh ta là những diễn viên được trả tiền để đóng vai của họ, thành phố mà anh ta đang sống là một trường quay khổng lồ. Tất cả đều giả. Từ khi mới sinh, anh ta đã là diễn viên cho một bộ phim khổng của truyền hình thực tế. Mọi người đều biết. Trừ anh ta.

Hội chứng Truman Show

Chứng bệnh tâm lý, không có tên trong danh sách bệnh của DMS. Các nhà tâm lý học và thần kinh học Joel và Daniel Gold của bệnh viện Bellevue Hospital Center (New York) đã tách riêng những triệu chứng của căn bệnh này trong một nghiên cứu tuyệt vời xuất bản năm 2008. Hai anh em Gold đã gặp gỡ 12 bệnh nhân, ở họ chứng bệnh này được thể hiện bởi hoang tưởng bị truy hại. Một trong số những người bệnh đó đã từng chạy trốn và xin tị nạn trong một tòa nhà của tiểu bang. Bệnh nhân này tin rằng anh ta bị các camera đi theo và đó là cách duy nhất để trốn khỏi

trò chơi truyền hình thực tế đã ép anh ta tham gia trước đó. Một bệnh nhân khác miêu tả hoàn cảnh của mình như sau: “Tôi nhận ra rằng gia đình tôi và tất cả những người tôi quen đều là diễn viên trong một kịch bản đã được viết sẵn”.

VIỆT KIỀU

Hà Nội. Phố cổ. Cảm thấy làn gió ấm buổi tối, ngồi sau xe máy nổ tành tạch. Ăn một bát phở, ngẫu nhiên bánh, húp nước, xé nhỏ mùi và húng. Hòa mình trong tiếng Việt – âm nhạc của tuổi thơ. Ngôn ngữ riêng tư, ngôn ngữ ở nhà, ngôn ngữ của ông bà tôi, của cha mẹ tôi, của những bài đồng dao và những lời ru với ngữ điệu rên rĩ xé ruột. Theo thời gian, tôi đã quên nó, ngôn ngữ mà tôi không thể còn bảo là ngôn ngữ của tôi, nhưng nó vẫn chìm lấp đâu đó trong vô thức, như một kỷ niệm êm dịu từ một quá khứ mờ ảo tựa những giấc mơ. Nó vang lên tại đây, khắp nơi xung quanh tôi, và tôi lắng nghe nó, choáng váng.

Ở Hà Nội, khuôn mặt tôi và tên riêng của tôi đã đủ kể lại lai lịch của tôi. Lai lịch của một Việt kiều, một người Việt hải ngoại. Ở Pháp, đất nước của tôi thì người ta lại nhìn tôi như nhìn người ngoại quốc (kiểu lịch sự: “Cô có nói được tiếng Pháp không?”, kiểu khó chịu: “Nĩ hảo”). Ở Việt Nam, nơi rất xa với tôi, người ta nhận ra tôi là người Việt, mặc dù tôi không nói hoặc nói rất kém tiếng Việt. Bị hỏi dồn dập, tôi phải liên tục kể lể về đời sống của tôi, căn cước của tôi, lý lịch của cha mẹ tôi. Đôi khi tôi thử nói dối: “Sorry, I don’t speak Vietnamese. I’m Japanese!”. Rồi loạn vì không ngừng bị bắt quay trở lại với cái tôi đúng ấy. Việt kiều.

Ở quầy cảnh sát sân bay, trong khách sạn, tắc-xi, bất cứ lúc nào tôi cũng nhả câu trả lời kỳ diệu mà tôi đã học thuộc lòng. Em đến Việt Nam làm gì? Du lịch, công tác, hay thăm nhân? Không đâu, đi thăm mộ. Tôi đến đây để tảo mộ tổ tiên.

Nghe xong, người đối diện với tôi thở dài mê mẩn và đầy vẻ tôn trọng. Gật đầu và vỗ tay. Đúng lắm, em ơi, tốt lắm, em làm thế là đúng,

nhớ về tổ tiên là rất quan trọng. Còn tôi, tôi tiếp tục bốc phét, tự hào là được tôn trọng dù cho có lúc phần thưởng cũng không được nhiều lắm. Tôi quen rồi. Khi còn nhỏ, tôi bốc phét mình theo đạo Thiên chúa rồi đọc kinh Kính mừng Cha ở nhà thờ; lớn hơn, tôi bắt chước lũ bạn gái cùng lớp ở trường trung học; lớn hơn nữa tôi khoác áo nhà báo: người Pháp chẳng ra người Pháp, người Việt chẳng ra người Việt, tôi đóng một vai, tôi đóng nhiều vai, và càng theo thời gian, các mặt nạ càng chồng chéo lên nhau, một con búp bê Nga với nụ cười trơ cứng chứa trong bụng một con búp bê khác bé hơn, rồi một con khác nữa, bé hơn nữa... cho tới con cuối cùng, bé tí ti, mở ra và... chẳng còn gì nữa. Rỗng. Bịp. Nhưng tất cả chúng ta không phải là những tên bịp của chính cuộc đời chúng ta hay sao? Và động lực của vở hài kịch nhân gian chẳng phải là bịa?

Ở trò chơi ảo giác này, Việt kiều là những người giỏi hơn cả, nửa diễn viên xiếc thăng bằng, nửa kỳ nhông. Trong tập truyện tranh Lucky Luke, lão thợ giết châu Á thật bí hiểm, với nước da vàng như chanh, chiếc nón nhọn, nụ cười muôn thưở và đôi mắt xếch. Người Á gian và chăm. Gian? Có thể: chúng ta học cách giấu mình, làm ra vẻ như người Pháp. Cộng đồng nước ngoài vô hình nhất trong những cộng đồng vẫn thấy, cộng đồng tự xóa khỏi cái câu đã thành khẩu hiệu: Nước Pháp Đen – Trắng – Ả ^[66]. Chúng ta tẩy họ và tên, có những người còn đổi thành Marcel hay Stéphanie, chúng ta quên tiếng mẹ đẻ, chúng ta vứt bỏ những khác biệt của mình như vứt bỏ quần áo rách: chúng ta là những “di dân tốt”.

Để hòa nhập, chúng ta đã tự hòa tan. Chúng ta tha thiết muốn trở thành người Pháp. Chúng ta học cách uống rượu vang đỏ, phân biệt các loại phó-mát, đọc Rabelais và Céline và Proust, nấu món thịt nhừ trộn kem tươi, ủng hộ đội bóng Pháp, hát quốc ca La Marseillaise, tôn sùng thể chế cộng hòa, nhưng vô ích mà thôi: như chạy theo bóng. Căn cước Pháp, ảo ảnh tuyệt đẹp ấy, vẫn không sao đạt được. Thế là chúng ta tìm cách xây một cộng đồng thay thế, khác xa nguồn cội nhất, tự hỏi tại sao

chúng ta lại khinh thường nguồn cội của mình như thế. Chúng ta đã kích chủ thuyết cộng đồng theo kiểu Mỹ và những anh em họ của chúng ta ở California chỉ vì đã tự hào là người Mỹ Á. Em Bùi 2 của tôi mơ được trở thành người Do Thái, được sống trong một kibboutz^[67], cậu bạn Stéphane của tôi tưởng tượng mình là người gốc Ả Rập, giống như bạn bè của cậu. Họ lần lượt rời nước Pháp: cảm thấy mình là người Pháp ở nơi khác thì đơn giản hơn nhiều. Và tôi nghĩ tới cậu thanh niên gốc Việt bị xử trong một vụ án về khủng bố. Sau khi đã cải đạo Hồi, cậu ta chỉ có một ám ảnh: hồi hương về xứ Hồi giáo, sống bên cạnh những người anh em Hồi giáo. Cậu ngồi đó, mỉm cười trên ghế bị cáo, với bộ râu được xén tỉa kỹ càng. Cứ xem khả năng kém cỏi về râu theo gien di truyền thì hiểu là cậu hẳn đã phải cực khổ lắm để nuôi bộ râu đó. Ngồi ở ghế quần chúng, tôi nhìn cậu chăm chăm, cố khiến cậu ta nhìn lại mình, tôi muốn lao đến lay người cậu ta, cho mấy cái bạt tai, đồ khốn, tỉnh dậy đi, đừng thử nói với chúng tao về hijra, tha cho bọn tao nổi thống khổ của các anh em Palestin của mày, thế các anh em Việt Nam thì sao? Đây là trò dở hơi, cắt mèo, còn cha mẹ mày, đức Khổng Tử, tôn trọng tổ tiên, đi thăm mộ, mày quên sạch rồi sao? Tôi bối rối: với cái đầu trọc lốc, cậu ta trông giống H, một người bạn Việt kiều của tôi. Trong một thời gian dài, H đã mày mò tìm đường đi cho bản thân mình. Năm 20 tuổi, H sang Việt Nam. Rồi sang Ấn Độ sống trong một ngôi đền. H trở thành một nhà sư Phật giáo.

Đó có thể là cái giá phải trả. Cái giá của sự im lặng. Tin là đã làm đúng, cha mẹ chúng ta tự cấm họ truyền đạt văn hóa của chính mình và câm lặng trước câu chuyện của bản thân họ. Tôi tìm ra không biết bao nhiêu bí mật trong các gia đình gốc Á, những bí mật chòng chéo trong các chuyến tha hương. Đây thì một người con nuôi mà người ta đã giấu tiệt nguồn gốc. Còn H, người bạn sau trở thành sư ở Ấn Độ, đã không mở miệng nói cho bất kỳ ai về cái chết của mẹ đẻ khi H mười bảy tuổi: các bạn thời thơ ấu của H đã bất ngờ khám phá ra chuyện ấy, bốn năm

sau. Và cả cặp vợ chồng đã bặt hết manh mối về vụ tự tử của cậu con trai. Họ kể đi kể lại với tất cả người quen rằng cậu đã chuyển sang Mỹ sinh sống.

PHỐ HÀNG BÚN

Tôi đi bộ một mình trong phố Hàng Bún, phố của những người làm bún, nơi cha tôi đã sống ngày trước. Cha tôi rất thích vũ điệu của những sợi bột trắng và dẻo kéo dài mãi giữa những ngón tay khéo léo của người thợ, chúng tôi cùng xem bộ phim Mãn Hán toàn tiệc của Tsui Hark, chúng tôi bồn chồn đợi những battles^[68] của ẩm thực Á châu trong chương trình Cuisine TV. Cha tôi khẳng định rằng người Ý không phát minh ra cái gì cả. Cha cao giọng, mặt mũi bưng bưng, Marco Polo đã ăn cắp bí quyết làm mì của người Trung Quốc, đó là một thứ thuộc về chúng ta, những kẻ bị gọi là da vàng, mũi tẹt, mắt xếch, và đó là một niềm tự hào, ẩm thực của chúng ta thanh nhã hơn ẩm thực châu Âu, lúc đó chúng ta đã ăn mì bằng đũa trong khi bọn mọi rợ kia xé thịt bằng tay, và mì có bao nhiêu loại. Cha tiếp tục nói, loại nào cha cũng thích, có loại mỏng và trong suốt, có loại lại to như dải mây, có loại nhỏ như sợi chỉ dùng để làm bún thang, món bún có bốn màu mà cha yêu thích, gồm thịt gà, giò lụa, trứng tráng cắt mỏng, và đặc biệt là không thể thiếu tinh dầu cà cuống để làm dậy mùi tất cả những vị đấy: “Có cà cuống mới có bún thang”. Cha rờ dại vì cà cuống, và thốt lên mỗi khi hít hà hương thơm tinh tế của nó. Ôi, tinh dầu cà cuống! Bây giờ tìm khó lắm, trừ khi đó là hóa chất tổng hợp.

Chẳng còn gì ở phố Hàng Bún. Không một bóng thợ làm bún, hay một quán bún. Chỉ có một tiệm KFC. Và một cửa hàng Zara sắp khai trương. Tôi chụp biển hiệu ghi chữ Hàng Bún. Tôi chưa bao giờ đi Việt Nam với cha tôi. Tôi vòng đi vòng lại trong con phố nơi chẳng còn sót lại cái gì từ

tuổi thơ của cha, nơi chẳng cái gì có thể kể với tôi về cha, tôi đi tìm cha, và một lần nữa, cha lại biến mất.

Về khách sạn, tôi bật iPad lên. Biểu tượng Skype nhấp nháy. Mẹ tôi ở đầu kia. Tôi nhấn chuột. Có cả cha tôi nữa. Cha đang ngồi trong ghế bành. Cha vượt ra khung màn hình. Như trong các album ảnh hay phim gia đình mà cha không bao giờ xuất hiện trọn vẹn, luôn bị cắt tay hay đầu. Có tiếng động của vô tuyến từ xa. Tôi quay màn ảnh máy tính để cha mẹ có thể ngắm căn phòng tôi đang ở. Mạng chậm và đôi khi khuôn mặt của mẹ tôi căng cứng. Mẹ vẫn khó chịu về cuộc nói chuyện hôm qua? Tôi thử nhắc lại. Mẹ lảng đi: “Con đã ăn chả cá chưa? Cá với rau thơm, món ăn người Bắc mà cha thích ấy, cha nói là con nhất định phải nếm món này.”

Tôi ra ngoài ăn chả cá một mình. Nhưng với cảm giác đang ở nhà. Mùi thơm, tiếng Việt, âm thanh. Cả gia đình tụ tập quanh bữa cơm. Cha tôi các buổi tối Chủ nhật thái miếng trứng trắng mảnh như dăng-ten để làm món bún thang, một cách điêu luyện, đôi khi còn tĩa cà rốt hay các loại củ khác thành hoa hay thú vật, mẹ tôi nhúng những sợi bún trắng vào nước sôi, khuấy nước dùng, rên rĩ lại phải ngồi bếp.

Ở Việt Nam, tôi ăn, một cách thành kính. Và tôi nghe. Tôi bắt đầu hiểu câu chuyện của gia đình bên nội. Từ năm 1951, trong một số vùng của miền Bắc, Việt Minh tiến hành cải cách ruộng đất. Tương đương với cách mạng văn hóa ở Trung Quốc. Tất cả giấy tờ sở hữu đất đai đều bị đốt. Trong các thôn làng của miền Bắc, giới “tư bản hút máu” bị trừng phạt. Bị đưa ra đấu tố. Có những trường hợp bị giết không qua xét xử.

Ông nội tôi đã không đồng tình với hành động đó. Ông trốn khỏi chiến khu về Hà Nội, và sau đó, đi Sài Gòn, năm 1954, sau hiệp định Genève. Như hàng triệu người dân miền Bắc. Cha tôi không có quá khứ. Quá khứ của cha đã bị xóa hết rồi.

Tuổi thơ của cha bị đánh dấu bởi vết thương đầu tiên của tha hương. Linh hồn gia đình cha đã ở lại Hà Nội. Giọng kim của người miền Bắc

không bao giờ rời khỏi họ. Họ không bao giờ quên Hà Nội. Và những hồ nước trong như gương, liểu rủ trên mặt nước vàng óng của hồ Hoàn Kiếm. Trên bờ hồ, trẻ con nhảy nhót tìm cù rùa huyền thoại, trai gái đi dạo e ấp không dám cầm tay, nữ sinh kề vai nhau trò chuyện. Và những đại lộ thênh thang trồng phượng với bàng lá đỏ, những người bán hàng ngồi xồm nường mực khô hay bắp ngô. Và hương thơm dịu dàng của mùa thu, hương thơm không hề có ở Sài Gòn nắng lửa. Và bầu trời xanh cao. Và không khí trong veo.

WHATSAPP

Nhóm Bui, bạn là admin

Bui2, Bui3, Bui4, Bui5 là các thành viên.

Tôi – Hú hú, chị đang ở Việt Nam.

Bui2 – grinning-smiley-in-a-good-mood-whatsapp-emoji-1F600

Bui3 – Chị đã ăn... steaming-bowl_1f35c steaming-bowl_1f35cvà...
cooked-rice-emoji-whatsapp-1F35A?

Tôi – Rồi.

Bui4 – Chị đã nói lại với mẹ bí mật mà chị biết chưa?

Tôi – Chưa.disappointed-emoji-whatsapp-1F625

LÀNG HỌ BÙI

Tôi không phải là người Pháp “gốc”. “Gốc” của tôi, tôi tìm kiếm đã lâu, tôi từng mơ được có gốc từ vùng Bretagne hay Perigord. Bây giờ thì tôi biết gốc của tôi ở đâu. Cách trung tâm Hà Nội 20 phút, có một làng nhỏ, nơi ấy tất cả mọi người hoặc gần như tất cả đều mang họ như tôi: làng họ Bùi. Làng có tên là làng Sét. Tổ tiên của tôi đã sinh ra ở đây, cưới nhau ở đây rồi cũng được chôn ở đây. Trước khi tới đây tôi đã tưởng đó là một ngoại ô vô hồn. Giờ đây tôi lại phát hiện một nơi chốn thuộc về thời đại khác. Gần chùa, cây đa thiêng rể ngoằn ngoèo giống cây baobab được vẽ cho Hoàng Tử Bé. Những cây bưởi hoa nở như mây. Một con gà trống uể oải bước đi trong những ngõ nhỏ đầy bụi và cỏ dại mọc từ kẽ gạch lát đường. Một người ông họ mở cửa đón tôi, mặt nhợt, tay khô và xương xẩu, mỉm cười như thể đã đợi tôi từ lâu lắm rồi. Ông đưa cho tôi cuốn gia phả. Tôi nhận ra tên cha tôi và tên của chị em chúng tôi. Rồi bao nhiêu cành, nhánh, đất nước: Canada, Mỹ, Pháp, Úc. Trong số bộ tộc khổng lồ này chỉ còn bốn người hiện đang sống ở Hà Nội. Tôi là người đầu tiên của nhánh gia đình phân tán ấy quay về làng. Ông dẫn tôi ra mộ của cụ tôi. Chúng tôi cùng đốt hương. Trước mắt tôi, khói bay thành những cuộn mảnh mai, và tôi nhắm nháp mùi thơm ấy, thật dịu dàng, quyen làm một với mùi của bà ngoại tôi và ngôi nhà của ông bà ở Les Ulis. Mùi thơm ấy, đó là ký ức về những người quá cố trong gia đình chúng tôi.

“Theo lẽ thường thì cha cháu, con trai duy nhất trong nhà, có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên. Nhưng hôm nay cháu thay mặt bố cháu”.

SÀI GÒN

Tôi đến thăm một bác họ xa, một người Bắc di cư vào Sài Gòn. Tôi đi dọc một công viên nơi sáng sủa, những người lớn tuổi đến để tập tài chí chuẩn. Nghĩa trang Sài Gòn từng nằm ở đây. Ông nội tôi đã được chôn ở đây sau khi xác được chuyển từ Pháp về. Những năm 80, nghĩa trang bị ủi, người chết bị đào lên. Cô L em gái cha tôi đến nhận hài cốt của ông nội. Khi cô chuyển sang Pháp sinh sống, cô hầu như không mang gì theo người ngoại trừ những khúc xương được rửa sạch và tẩy trắng, gói ghém cẩn thận trong giấy. Những khúc xương này mới cồng kềnh làm sao! Đồ trang sức, tiền mặt, có thể nhét vào áo ngực, trong bát tất hay lớp váy lót: Như trước đây những người phụ nữ đến đảo Ellis thường làm thế, cổ rút lại vì váy áo nặng trĩu của cải, như bây giờ những người phụ nữ tới Lampedusa hay Hy Lạp vẫn còn làm. Cô L của tôi đã làm thế nào để qua mắt hải quan? Có thể cô đã ép những khúc xương ấy sát vào ngực, vào bụng, như ôm một đứa trẻ, giấu trong trang phục rộng thùng thình.

Người bác ở Sài Gòn mà tôi tới thăm đã bảy mươi tuổi. Bác rất diện trong chiếc quần đen mềm và áo dài. Nhìn thì biết ngay là một người sang trọng. Trước đây hồi còn ở Việt Nam, các chị của cha tôi đều như vậy. Bây giờ các bác sống trong những căn hộ buồn tẻ của ngoại ô Paris. Đó là những di dân. Tôi rầu rĩ nhìn các bác bé nhỏ và yếu ớt trong những tà áo dài. Các bác vẫn sợ khi phải ra đường: các bác không nói được tiếng Pháp. Thế nên các bác đành ngồi nhà, trước màn hình vô tuyến, và giống như bà ngoại, các bác dán mắt vào Paris by night, chương trình ca nhạc Việt Nam do cộng đồng hải ngoại ở Mỹ tổ chức,

với những bài hát nổi tiếng từ trước năm 1975. Phản xạ của những người tha hương rất giống nhau: tìm lại âm nhạc của cố quốc. Mẹ tôi, môn đồ của chương trình Nostalgie 2.0, đã bỏ nhiều giờ liền để lướt mạng tìm MP3 và video các bản tình ca, rồi hát theo bằng cách đọc lời trên màn hình như kiểu karaoke, trong âm thanh kinh hoàng của máy tính và tiếng náo nức của đàn oóc-gan.

Căn nhà của người bác họ xa rất đẹp, với gạch hoa trắng, cây me giữa sân và bàn ghế gỗ theo kiểu Tàu. Bác chỉ ghế mời tôi ngồi, mang nước dừa tươi lại cho tôi và tặng các con gái tôi một gói kẹo. Rồi bác ngồi xuống, chiếu cặp mắt sắc vào tôi và nói: “Ra cháu là con gái lớn của cái cậu ở với đầm đây hả? Bất hạnh làm sao, giá mà cháu biết gia đình bên nội cháu đã khóc như thế nào. Ông cháu đã phát ốm vì xấu hổ. Ông ấy đã sang Pháp để thử khuyên bảo cha cháu quay về với lẽ phải. Và ông đã qua đời. Cháu biết chứ? Ông nội cháu đã chết vì buồn khổ.”

NGƯỜI CHẾT TRÊN BIỂN

Tôi quay về Pháp, đầu óc đầy ắp ngôn từ và hình ảnh. Tôi đã tóm được sợi chỉ dẫn đường đầu tiên, nhưng tôi tiếp tục loay quanh, lạc lối trong mê lộ của câu chuyện về gia đình chúng tôi. “Cha của cháu, con trai yêu dấu của ông bà”, các cô, các bác gái của tôi nhắc đi nhắc lại. Cha tôi, cậu con trai thần đồng, đứa con được thương quý nhất trong gia đình.

Sau năm 1975, nước Việt Nam như bị cắt khỏi phần còn lại của thế giới. Ông nội tôi đã mất và cha tôi trở thành người chủ gia đình, có trách nhiệm với mẹ, các chị gái và em gái của cha. Nhưng cha ở xa. Cha có thể làm gì? Chẳng gì cả. Trừ việc tự kết tội bản thân. Cha ở chỗ bình an, sung túc. Tất cả gia đình đã hy sinh để cha được sang Pháp ăn học. Gia đình đã cho cha món quà quý giá nhất, đó là cuộc sống của cha hiện nay.

Chị gái của cha đã gửi cho tôi một bức ảnh gia đình. Tôi dễ dàng nhận ra cha, cậu con trai mảnh dẻ mặc sơ mi trắng. Bác gái tôi đứng ở bên phải, trong chiếc váy đầm kiểu con gái nhà lành. Ở mép trái của bức ảnh, tôi thấy một cậu con trai nhỏ hơn với khuôn mặt tròn xoe và cặp mắt mở to, nhìn thẳng vào ống kính với vẻ cương quyết, như thể để nói: “Nhìn tôi đây, hãy nhớ lấy tôi!”.

Đó là chú Cầu, em họ của cha, trẻ hơn cha năm tuổi. Chú Cầu cũng học ở trường trung học của cha, cũng học y và muốn sang Pháp như cha. Nhưng chính phủ ra sắc lệnh tổng động viên vào năm 1963 và chú đã đăng lính làm bác sĩ trong quân đội miền Nam Việt Nam. Tháng Tư năm 1975, chú bị coi là phản động vì đã là sĩ quan trong quân đội cũ và bị gửi đi cải tạo. Ra trại, chú chỉ có một ám ảnh duy nhất: lên tàu. Nhưng

tàu của chú đã mất tích ngoài biển. Cha mẹ của chú không bao giờ biết điều gì đã xảy đến với xác tàu, hoặc có ai còn sống hay không. Họ không thể đặt bất kỳ câu hỏi nào: giống như mọi người vào thời buổi ấy, họ đã giấu chuyển đi của con trai.

Sự im lặng kéo dài qua nhiều thế hệ. Không ai nói về bản sao của cha tôi đã bị đại dương nuốt chửng ấy. Những kỷ niệm về chú Cầu không còn mấy. Những bức ảnh trong hồ sơ của trường chú trôi nổi trên mạng, chú cười khoe hết răng. Trong phần dành cho chú, mục “Thú vui”, chú ghi “bơi”.

Trong gia phả, tôi nhìn thấy tên chú. Cùng hàng chữ: “Mất tích ngoài biển”. Người ông họ ở làng Sét đã kể cho tôi nghe rằng một lời nguyện đã giáng vào dòng họ tôi. Những người họ Bùi rất ghét biển, họ ghét bơi vì ngày xưa nhiều người trong số họ từng bị chết đuối. Ngày nay vẫn thế, trên bãi tắm, các bác gái và các cô của tôi quay lưng lại phía biển. Cha tôi bao giờ cũng thích núi và tuyết hơn. Chú Cầu, với nụ cười ngoác miệng, hẳn không tin vào những chuyện hoang đường của các bà già. Chú biết bơi. Chú không sợ. Chú đã thử vượt biển lần đầu và bị bắt lại. Chú thử lần thứ hai, cũng bất thành. Rồi lần thứ ba. Lúc ấy chú vừa làm đám hỏi. Cô chú phải chia tay nhau ngoài bãi, khi bình minh còn chưa lên và cả bọn người lao ra, những cái bóng nép vào đêm đen, luồn xuống các con tàu đang đợi ở mép biển. Cô vợ chưa cưới của chú cuối cùng đến được Hồng Kông. Còn chú không được vậy. Mẹ tôi khám phá câu chuyện về chú Cầu cùng lúc với tôi. Mẹ nhìn những bức ảnh ấy, xúc động trước nụ cười của người đã khuất đang lấp ló trong góc của một trang web. Mẹ cho lướt trên màn hình máy tính những tấm ảnh trong bộ lưu trữ về những con tàu quá tải. Thế nhưng mẹ vẫn luôn giữ khoảng cách với bi kịch đó. “Dù sao chúng ta cũng không như họ”, như thể giữa di dân với nhau có những thứ bậc, một bên là tầng lớp thượng lưu đến bằng máy bay, một bên là những kẻ tới sau, nghèo khó, những kẻ chen

chúc trên tàu vượt biển. Cha tôi cũng không bao giờ kể về chú Cầu, cậu em họ đã chết của mình.

Cha tôi không biết Sài Gòn sau biến cố 30 tháng Tư năm 1975. Trong các cuộc nói chuyện với tôi, nét gãy vô hình ấy được vẽ lên giữa những người ra đi từ trước như cha mẹ tôi và những kẻ còn lại, những kẻ từng sống ở Việt Nam sau 1975, dưới chính quyền mới. Họ đã kể cho tôi về những ngày ấy. Trong giọng nói phẳng lì của họ, trong khuôn mặt bình thản của họ, tôi chẳng nhận thấy điều gì cả. Thế rồi bỗng nhiên, câu chữ trở nên tàn nhẫn, hóa đá bởi nỗi chua chát đang đục khoét tâm hồn. Chết muối của thời gian đã ngăn không cho những vết thương khép miệng lại, chúng rỉ máu, giấu mình dưới vẻ ngoài tươi cười.

Đối với những người đã ra đi cũng như những người đã ở lại, quá khứ không bao giờ trở thành quá khứ, nó xâm chiếm cơ thể ta, đó là một thứ bệnh rất khó chữa. Anh trai của chú Cầu, một cựu quân nhân Cộng hòa từng bị đi học tập, sau đó đã trốn thoát sang California, nhưng bị “tâm bệnh”, theo cách nói kín đáo của các cô tôi. Người chú họ ấy đã chọn im lặng: Chú đặt máy xuống mỗi khi ai đó định nói chuyện với chú.

Cha tôi sống xa Paris, xa cộng đồng người Việt, nơi không ai đến gặp cha để nhắc nhở quá khứ kia. Đến Le Mans, cha bắt đầu lại từ số 0. Có lẽ cha đã tự sáng chế ra một số phận mới. Cũng tuyệt hảo như những vùng công nghiệp vô danh và khu biệt thự nơi tôi lớn lên. Một cuộc đời trinh bạch và trắng tinh như tuyết mà cha ngưỡng mộ và đã tìm thấy được ở đây, trên đất Pháp. Cha tôi thích những phong cảnh huyền ảo của núi, băng và tuyết, nơi ông có thể mơ về tương lai.

Cô T, em út của cha ra đi vào năm 1978. Cô cũng là một thuyền nhân (boat people). Trong một bức mail dài cô kể cho tôi nghe về sự kiện Sài Gòn tháng Tư năm 1975 và sự loạn lạc trong thành phố. Đám người vô vọng chen chúc trên tầng thượng Đại sứ quán Mỹ để chui vào một chiếc máy bay, những người phụ nữ khóc và tặng con của mình cho bất kỳ ai để đứa trẻ được mang đi nơi khác. Cô T không muốn ra đi, cô muốn hòa

bình, cô tin vào những lời hứa của chính quyền mới, sự thống nhất của hai miền, sự hàn gắn, và đó là một giấc mộng dài.

Giống tất cả mọi người trong gia đình, cô T im lặng. Đặt chân đến Mỹ, cô làm hết việc này đến việc kia, bồi bàn, công nhân, vừa làm vừa học để thi lại bằng cấp tương đương ở California. Bây giờ, cô đã “thành công”, một ngôi nhà đẹp, một đứa con gái giỏi giang, một công việc tử tế, và cô không bao giờ kể gì với cha tôi, người anh xa cách đã làm lại cuộc đời trên đất Pháp. Tất cả câu chữ chất chứa trong ngần ấy năm, cô trao chúng cho tôi, mặc dù với con gái đẻ của cô, cô không kể bất cứ điều gì. “Cô viết cho cháu thư này, nhưng cô giữ lấy, và có thể một ngày nào đấy, cô sẽ đưa cho con gái cô.”

Cha tôi không bao giờ gọi đến chuyến đi mạo hiểm của gia đình bên nội. Cũng như sự xa cách nhiều năm giữa họ. Khi cha gặp lại bà nội vào năm 1984 là hai người đã xa nhau hơn hai mươi năm. Bà nội tôi nhuộm răng đen, theo phong tục của người miền Bắc, nhưng vì không muốn gây sợ hãi cho các cháu nội và cô con dâu mà bà chưa từng biết mặt, bà đã nhổ răng đen và lắp răng giả, trắng tinh, theo kiểu phương Tây. Ở sân bay, bác T suýt không nhận ra mẹ. Còn cha tôi? Cha không bao giờ nói gì về điều này.

Cha tôi xấu hổ. Xấu hổ vì đã không thể bảo vệ mẹ và các chị em gái của mình, xấu hổ vì đã ở nơi an toàn trong thời chiến, xấu hổ vì đứng nhìn quê hương từ xa, xấu hổ vì đã phản bội cha mình, xấu hổ vì đã im lặng, xấu hổ vì là người nước ngoài, vì không tìm thấy chỗ đứng của mình ở đâu, giữa người Việt cũng không mà giữa người Pháp cũng không, xấu hổ vì những bí mật ấy, những bí mật cha mang trong mình như một khối u tàn phá người cha.

Thế là cha đắm mình vào công việc. Cha nhìn những khối u của các bệnh nhân trên những mảnh kính phòng thí nghiệm, hết ca này tới ca khác, cha làm việc như trâu như bò. Ở đó, trước kính hiển vi, cha không còn xấu hổ nữa, cha là một trong những chuyên gia giỏi nhất. Ở đó,

không còn gì là bí mật nữa: Trong sự nghèo nàn khô khan của bản báo cáo kết quả giải phẫu học, điều mà cha đưa ra là sự thật, sống sượng và trần trụi.

CHUYẾN ĐI

Tôi viết bài báo về chuyến quay lại Việt Nam cho tạp chí XXI trong đau đớn. Tôi không kể gì về bí mật của cha tôi, nhưng thế đã là quá rồi.

Tuy vậy bài phóng sự làm trong đơn độc ấy đã thuyết phục được tôi. Tôi phải quay lại Việt Nam. Nhưng lần này với cha mẹ tôi. Và các con gái của tôi. Một chuyến đi của ba thế hệ. Chúng tôi đã có ngày đi. Sẽ vào mùa đông để thời tiết mát mẻ không khiến cha tôi quá mệt.

Tôi đã tập trung hết sức cho chuyến đi ấy.

Vé máy bay, thị thực, khách sạn.

Và rồi.

MỘT BỨC MAIL

Người gửi: Thomas G.

Người nhận: dbui@nouvelobs.com

Về vấn đề: Sau khi đọc bài báo trong tạp chí XXI

Chào Đoàn,

Tối hôm qua, vợ tôi đã đề nghị tôi ngồi xuống đọc tạp chí XXI mà nàng là một độc giả trung thành.

Nàng đã choáng váng vì phát hiện ra những mảnh vụn về cuộc đời người ông của chính đứa trẻ nàng đang mang trong bụng.

Cuộc đời của cha tôi, và cũng là cha của chị gái tôi. Tôi đã đọc vài dòng, nhưng không thể đọc tiếp. Bỗng nhiên, một phần của cuộc đời tôi đã trở thành công khai. Một cuộc đời từng bị giấu kín hoặc bị chối bỏ cho tới tận bây giờ.

Những bí mật ấy có cần phải kéo dài vĩnh viễn? Tôi không muốn lặp lại sự im lặng, định mệnh, của cha tôi (... xin lỗi, cha của chúng ta, tất cả câu chuyện này dẫn đến nhiều lần lộn, kể cả bức mail đây), sự im lặng này không bắt đầu từ năm 2005 khi cha bị tai biến và con trai lớn của tôi Paulin ra đời, mà từ năm 1973, khi chính tôi được sinh ra (...)

Cô có thể gọi điện cho Dominique D. Bác ấy sẽ xác nhận những gì tôi nói đây. Bác cũng sẽ rất vui khi được tin về người bạn thời trai trẻ của mình (...)

Trân trọng,

Thomas (Phan Hung)

WHATSAPP

Nhóm Bui bạn là admin

Bui2, Bui3, Bui4, Bui5 là thành viên của nhóm

Tôi – Chị đã forward cho bọn em một mail.

Bui2 – screaming-smiley-whatsapp-1F631screaming-smiley-whatsapp-1F631

Bui3 – Anh ấy tên Thomas nhỉ.

Bui5 – Em đã google. Có một tấm ảnh anh ấy trong trang Linkedin.
Anh ấy trông giống cha lắm.

MỘT CÂU CHUYỆN

Tôi thường xuyên kể bí mật cho bạn bè, cho những người tôi ít quen, cho những người tôi tình cờ gặp. Với những người thân của tôi thì tôi lại im như thóc. Kể cho những người kia, như kể trước khán giả của một vở kịch, tôi kể mà không có cảm giác phạm lỗi, tôi không có cảm giác câu chuyện của tôi liên quan đến tôi. Dần dần, câu chuyện của tôi trở thành câu chuyện của một người khác. Thế đấy, tôi triển khai cuộc điều tra kỳ lạ đã mang tôi về phía cha tôi và cha biến thành một người mà tôi không quen, một nhân vật của chuyện lá cải.

Tôi cố giữ khoảng cách, như một bác sĩ giải phẫu. Tôi muốn phân tách câu chuyện này bằng một lưỡi dao mổ và nhìn qua kính hiển vi chất liệu lòng nhùng phức tạp ấy. Đó là công việc mà cha tôi làm suốt đời bằng cách quan sát trong ống kính những bản tóm tắt các bi kịch của nhân loại, ung thư, u trung biểu mô, cha xác định hình dạng cho một cái không có hình dạng, vì cha là người duy nhất biết ý nghĩa của những vết kỳ lạ và mờ ảo, những bông hoa xòe ra trên miếng kính phòng thí nghiệm và được phóng to hàng triệu lần, cha là ông đồng có thể nhìn thấy tương lai, khuôn mặt của thần chết.

Tôi cũng cần thái độ khách quan như vậy. Bỏ đi những cảm xúc, đọc chính tả một bản báo cáo kết quả giải phẫu học. Tôi hình thành “báo cáo Bùi Anh Dũng”. Hồ sơ 11079X75. Tôi lật các trang, đóng dấu, xác nhận. Tôi nhắc đi nhắc lại với mình rằng không có gì là ngạc nhiên cả. Căn bệnh của chúng tôi được các chuyên gia về tâm hồn con người biết rất rõ vì đó là một câu chuyện vẫn thấy trong những gia đình hôn nhân lần sau. Cha tôi đã sống hai mặt. Giống như cha của cha, ông nội tôi, vừa là

Việt Minh vừa chạy khỏi chiến khu, vừa người Bắc vừa người Nam, cha tôi bị giằng xé giữa hai gia đình, giữa hai cực, giữa nước Pháp và nước Việt.

Nhưng vô ích. Sự im lặng đã kéo dài quá lâu khiến câu chuyện trở nên không thực. Nó là chất liệu cho các chuyện hoang tưởng. Đó là lý do tại sao tôi không thể hình dung gặp họ như thế nào, những người khác, những người khác ấy, những nhân vật lén lút của một cuốn tiểu thuyết mà tôi có cảm giác là được bịa hoàn toàn, cuốn tiểu thuyết của gia đình tôi. Họ không thể tồn tại một cách có thật.

Cho tới khi nhận được bức mail ấy. Với những tên. Những tuổi. Những ngày tháng.

NGƯỜI BẠN PHÁP

Dominique D là một người bạn thời trẻ của cha tôi, một người bạn Pháp. Tôi từng nghe nói nhiều về ông, dù chỉ gặp có một lần trong đời. Cha mẹ tôi có rất ít bạn ở Le Mans. Họ bị mất gốc thêm một lần nữa khi rời khỏi Paris và ngoại ô, cộng đồng hải ngoại, những buổi liên hoan và các cuộc tụ họp của người Việt. Cuộc sống xã hội của họ không giống mấy với các phụ huynh của bọn cùng lớp tôi. Ở nhà chúng tôi, không có các đại dạ hội giữa bạn bè, các buổi nướng thịt trong rừng, hay các bữa khai vị thân tình và bất tận, truyền thống kỳ lạ của người Pháp mà sau này tôi đã khám phá. Chúng tôi sống theo kiểu tự cung tự cấp, co quắp lại với nhau. Nhưng chúng tôi không thấy thế làm phiền. Chúng tôi chẳng cần ai cả.

Từ thời thơ ấu đơn độc đó, tôi còn giữ một thái độ “vụng về” trong cách cư xử với xã hội. Giống như tất cả các thiếu niên khác, tôi mơ được tham gia vào hội nhóm, nhưng tôi không bao giờ được chấp nhận làm thành viên. Cuối cùng tôi chỉ có mỗi niềm say mê là sách vở và đàn dương cầm, những hoạt động đơn độc. Tôi sợ hãi những chốn giao du, căng-tin với những chiếc bàn rộng, những buổi dạ hội hay khiêu vũ, nơi tôi đứng ì một chỗ và quay trước quay sau, cảm lạnh và đần độn, không biết làm gì với tay chân của mình. Không có nhu cầu nói chuyện, nấp sau một cây đàn. Tóm lại, tôi không hiểu chút gì về vở kịch xã hội.

Trong nhà cha mẹ tôi ở Le Mans, bữa ăn của chúng tôi chỉ tiếp người ngoài một lần duy nhất trong năm: Nhân dịp bữa tối với các đồng nghiệp mà mẹ tôi bày ra những bát đĩa đẹp nhất của gia đình. Lúc ấy, tất cả giống như ở nhà hát: Cha tôi đổi giọng, không gọi mẹ là em^[69] mà

“chérie”, cha trả lời mẹ bằng tiếng Pháp. Vô tuyến bị tắt, và sự im lặng tang tóc trong nhà khiến chúng tôi phát hoảng. Em trai tôi, các em gái tôi và tôi lẫn vào phòng ngủ rồi treo búp bê Barbie và Ken của chúng tôi ở tay vịn cầu thang. Những người bị treo cổ được coi là có thể đuổi những kẻ lạ mặt – những khách mời người Pháp của cha mẹ tôi.

Dominique D là một huyền thoại với chúng tôi. Một người bạn Pháp! Tại sao cậu con trai của một gia đình quý tộc ấy lại bảo hộ một thanh niên đến từ Sài Gòn? Tại sao cậu ta lại tìm cho chàng trai trẻ gốc Việt đó một căn hộ, dẫn đi nghỉ, gần như nhận làm em nuôi? Cho tới tận hôm nay, tình bạn giữa họ vẫn còn khiến tôi ngạc nhiên.

Qua điện thoại Dominique không tỏ ra bất ngờ khi nghe tôi kể. Như thể ông đã đợi cú điện thoại này từ lâu rồi. Hai ngày sau, tôi đến ga O. Ông ra ga đón tôi. Chúng tôi cùng đi ăn phở trong một quán ăn nhỏ ở trung tâm thành phố.

DOMINIQUE

Cháu muốn bác kể về cha cháu. Nhưng làm thế nào để kể về tình bạn? Làm thế nào để kể về bạn của mình? Bác có thể kể cho cháu về những quán cà phê ám khói của khu Latin, những giảng đường đại học, cũng ám khói, về tuổi trẻ quay cuồng trong hơi thuốc lá. Cha cháu thích Gitanes nâu, còn bác thì Gitanes vàng, Dunhill. Và, vừa ngậm một điếu vừa thọc tay vào túi áo, cha cháu và bác đi dạo trên kè sông, mặt đường trơn bóng nước mưa trở thành gương soi dưới chân. Và cả hai lang thang trước những quầy sách cũ, cuối ngày ghé vào rạp xem bất kỳ phim nào. Cha cháu và bác cùng học ở thư viện, cha cháu ép bác phải thuộc tất cả, mà cha cháu thì nói tiếng Pháp rất kém, lúc đầu bác không sao hiểu cha cháu nói gì.

Trên hết, bác có thể kể cho cháu về cái nhìn kinh ngạc của cha cháu đằng sau đôi mắt kính to, vẻ hăng hái trẻ thơ khi cha cháu khám phá cuộc sống, tự do và nước Pháp. Và tất cả những lần đầu tiên của cha cháu. Lần đầu tiên ăn món choucroute, lần đầu tiên ăn ốc sên, lần đầu tiên đi hộp đêm, lần đầu tiên đi với bạn gái. Nụ cười của cha cháu khi nhìn thấy tuyết rơi ở Paris, sự sung sướng khi ngắm những đỉnh nhám nhỏ của rặng Alpes, những rừng thông, những ngọn núi trắng chọc thủng cả mây. Cha cháu đi trượt tuyết với gia đình bác, bác luôn dẫn cha cháu đi nghỉ cùng gia đình, bác sẽ buồn rĩ nếu để cha cháu ở lại Paris một mình. Cha cháu như là em ruột của bác vậy. Và bác còn nhớ ở Megève, hay là Courchevel nhỉ? Cha cháu đã đi giày trượt tuyết. Bác đã giúp cha cháu, cha cháu nhăn nhó lúc đầu, rồi phấn khởi, tự tin, và say sưa, cha cháu để thân mình lướt đi, nhanh hơn nữa, luôn luôn nhanh

hơn nữa, và cha cháu hét to, cả cha cháu và bác cùng hét như hai kẻ điên, lao thẳng xuống dốc, go, go, go! Bác cũng dẫn cha cháu mùa hè về miền Nam, cảng Grimaud, Saint-Trop, Brigitte Bardot khiến cả khu Madrague phát cuồng. Có người nói rằng nàng tắm tiên ở đây, những chiếc váy ngắn càng ngày càng ngắn, các thiếu nữ khoe nước da rám nắng, còn cha cháu và bác và cả băng bạn bè nhăm nháp bia trên cảng. Cha cháu ngồi hàng giờ trên ghế, viết và vẽ. Thật là một tài năng! Thăng bạn quý của bác. Bác còn giữ những bức ký họa của cha cháu, bị chinh phục hoàn toàn bởi màu thiên thanh, cha cháu nói với bác: Dominique, miền Nam nước Pháp thật là xanh. Ở Việt Nam, trời không sống động như thế, trời mù hơn vì mưa và ẩm, nhưng ở đây, biển, trời, xanh, rất xanh, chẳng giống xứ tao. Trong tiếng Việt có mỗi một từ xanh để chỉ cả màu xanh lơ lẫn xanh lá cây, lạ nhỉ?

Cháu nói với bác về tha hương và hoài cổ, còn bác, bác chỉ có những kỷ niệm lung linh trong đầu, đương nhiên đó là tuổi trẻ của bác, của cha cháu. Cháu nói với bác về cô đơn, trong khi cha cháu và bác không thể rời nhau, cha cháu ngay lập tức nhập vào nhóm của bác. Cha cháu không tìm bạn giữa các đồng hương, như thể đã qua trang mới. Bác còn nhớ căng-tin của bác và cha cháu, một quán ăn nhỏ gần tòa nhà Maubert – Mutualité, cha cháu sau đó không muốn quay lại, một trụ sở sinh viên gốc Bắc tả khuynh, cha cháu nhắc nhó nói: Tao, tao không hiểu gì hết. Dù sao thì ông nội của cháu cũng là một chính ủy Việt Minh. Sao? Mẹ cháu không hay biết? Không thể như thế! Cha cháu có giấu bác đâu! Bác thì bác rất ấn tượng! Có một người cha Việt Minh, một người tham gia chiến khu, thật lãng mạn. Thế nên bác không sao hiểu được những ngần ngại của cha cháu đối với Hồ Chí Minh. Bác trêu cha cháu, đồ phát xít, dù sao mày cũng không thể bảo vệ lũ đế quốc Mỹ bắn thủ ấy, make love, not war, thế nhé Dũng, chế độ Nam Việt Nam không thể bảo vệ được đâu! Đó là bọn bù nhìn tay sai của Mỹ, mày biết rõ quá rồi! Thời đại lúc đấy nó thế cháu ạ. Tất cả thanh niên xuống đường biểu tình

cầm băng-rôn chống chiến tranh Việt Nam. Tất cả đều yêu Joan Baez và Jane Fonda, tất cả đều ngắm hai nàng trên vô tuyến, đang ở Hà Nội, yêu kiều và anh dũng dưới bom đạn, tổ cáo Nixon. Thế nên bác không hiểu quan điểm của cha cháu, nhưng cũng chẳng quan trọng, cha cháu là bạn của bác mà.

Sau đó là thời kỳ có bạn gái. Cố nhiên là cháu sẽ nghe bác kể về M, nhưng bác cũng không biết nói gì với cháu. Quan hệ giữa cô ta và cha cháu phức tạp. Cha cháu bao nhiêu lần thử cắt đứt mà không thành. Ông nội cháu mất năm 1970. Ông ấy đã rất buồn về chuyện đó. Rồi, những đứa trẻ ra đời. A và Thomas. Cha cháu nhờ bác làm bố đỡ đầu cho chúng. Tất nhiên là bác đồng ý. Cha cháu không thể sống với M và bỏ trốn. Thật không có lựa chọn nào khác. Những đứa trẻ lớn lên, bác cố hết sức để bảo vệ chúng, mang chúng đi nghỉ. Cháu biết đấy, cha cháu không bao giờ cắt liên lạc với chúng? Cha cháu yêu chúng và thường xuyên nói với bác về chúng, rất khổ tâm về hoàn cảnh ấy. Cha cháu luôn muốn cho các cháu biết sự thật, nhưng cuộc sống đã quyết định khác đi. Cháu phải tới gặp những đứa con riêng của cha cháu. Chúng giống cháu lắm, cháu biết không?

PATCHWORK

Cha tôi là ai? Như trong ống kính vạn hoa, những hình ảnh mà tôi đã thu thập được ghép lại cạnh nhau và bức tranh trở nên rối tinh. Càng điều tra, tôi càng không hiểu cha tôi. Điều mà tôi từng gán cho cha – tóm tắt trong vài từ (tha hương, hoài cổ, cha của năm đứa con, tai biến) – chập chà chập chờn. Như thể hình ảnh phản chiếu của cha trong gương đã bị vỡ ra hàng nghìn mảnh, là tổng thể của những trái ngược và những có thể. Người anh trai luôn vắng mặt trong gia đình, cậu con đích tôn yêu dấu, chàng sinh viên, thằng bạn mang lại vận may cho nhóm thanh niên khu Latin, người cha của hai gia đình và hai cuộc đời. Có bao giờ ta biết hết một con người? Dù sao thì con người cũng là phép cộng của những gương mặt, một tấm patchwork to và sặc sỡ mà người thợ dệt kiên trì thêm một mảnh nhưng mướt vào chỗ này, một miếng vải xù xì vào chỗ kia. Tôi nhìn thấy mặt nước màu đen, nhưng khi cúi xuống thì đó là miệng của một cái giếng không đáy.

WHATSAPP

Nhóm BUI bạn là admin

Bui2, Bui, Bui4, Bui5 là thành viên của nhóm

Tôi – Bọn mình tập trung lại rồi đến cùng.

Bui4 – Ok, bến tàu điện ngầm Chatelet.

Bui5 – Chị đừng đến muộn nhé!

Bui2 – Chào, em vừa ngủ dậy. Giờ này là buổi sáng bên Mỹ. Hôm nay, mọi người đến thăm anh ấy hả. Có ăn tối cùng nhau không?

Tôi – screaming-smiley-whatsapp-1F631

Bui5 – screaming-smiley-whatsapp-1F631

“CHA CỦA CHÚNG TA”

Người phục vụ dẫn chúng tôi đến chiếc bàn nơi người anh cùng cha khác mẹ đang đợi chúng tôi. Người-mà-chúng-tôi-sẽ-không-nói-tên. Em Bùi 5 đã tìm thấy một bức ảnh của anh ấy trong Linkedin. Chúng tôi cùng nhìn anh ấy, cứng cả người. Còn bây giờ, tất cả đều ở đây. Mặt đối mặt. Im lặng, lúng túng. Chào anh ấy thế nào? Có phải thơm má không? Hay bắt tay? Chúng tôi ngồi để tránh ngại ngùng. “Kỳ cục há”, anh ấy nói. Chúng tôi đến ba chị em: Bùi 4, Bùi 5 và tôi. Chúng tôi cắm mũi vào thực đơn. Cá tuyết luộc, ok, cá tuyết. Thế còn món đầu bữa? Đồng ý, nếu tất cả cùng gọi. Ừm, có vẻ ngon đây. Em thử món cơm trộn kem vị quế nhé. Tôi chợt nhớ lại giấc mơ về thanh quế, giấc mơ đã biến thành mây khói trong chiến tranh. Điềm báo trước về những người đàn ông trong dòng họ. Lại im lặng. Cuối cùng chúng tôi bắt đầu chuyện trò.

Anh ấy nói “cha”. Thật kỳ lạ khi nghe thấy từ này phát ra từ miệng anh ấy. Anh ấy nói tiếp “bà của chúng ta”, người mà chị em tôi gọi là bà nội. Thomas đã gặp bà nhiều lần. Anh ấy cũng từng gặp các cô, các bác, các chú, những cái tên anh không còn nhớ, trong các buổi họp nơi mọi người đều nói tiếng Việt anh chẳng hiểu gì, cũng như chị em chúng tôi. Anh biết cả các bác sĩ đồng nghiệp của cha tôi, thậm chí còn ở với chị gái của anh trong ngôi nhà của cha mẹ tôi ở Le Mans trong khi chúng tôi đi nghỉ ở La Grande-Motte. Họ đã ngủ trong giường của chúng tôi, chơi búp bê Barbie, đồ lắp ráp và sách của chúng tôi. Thomas có lần còn chạm mặt tôi trên kè ga Le Mans: Tôi đi Paris, còn anh ấy đến Le Mans. Anh nhận ra tôi, cha đã kể cho anh ấy rất nhiều về chúng tôi và điều này khiến anh tổn thương, anh ấy – đứa trẻ bị giấu diếm và phải im lặng.

Thomas rất thân với một đứa bạn cùng lớp tôi ở trường trung học tên là Clarissa. Anh ấy từng nói với nó rằng anh là anh cùng cha khác mẹ với tôi, nhưng tôi chẳng biết gì hết. Trong ba năm trung học, Clarissa chưa lần nào hé lộ bí mật của Thomas.

Đối với những đứa trẻ ngoài giá thú, cuộc sống rất phức tạp. Sự vắng mặt của người cha, đương nhiên rồi. Nhưng không chỉ vậy. “Đó là một cuộc chiến”, anh ấy bật nói. Thomas đã thoát được nó. Với A, chị ruột của anh ấy, thì khó khăn hơn.

Tôi rút điện thoại ra và xin phép Thomas cho chụp ảnh. Tôi muốn ghi lại thời khắc này. Để đưa cho cha tôi. Cha của chúng tôi. Thomas cũng làm như tôi. Chúng tôi lại luống cuống lần nữa. Hơi nực cười. Giờ hai chiếc điện thoại như hai tấm khiên. Chúng tôi đã không chụp selfie bốn người.

Rồi chúng tôi rời khỏi tiệm ăn và chào nhau.

NHỮNG NGƯỜI ĐIẾC VÀ NHỮNG NGƯỜI CÂM

Tôi đã đọc cái câu rất đúng này, trong một tiểu thuyết của Marie Nimier, con gái của nhà văn Roger Nimier:

Im lặng là một hợp đồng ngầm, một điều khoản cùng chia sẻ giữa hai bên. Một bên im lặng và một bên bịt tai. Không phải chỉ bên này quyết nói là bên kia nghe thấy.

Chúng tôi đã ký bản hợp đồng im lặng ấy. Chúng tôi không muốn nhìn thấy bất cứ cái gì. Em trai tôi kể cho chúng tôi rằng một hôm cha tôi đã nhắc đến gia đình kia của mình sau một lễ giao thừa hơi quá chén. Em tôi không tin tẹo nào, và không kể lại cho chúng tôi về chuyện ấy. Em nghĩ rượu khiến người ta nói những chuyện vớ vẩn. Tôi cũng thế. Khi tôi bói được từ kho lưu trữ bản báo cáo của cảnh sát, tất cả ghi rõ ràng giấy trắng mực đen. Thế mà tôi đã cười nhạo.

Như thói quen, tôi tháo kính ra. “Sự thật”, tôi ghét cái từ khoa trương ấy. Chẳng cái gì là thật cả. Trừ chúng tôi, gia đình họ Bùi. Chúng tôi, những đứa con của cha tôi. Và trong đại từ “chúng tôi” này, tôi không thể cho thêm những người kia. Như một thám tử mù và điếc, tôi bỏ quên các hướng đi, điều tra ẩu, bịt các chứng cứ. Ấy thế mà, nó đang ở trước mắt tôi, bằng chứng của tội lỗi không sao chối cãi ấy: Bức ảnh của Thomas trong điện thoại của tôi.

ĐẰNG SAU ỐNG KÍNH

Thomas gửi cho tôi một bức ảnh mà anh ấy lấy được từ mẹ anh. Cha của chúng tôi chụp cạnh ông nội, ông nội của tôi, ông nội của chúng tôi. Bức ảnh có từ năm 1970. Vào những ngày mà cha và ông nội gặp lại nhau để rồi sau đó dẫn đến cái chết tang thương của ông nội. Cha đứng trước nhà ga Montparnasse. Với một nụ cười tin tưởng. Ông nội không cười. Ông vẫn có vẻ mặt lo lắng, thất thần. Ông bé nhỏ hơn cha. Và tỏ ra mệt mỏi.

Nhìn những bức ảnh cha và con trai ấy, tôi luôn tự hỏi ai là tác giả. Ai đứng ở đằng sau ống kính? Câu trả lời, hôm nay tôi đã có, trong bức mail của Thomas. Chính mẹ anh ấy đã chụp bức ảnh đó. Ông nội tôi đã gặp M, người đàn bà Pháp. Ông đã phản ứng thế nào khi đối diện với bà ấy, người đàn bà ngoại quốc? Là một người theo nguyên tắc Khổng Tử cứng nhắc, ông hẳn đã rất sốc. Thế nhưng, tôi tin chắc là ông đã giữ thể diện. Ông đã không nói gì.

CON LAI

Tôi thu nhặt những bức mail của Thomas như những hòn sỏi: những mảnh vụn của cha tôi – cha của chúng tôi – những mẫu nhỏ trong câu chuyện bị phân hủy của họ, mà tôi sẽ không kể lại, vì nó thuộc về anh ấy. Anh ấy là con lai, giống như chị gái của anh. Cả hai mang trên gương mặt những dấu vết của người cha thường xuyên vắng mặt. Ở Việt Nam, người ta gọi con lai là “bụi đời”. Bị khinh bỉ bởi người Pháp, cũng như người Việt, họ không thể tìm được chỗ đứng của mình ở cả hai nơi.

Chúng tôi không có gì chung với nhau. Chúng tôi không biết nhau. Chúng tôi không giống nhau (hoặc trong mọi trường hợp đó là điều mà tôi muốn tự thuyết phục tôi). Nhưng đôi khi lại lấp ló những nét giống nhau và những trao đổi bằng mail giữa hai chúng tôi khiến tôi hoang mang. Và từ cuốn sách này, cuốn sách của tôi, vụt xuất hiện, dù tôi muốn hay không, lời nói của người anh trai cùng cha khác mẹ đến từ hư vô đấy.

THOMAS

Người gửi: Thomas

Người nhận: Đoàn Thùỵ

Người cha im lặng. Như vậy, đó là tên cuốn sách của em. Nó vang vang trong anh, đương nhiên. Nó khiến anh rối loạn. Bởi vì nó có vẻ cũng nói về mối quan hệ giữa anh và cha anh. Cha của chúng ta.

Cha. Anh biết về cha quá ít. Anh có phải là con trai của cha không? Em có thể nghi ngờ, nhưng anh luôn tự đặt cho mình câu hỏi ấy. Từ cha, anh chỉ giữ được mái tóc đen, nét mặt hơi Á châu, và có thể là nụ cười. Và cả cặp kính kỳ cục. Khi gặp các em, anh nhận ra rằng tất cả đều bị cận, như cha: đó hẳn là cái mà người ta gọi là “nét người trong nhà”. Anh từng thường xuyên sẫm soi những bức ảnh hiếm hoi mà anh có từ cha. Anh tìm kiếm mối quan hệ nối anh và cha với nhau. Vô ích. Em nói rằng anh giống cha. Có thể. Thật ra thì anh chẳng biết nghĩ thế nào về việc này. Cha là người vắng mặt. Anh là con lai, chắc chắn rồi, nhưng Việt Nam, đất nước chảy trong một phần hai huyết quản của anh chẳng nói với anh điều gì cả.

Tuy thế, cha cũng để lại cho anh một cái tên. Phan Hùng. Cái tên Việt mà cha chọn cho anh ấy được viết nguệch ngoạc đằng sau những tấm ảnh thời nhỏ của anh. Em kể với anh rằng chính cha cũng đã chọn tên cho các em. Tên của em có nghĩa là minh mẫn dịu dàng, đúng không? Tên đẹp! Anh thì không biết tên của mình có nghĩa là gì. Anh chưa bao giờ hỏi cha, và cha cũng chưa bao giờ giải thích cho anh. Dù thế nào thì anh cũng ít khi sử dụng tên này. Người ta đã lột mất của anh khi anh còn rất bé. Anh luôn sống với cảm giác bị cướp tên thật, cái tên có lẽ sẽ nói được anh

thực chất là ai. Anh đành phải nhận tên Thomas, tên mà anh đang mang bây giờ. Trở thành con người mà người ta chờ đợi ở mình. Đó là một trận chiến. Nhưng anh như thế này đây, anh là Thomas. Ngày hôm nay anh có khuôn mặt của cái tên thứ hai. Anh không còn tưởng tượng được rằng mình sẽ có một cái tên khác, thậm chí trong sách. Đặc biệt là trong sách của em. Cuốn sách về cha của chúng mình.

Anh có phải là con trai của cha không? Có cha, như có một người bảo vệ. Cha đã không bảo vệ anh và chị anh, bởi vì cha đã chạy trốn. Anh từng trách cha rất nhiều. Dù sao thì hôm nay, anh cũng hiểu cha. Anh cũng đã làm thế: chạy trốn để sống còn.

Anh đã dựng cho mình một bộ áo giáp. Thời niên thiếu, anh từng cố không nhìn nhận rằng chính cha đã trả cho anh tiền học, tiền căng-tin, tiền trọ. Thế mà anh lại luôn luôn quay về với cha. Lần nào anh cũng khó chịu mỗi khi cha nói về các em, các con trong giá thú của cha. Những học trò giỏi, những đứa trẻ ngoan. Còn anh, anh là con trai của một cái bóng. Nhưng anh lại quay về. Cha và anh từng có thói quen ăn trưa cùng nhau mỗi khi cha lên Paris làm việc. Anh muốn biết về cha hơn. Muốn cha tự hào về anh. Anh được nhận vào trường Mỹ thuật Công nghiệp danh giá. Anh hy vọng điều ấy sẽ kéo cha và anh lại gần nhau hơn, anh biết giá trị mà cha dành cho những thứ như bằng cấp, học hành. Anh đã rất thất vọng khi cha không bao giờ đến thăm trường của anh.

Thế là anh tách khỏi cha. Anh tự xây đời mình.

Rồi bản thân anh cũng làm cha. Paulin sinh năm 2005, cũng chính năm ấy em sinh con gái đầu lòng. Cũng chính năm ấy, cha bị tai biến. Trước đó, anh đã để lại tin nhắn trong điện thoại cho cha. Anh không nhận được trả lời. Anh giận điên lên. Con giận của anh kéo dài hai năm. Cho đến khi anh biết được cha đã bị tai biến. Lúc ấy anh hiểu nguyên do sự im lặng của cha. Thật kỳ lạ, đúng không? Chính khi con trai anh ra đời thì cha lại im lặng. Mười năm sau, khi em gái nó vừa được sinh ra thì một chu kỳ kết thúc: chấm dứt bí mật và chấm dứt im lặng.

Anh sẽ thú nhận với em một điều này. Từ thời niên thiếu, anh đã sưu tập những cuốn sách mà trong tựa có từ “người”. Khi bị hỏi về lý do của sự say mê sách hiếm ấy, anh thường lảng không trả lời. Thế nhưng tự thâm tâm, anh biết. Trong những cuốn sách ấy, anh đi tìm một người mà anh luôn nhớ: cha của anh. Hôm nay, em nói với anh về cuốn sách này, cuốn sách của em. Và anh tự nhủ: có thể chính trong ấy mà anh sẽ tìm được cha.

HIỆP ƯỚC CỦA MẸ TÔI

Cuốn sách của tôi... Nó không còn thuộc về tôi nữa. Nó đã trở thành “cuốn sách của chúng tôi”. Về cha “của chúng tôi”.

Tôi đã nghĩ đến việc viết một cuốn sách với những tính lược. Bảo toàn hiệp ước im lặng, cho mẹ tôi người thiết tha muốn vậy. Việc ấy từ nay không thể được nữa rồi. Vì những người con riêng bị giấu kín của cha tôi. Vì cha tôi, người muốn nói.

Còn lại mẹ tôi. Người canh giữ sự im lặng, thần tượng của tôi. Vì mẹ, tôi thường muốn bỏ dở cuốn sách này, giấu nó vào trong túi, trong ngăn kéo, trong tầng hầm. Tôi sẽ chẳng bao giờ làm mẹ khổ vì bất cứ cái gì, vì một cuốn sách lại càng không. Nhưng tôi hiểu rằng mẹ tôi hẳn cũng đã rất mệt mỏi vì sự im lặng mà mẹ tự áp đặt đó. Đôi khi tôi có cảm giác mẹ kích thích tôi vi phạm sự im lặng của chúng tôi. Mẹ tỏ ra rất phấn khởi khi tôi lao vào cuộc điều tra về gia đình bên nội. Chẳng phải chính mẹ cuối cùng đã truyền lại mọi thứ cho chúng tôi? Chẳng phải chính mẹ đã kể về đất nước của mẹ cho các con gái? Chính mẹ đã hát những bài hát ru Việt Nam mà tôi vẫn còn hát ngày hôm nay?

Khi viết ra bằng những câu chữ cái điều bấy lâu nay bị vùi sâu, tôi hy vọng giải thoát cho mẹ khỏi nhà tù mà mẹ tự giam mình trong đó. Tôi muốn giúp mẹ thuần hóa bí mật ấy. Chẳng có gì mà phải xấu hổ trong chuyện này. Chẳng có gì phải giấu giếm. Không ai mất mặt ở đây.

PHIÊN TÒA

Thomas đã không kể hết. Anh ấy gửi cho tôi link dẫn tới một bài báo. Đó là bản báo cáo một phiên tòa. Như tôi đã từng đọc rất nhiều, cũng như đã từng viết rất nhiều. Trong mục: “Linh tinh”. Bài báo về chị gái cùng cha khác mẹ của tôi. Nạn nhân của những âm mưu nguy hiểm, khủng khiếp mà tôi sẽ không nói ra chi tiết, vì tôn trọng chị. Trong bài báo, bỗng hiện ra tên của cha tôi.

Tất cả gia đình của cô gái lần lượt lên vành móng ngựa. Người cha tự khai là “bác sĩ”. Luật sư F của bên bị đã nhận xét: “Ông ấy rất kín đáo. Người ta có cảm giác ông ấy không quen con gái mình”. A đã giải thích cho bác sĩ tâm lý được thẩm phán chỉ định: “Ông ấy chưa bao giờ cưới mẹ tôi(...) Thực ra ông ấy đã đến sống ở Le Mans để trốn mẹ tôi”. A đã tả về mình như một đứa con không được cha mong đợi. Cũng như em trai của cô ta. Người mẹ đã “ấn vào lưng” người đàn ông này hai đứa con. Đến đứa thứ hai, ông ta bỏ đi. “Cha tôi rất hèn yếu, ông ấy luôn trốn tránh trách nhiệm.” Người em trai làm nghề đóng đồ gỗ quý, sống với một phụ nữ đã có hai con, và cắt mọi quan hệ với gia đình. Luật sư M của một trong những bị cáo đã báo cáo: “Anh ta giải thích rằng anh ta chỉ tìm thấy lối thoát trong sự chạy trốn. Và anh ta đã khuyên chị gái làm như thế.”

Tôi choáng váng. Cha tôi. Trên báo. Đối diện với những lời ngắn gọn mà hàm chứa này, bản thẩm định tâm lý nhanh chóng kia, những lời khẳng định của các luật sư, những tuyên bố chua cay, tôi thấy phát nôn. Càng đọc đi đọc lại bài báo, tôi càng thấy bị tổn thương. Như thể chỉ vài dòng viết mà có khả năng tóm tắt một con người, cuộc đời của người

đó. Và kể hết về cha tôi. Cha tôi kín đáo là thế, mà vẫn bị lôi ra. Cha tôi mà đời sống bỗng dưng bị đưa ra mổ xẻ bởi các luật sư, các bác sĩ tâm lý, những người thao thao bàn về bi kịch mà con gái của cha đã trải qua.

Trước đây cha tôi chưa từng đặt chân vào một tòa án nào. Tôi sống ở Paris nhưng lần ấy ông đã không đến nhà tôi ngủ, như cha vẫn thường làm thế. Tôi hình dung ra sự nhục nhã của cha. Cha, con trai của một chính ủy từng tham gia các tòa án nhân dân. Bị nêu tên như một nhân chứng ở vành móng ngựa. Gần như một tội phạm. Và nghe những kẻ khác phân tích tỉ mỉ cuộc đời của con gái mình. Chị cùng cha khác mẹ của tôi không đến dự vụ kiện. Quá yếu ớt, quá vỡ vụn. Trong ba ngày liền, dựa vào luật, các luật sư của bên bị đã tìm mọi cách để tàn hại chị ấy.

Theo những thông tin của sự kiện này, tôi nhìn nhận lại một cách khác những năm ngay trước vụ tai biến của cha tôi. Trầm cảm. Buồn bã. Trong phiên tòa, cha tôi buộc phải nói. Hai năm sau, ông im lặng. Mãi mãi.

SẦU RIÊNG

Sầu riêng đuổi theo bạn như những bí mật. Đầu tiên là bởi mùi của nó, quá mạnh, xông lên cả đầu. Buồn nôn với người này, mê mẩn với người kia. Sầu riêng phải thưởng thức, dần dần từng chút một. Nó xứng như vậy. Đập lớp vỏ dày và đầy gai. Lấy phần ruột ra. Trong hai ngăn riêng biệt là những múi mềm, gần như trong tình trạng không gì che đậy, nhom nhóp như những bộ phận trên cơ thể người, và đặc giống trái bơ. Tách múi, những ngón tay dính dính, cho vào miệng ăn ngẫu nhiên, liếm môi, nhắm nháp tinh chất của nó, thật lâu, thật lâu, và hương vị ấy, mùi thơm ấy, sẽ theo bạn, ngay cả sau khi đã rửa miệng. Mùi của sầu riêng không bao giờ buông tha bạn. Cũng như những bí mật. Sầu nghĩa là buồn, riêng nghĩa là lẻ loi. Sầu riêng, hay là nỗi buồn của sự cô độc.

Bí mật sinh ra sự cô độc khủng khiếp nhất. Những bí mật của cha tôi và của mẹ tôi. Sự cô độc của họ. “Mẹ đã nghĩ rằng nếu không ai biết thì cũng không sao”, mẹ tôi nói với tôi. Mẹ tôi phát hiện ra chuyện này ba mươi năm sau mẹ ruột của mẹ. Bà ngoại tôi đã nhận được một lá thư của “người đàn bà Pháp” ngay trước đám cưới của cha mẹ tôi. Bà ngoại không nói gì. Giấy mời đã được gửi đi, không thể lùi được nữa. Mất thể diện. Nếu không ai biết thì cũng... không sao, bà cũng suy nghĩ như mẹ.

Và cái mùi ngất ngư của những bí mật thối rữa, từ từ, từ từ.

VỀ NHÀ

Sân bay Nội Bài. Hà Nội. Đây là lần đầu tiên tôi đưa các con của tôi tới Việt Nam. Cũng là lần đầu tiên, tôi mang cha mẹ tôi đến đó.

Tôi cảm thấy mình vừa là trẻ con vừa như người già. Lần cuối cùng tôi ra nước ngoài với cha mẹ tôi, tôi hai mươi tuổi, cha mẹ tôi lôi tôi vào một chuyến du lịch trọn gói low cost all included tới Djerba. Gã tài xế xe buýt lái nhái: “Ông bố, ông ấy lúc nào cũng chăm con bé con, chăm suốt, chăm suốt”, và tôi cáu điên, tự nhắc mình: Không bao giờ thế nữa. Cha mẹ tôi đã già đi. Giờ đây tôi nhận ra rằng chúng tôi đã tới cái giao điểm tế nhị của cuộc đời nơi người ta đổi vai cho nhau: Bây giờ đến lượt tôi để mắt tới cha mẹ. Đương nhiên mẹ tôi tiếp tục hỏi han hết cái này đến cái kia, còn tôi, tôi đáp trả trong trò đổi vai mà chúng tôi biết rõ này. Ngay từ lúc ở sân bay Roissy, mẹ tôi đã nói một tràng: “Con có vẻ mệt mỏi, không khí ở Paris rất bẩn, giá con đến sống ở nhà Le Mans, con sẽ thấy ảnh chụp phổi của người Paris, trông chẳng khác những tấm bọt biển bị mốc, quàng khăn vào cổ không thì ốm chết đấy, mẹ lại phải cạo gió”.

Tôi nhớ trò cạo gió này: Mẹ tôi cạo lưng cho chúng tôi một cách cẩn thận bằng một chiếc thìa, cho tới khi lưng chúng tôi vẫn đỏ, mẹ cam đoan rằng cách làm này tiêu diệt những độc tố và máu tồi, và người cha bác sĩ của tôi long trọng tán thành, làm bảo lãnh khoa học của bà vợ thích cạo gió.

Mẹ tôi đã chuẩn bị mọi thứ cho chuyến Djerba all included. Còn lần này, tôi lo từ khách sạn, vé máy bay, đặt chỗ, thị thực. Tôi đã tưởng tượng mọi thứ sẽ thay đổi khi tới Việt Nam. Cha mẹ tôi sẽ như cá gặp

nước. Họ nói tiếng Việt. Tôi sẽ chỉ cần nhắm mắt, đưa tay cho họ như khi tôi còn bé. Cứ đi theo thôi.

Nhưng rồi tôi đã bị bắt ngờ. Cha tôi ngồi trong xe đẩy, mẹ tôi phủ một tấm chăn lên đầu gối cha. Cả hai cùng một nhòai. Tuyệt vọng. Họ nhìn tôi. Hành lý chưa đến. Lúc ở Paris, nhân viên hàng không đã nhầm trong lúc làm thủ tục. Tất nhiên là vì tên của chúng tôi. Hai trong số em gái của tôi cũng mua vé cùng hãng. Kết quả là không phải một, không phải hai mà ba Doan Bui. Đấy là chưa kể mẹ tôi: Họ là Doan, còn họ chồng là Bui. Như thế chúng tôi được sao làm nhiều bản, ở những thời điểm khác nhau của cuộc đời.

Chúng tôi lấy được va-li. Tôi đã đặt trước tắc-xi để về khách sạn. Mẹ tôi, cũng như các con gái tôi, nhìn tôi chăm chăm vẻ thắc mắc: “Bao giờ đến nơi?”. Chóng cả mặt. Tôi đâu thấy lâu lắm thời gian ngồi trong chiếc Peugeot 504, nhưng tôi cũng hỏi câu hỏi y hệt: “Bao giờ đến nơi?”.

Rồi chúng tôi đứng trước khách sạn.

Và, choáng váng.

Đường phố.

Qua đường ở Hà Nội giống như chơi nhảy dây. Phải nhắm mắt, cầu nguyện và ném mình vào đám đông ồn ào, một sự hỗn loạn kinh hoàng của xe máy, xích lô, hàng rong với các xe bán mì phở, nước mía và chả xiên nướng. Tôi đã từng tập để đi như thế, nên tôi khá tự tin. Tôi đã hình dung mình như Don Quichotte trên lưng ngựa, thách thức đường phố Hà Nội với chiếc xe đẩy của cha tôi. Nhưng tôi đã không mua còi, như Florizane³⁴ từng khuyên. Cả một dòng xe máy tràn ra, bất tận. Các con gái của tôi nép vào tôi, như hai con gà bé nhỏ hoảng hốt. Phố không có vỉa hè để có thể đặt xe đẩy của cha tôi xuống.

Cha mẹ tôi nhìn tôi cuống quýt.

“Thế con định giết cha hay sao?”

Rồi điều thần kỳ đã xảy đến. Sáu cánh tay đưa ra không biết từ đâu. Chúng nhắc bổng cha tôi. Đường phố mở ra như Hồng Hải mở trước Mose.

“Tại sao bác ấy không nói tiếng Việt? Bác ấy không phải là người Việt ă?”

“Tất nhiên bác ấy là người Việt chứ!”

“À, vậy là bác ấy quên tiếng Việt. Bác ấy đi khỏi Việt Nam lâu quá ă!”

Ở Việt Nam, cha tôi và tôi bình đẳng. Cùng bị căm vì đã quên tiếng mẹ đẻ của mình.

Cha mẹ tôi đã đi nghỉ ở Việt Nam nhiều lần, nhưng bao giờ cũng trở về với cảm giác ngỡ ngàng. “Đó không phải là những gì vẫn ở trong trí nhớ chúng ta, con ă”, cha mẹ tôi nói và liệt kê những tên phố đã biến mất ở Sài Gòn. Đường Catinat, trở thành đường Tự Do giữa 1954 và 1975, từ nay là đường Đồng Khởi, quán cà phê Givral đã không còn, bùng binh Chợ Lớn không nhận ra nữa. Tất cả những tên đường mà cha mẹ tôi biết trước đây đã không thấy trên bản đồ và khi hỏi tài xế tắc-xi địa chỉ này, địa chỉ kia, thì đều bị lắc đầu: Không biết, chưa bao giờ nghe thấy đường nào có tên như vậy.

Lần này là một trải nghiệm khác. Cha tôi chưa bao giờ đặt chân đến làng Sét, làng của họ Bùi, nhưng cha có vẻ nhận ra nơi ấy. Trong nghĩa trang của tổ tiên, tôi đưa cho cha mấy nén hương. Lần đầu tiên, đứa con của gia đình quay lại để cúi đầu trước vong hồn họ mạc. Cuối cùng, ở tuổi 72, cha có thể mang lại vẻ vang cho tổ tiên, như ông nội của tôi từng mong muốn.

“Về nhà”, cha tôi thường nói trong giấc ngủ. “Nhà” là một từ ôm đồm nhiều nghĩa trong tiếng Việt: Ngôi nhà, đất nước, quê hương, gia đình. Cái nơi có thực hay tưởng tượng mà chúng ta sống trong nó và nó sống trong chúng ta. “Về nhà” trong tiếng Đan Mạch là heimta. Chính từ động từ này mà chúng ta có từ “hanter”^[70]. Chuyển đi này, đó là cuộc trở về

trong cái gọi là nhà của cha mẹ tôi, cuộc viếng thăm những bóng ma của chúng tôi. Chúng tôi, trong nghĩa bóng, là những âm hồn trở về.

Ở Sài Gòn, sau một trò chơi tìm đường rất lâu, chúng tôi đã đến được ngôi nhà mà cha tôi đã ở cho tới năm 20 tuổi. Những người chủ mới mời chúng tôi vào nhà. Hầu như không có gì thay đổi. Tôi chụp ảnh những bức tường, những đầu cầu thang, một cửa sổ. Và trên gương mặt tươi cười của cha tôi, tôi nhìn thấy nụ cười trẻ trung của cậu thiếu niên ngày nào. Cha kinh ngạc nhìn gian bếp; một cửa chạn vẫn y hệt như trong ký ức của cha, một mảnh của vĩnh cửu nổi lên từ quá khứ, cho dù tóc có bạc và những người thân yêu đã lìa đời.

Cho tới lúc ấy, cha mẹ tôi chưa bao giờ tìm lại được quê hương của thuở ấu thơ. Trong hành trình theo những vết chân của quá khứ này, một con đường đã mở ra trong ký ức của cả hai.

Ngày xưa ngày xưa có một nàng tiên là công chúa con của Thiên Vương. Nàng đem lòng yêu một chàng chăn bò nghèo. Người ta tìm cách chia cắt đôi tình nhân. Công chúa bị vua cha gọi về trời, còn chàng trai buộc phải ở lại trần thế. Nàng khóc nhiều đến nỗi từ những giọt nước mắt của nàng mọc ra một chiếc cầu, vào ngày thứ bảy của tháng Bảy hàng năm. Người ta nói rằng vào ngày ấy, hai kẻ yêu nhau sẽ gặp lại trên chiếc cầu làm từ nước mắt.

Những giọt nước mắt mà tôi chưa bao giờ nhìn thấy chảy trên má của cha mẹ tôi tạo nên hôm nay một chiếc cầu giữa hiện tại và quá khứ, giữa con người mà họ đang là hiện nay và con người mà họ đã từng là trước đây, giữa nước Pháp và nước Việt, hai quê hương của họ. Và như thể họ nói với tôi: “Con này, cha mẹ sẽ cho con xem”.

WHATSAPP

Nhóm BUI bạn là admin

Bui2, Bui, Bui4, Bui5 là thành viên của nhóm

Mẹ Bui cũng gia nhập nhóm

Mẹ Bui – Are you back in the hotel rooms, girls? Dad says he is hungry.

Bui2 – Ồi! Mẹ cũng vào WhatsApp!!!clapping-hands-whatsappclapping-hands-whatsapp

Bui3 – Sao mẹ lại nói tiếng Anh vậy mẹ?

Mẹ Bui – Vì phần sửa tự động đó. Máy để tiếng Anh. Khó chịu quá, Internet bắt mẹ viết những thứ mà mẹ không mún

Mẹ Bui – mà mẹ không muốn.

Bui3 – Con chả hiểu gì cả.dismayed-smiley-whatsapp-1F616

Mẹ Bui – WhatsApp thật useful. Khách sạn có wifi.

Bui2 – Cha mẹ đi có vui không? Cha có vui không?

Mẹ Bui – grinning-smiley-in-a-good-mood-whatsapp-emoji-1F600

Bui3 – Ồi, mẹ cũng dùng smiley này!!!!!!screaming-smiley-whatsapp-1F631

NHỮNG MŨI KIM

Bác sĩ châm cứu ngày nào cũng đến chữa cho cha tôi. Bác sĩ khen cha: “Anh ấy có nội lực tốt”. Từ sau tai biến, cha tôi vẽ hàng ngày. Trước đây cha cũng thích vẽ nhưng công việc không cho cha có nhiều thời gian để dành cho vẽ. Cha đã phải trở nên im lặng để có thể quay lại với vẽ.

Bác sĩ châm cứu nói: “Ngôn từ thì vẫn còn quá nặng, nhưng bệnh anh đã nhẹ rồi”.

ĐẦU GÀ, ĐÍT VỊT

Các con gái tôi. Các công chúa lai Âu – Á của tôi, những đứa con “đầu gà, đít vịt” của tôi. Các kho báu của tôi.

Buổi tối, trong phòng khách sạn, chúng tôi chui xuống chăn nệm trắng tinh, lạo xạo, thơm tho. Mẹ ơi sang quá! Hai đứa kêu liếp chiếp và chúng tôi ép vào nhau thành một, đêm nào ở Việt Nam cũng là một ngày hội, chúng tôi ngủ chung giường. Ở Pháp thì không thể.

Ở vườn trẻ, các cô bảo mẫu nhíu mày khi bắt gặp tôi với chúng nó ôm ấp nhau. Các con gái của tôi từ nay đã lớn, nhưng tôi vẫn là người đầu tiên chịu thua khi hai đứa chạy đến nép vào giường tôi đòi ngủ cùng sau một cơn ác mộng, cha của chúng thỉnh thoảng rên rỉ nhưng không nhận thấy gì khác thường, thế là tôi luồn chúng vào nách, giấu chúng đi, đó là bí mật giữa chúng tôi, giữa mẹ và con gái, tôi muốn giữ chúng ở hõm vai suốt đời, như cô bé tí hon, cô bé trong truyện cổ tích được bọc trong một chiếc lá cây.

Khi chúng bị ốm, tôi lấy ngay cơ đó để nằm cạnh, trong chiếc giường trẻ con của chúng, nghe tim chúng đập kề ngực tôi. “Ở Việt Nam mẹ ngủ với con gái, người Việt vẫn làm vậy”, mẹ tôi cam đoan. Thế là tôi thu tròn người lại, tôi bị chèn lên bởi bốn cái đùi nóng rực, chúng ngủ theo hình chéo, như con bạch tuộc, chiếm hết chỗ trên giường, mỗi đứa bám chặt vào tôi bằng một bàn tay. Tôi ngấm giấc ngủ của chúng, đôi má tròn căng tuyệt đẹp, tôi lén hơi thở của mình lên hơi thở của chúng và chúng tôi hòa làm một. Sự im lặng của căn phòng gợi tôi nhớ lại sự im lặng trong nhà hộ sinh, sự hoàn hảo tuyệt vời của nó.

Trước khi ngủ, tôi kể cho chúng nghe những câu chuyện về Việt Nam và gia đình cha tôi. Chúng nghe tôi chăm chú. Mỗi tối, chúng hí hoáy viết và vẽ vào sổ tay, miêu tả theo kiểu của chúng quê hương của ông bà. Các con gái tôi biết phá vỡ cái xiềng của những bí mật. Chúng là những người dẫn đường cho tôi trong cuộc điều tra này.

Người ta hay nói về một cuốn sách rằng đó như một đứa con. Người ta “để” nó ra. Tôi thì lại luôn có cảm giác sinh ra từ cuộc điều tra này. Y như kiểu tôi có cảm giác được sinh ra từ các con tôi. Tôi chưa bao giờ cảm thấy tôi là “con gái của mẹ” bằng khi trở thành “mẹ của các con gái”. Tôi cực kỳ hạnh phúc trong giai đoạn thai nghén thứ nhất khi biết rằng tôi sẽ có con gái. Lần đầu tiên trong đời, tôi tự hỏi: Mình sẽ truyền cho nó cái gì? Bệnh hen, dị ứng, tính nóng nảy? Cái tên? Những bản nhạc Schubert và sự say mê karaoke theo kiểu rất Việt Nam? Đôi mắt xéch và cậ? Hoặc... chẳng gì cả? Tôi nằm mơ thấy mình sinh ra một đứa trẻ tóc vàng, mắt xanh và tròn xoe. Tôi mang nó ra công viên và các bà mẹ khác tưởng tôi là bảo mẫu người Philippines của nó. Thế là thì thầm và cười nhếch mép kiểu bề trên: Các cô Philippines được lắm, rất cần mẫn, ngoài ra còn sạch sẽ, nghiêm túc, tình cảm. Các cô mà giữ trẻ thì có gì chuẩn hơn!

Nỗi bất an không biến mất cùng với sự ra đời của đứa con gái thứ hai. Tôi sợ rằng trong chúng sẽ chẳng còn gì từ nước Việt mà tôi đã cố hết sức nhốt đi. Thế là tôi đã đặt tên Việt cho chúng mặc dù tôi rất cău vì người Pháp thường xuyên đọc sai tên của tôi. Tôi hát cho chúng những bài ru con mà mẹ tôi đã hát cho tôi, tôi nấu đồ Việt. Và cũng như tôi từng gọi ông bà tôi trước đây, chúng cũng gọi ông bà chúng là ông ngoại và bà ngoại.

Hôm nay chúng khám phá đất nước của cha mẹ tôi. Chúng tôi bước cạnh nhau và chơi trò khớp bóng vào nhau, mẹ tôi, các con gái tôi và tôi, ba thế hệ hòa vào làm một. Trong những quán ăn hè phố, ngồi trên hai chiếc ghế đầu bé xíu bằng nhựa vừa đúng cỡ người của chúng, các con

gái tôi húp phở sệt soạt dưới ánh mắt âu yếm của cha mẹ tôi: “Chúng ăn như người Việt thật ấy nhỉ!”.

Và cuộc hành hương về Thủ Đức, những khu đất đã mất của gia đình mẹ tôi, trước đây mẹ thấy u sầu, vậy mà hôm nay bỗng trở nên vui nhộn. Mẹ tôi rung rinh vì hạnh phúc được nói tiếng Việt, uống nước mía và tự hào chỉ cho chúng tôi những con đường của làng quê mình, những cánh đồng, những ruộng lúa trước đây đã từng thuộc về gia đình mẹ: “Nhà mình ngày xưa giàu quá, bà ngoại ơi!”, các con tôi reo lên thích thú.

Ở Sài Gòn, chúng tôi leo lên những cầu thang cuốn của Bitexco, biểu tượng cho sự đổi mới của đất nước, đó là một tòa nhà chọc trời bằng kính cực kỳ hiện đại quay lưng lại với quá khứ. Ở tầng thứ tư, có một food center mênh mông và chúng tôi thỏa thích món mì xào.

OMMUAI

P_{F1}: Con gái 1

PF2: Con gái 2

PF1: Nhật ký thân mến, chúng tôi đang ở Việt Nam cùng tất cả gia đình. Nghĩa là mẹ, các dì, Ommuai, Bammuai và cả bố cũng vừa đến. Bình thường viết là ông ngoại và bà ngoại, nhưng tôi không hiểu chính tả của những từ ấy, vì nói là ommuai mà tại sao lại viết là “ông ngoại”?

PF2: Ommuai rất vui ở Việt Nam vì ông có thể ăn nhiều món Việt. Ông không nói là ông vui vì ông luôn luôn theo kiểu “tôi không nói”, như thế từ lúc tôi mới sinh ra, thậm chí cả trước đấy. Ông chỉ nói “Oi Oi” khi ông nhìn thấy chúng tôi, vì ông quá vui. Mà tôi cũng thế, ở Việt Nam, tôi cũng không nói, vì tôi không hiểu người ta đang nói gì. Ommuai rất hiền. Ví dụ, ở Le Mans, ông xem vô tuyến với chúng tôi. Vì ông không nói nên ông không mắng chúng tôi như bố và mẹ, bố mẹ không muốn chúng tôi xem vô tuyến bao giờ. Và ông cũng không quấy rầy tôi như chị tôi, giá mà thỉnh thoảng chị ấy cũng không nói thì hay biết bao. Tôi bảo ông, ông ngoại ơi, cháu muốn xem kênh 121, đấy là kênh Piwi, có phim hoạt hình Pokemon và ông lúc nào cũng đồng ý. Tôi chắc chắn là ông cũng thích phim hoạt hình Pokemon. Ở Việt Nam, thật tiếc là không có kênh 121. Nhưng chị tôi và tôi được ngủ với mẹ, thế cũng tốt rồi.

PF1: Ommuai không nói nhưng vẽ rất đẹp. Ommuai bảo tôi là họa sĩ như ông. Ở Le Mans, tôi vẽ cùng ông và nhìn ông vẽ, với các loại bút lông và sơn dầu có mùi rất kỳ lạ, và ông cho tôi vải để tôi vẽ lên trên, thật là oách. Trong nhà ở Le Mans, bammuai treo rất nhiều tranh của ommuai và có cả tranh của tôi.

PF2: Pokemon, chúng cũng giống ông, chúng không nói. Trừ những con Pokemon thần thánh. Có một con nói được, nhưng thật ra nó nói bằng đầu.

Nó nói và vụt một cái, từ ngữ chui thẳng vào não của bạn. Ommuai hẳn là biết làm như vậy, mà tôi, tôi cũng hiểu ông. Thỉnh thoảng ông nói với tôi trong não tôi rằng ông bị khát, thế là tôi nghe thấy, đó là thần giao cách cảm. Đúng rồi, đúng rồi, tôi đi lấy cho ông một ly nước, đưa cho ông, và ông cực kỳ vui, bởi tôi là người duy nhất nghe thấy điều ông vừa nói trong đầu.

PF1: Ông khác của tôi, đó là ông nội, ông cũng ít nói lắm. Nhất là sau khi bà nội qua đời. Trước đây, ông nội nói nhiều hơn nhiều. Có thể khi về già thì người ta nói ít đi? Người ta trở nên nhăn nhéo như vỏ cây mà cây cối thì có nói bao giờ đâu. Hoặc người ta buồn vì nhớ tất cả những người đã chết ấy? Tôi nhận thấy một điều là trẻ con nói lắm. Em gái tôi chẳng hạn, nó nói suốt ngày, mệt khủng khiếp. Tôi nói ít hơn. Tôi lớn rồi, bởi vậy.

CÁT

Biển ở xung quanh chúng tôi, biển liếm cát, biển thì thầm và mang đi những gì chưa bao giờ được nói ra.

Trong một tuần liền tôi im lặng. Tôi đợi để được đối diện với biển, biển xóa đi các lâu đài cát và bào mòn đá, một cách kiên nhẫn.

Chúng tôi mang cha tôi ra bãi biển. Chúng tôi đặt cha trên một chiếc ghế dài. Chúng tôi nhắc bên đùi bị liệt của cha lên, đặt gậy và mũ của cha xuống đất, cuộn áo sơ mi của cha thành gối dựa cho cha. Cha ngắm biển và các con gái tôi tóa nước vào nhau.

Tôi gọi cha. Tôi cầm điện thoại và cho cha xem ảnh của Thomas. Khuôn mặt cha bừng sáng. Cha nhận ra anh ấy. Người con trai riêng của cha. Miệng cha cười. Mắt cha cười. Cha thử nói với tôi. Tôi gật đầu, để cho cha biết rằng cha không cần phải nói gì với tôi cả. Lần duy nhất từ trước đến nay, giữa chúng tôi, ngôn từ không đến để đánh nhau.

Mẹ tôi ngồi cạnh tôi. Mẹ nhìn thấy hết. Nghe thấy hết. Nhưng không nói gì. Tôi nhìn gương mặt của hai người. Cha bình thản. Một giọt nước mắt chảy trên má mẹ. “Mẹ đã nghĩ rằng nếu không ai biết thì sẽ không sao”, mẹ nhắc lại. Một khi bí mật bị phá vỡ, tôi đợi bão tố nổ ra. Nhưng tôi không nghe thấy gì, chỉ hơi lớn hơn tiếng nổ của một bong bóng xà phòng. Tất cả chúng tôi đều ngạc nhiên trước sự yên tĩnh này. Cuối cùng, chẳng có gì xảy ra. Không có thảm họa nào.

Chúng tôi cùng mẹ tôi giúp cha tôi đi xuống nước. Chúng tôi buộc một chiếc phao vào người cha. Cha có thể bơi. Trút một tiếng thở dài khoan khoái. Cơ thể bị liệt của cha trở nên nhẹ tênh trên mặt biển. Cha

nổi. Chúng tôi té nước để cho cha mát. Cha đập chân và chúng tôi nghĩ rằng chiếc đùi bị liệt của cha cũng đang động đây.

Các con gái tôi thử xây đập bằng cát, nhưng cát quá ẩm, và bờ đập cứ lùn mãi, vì bị nước biển nuốt. Chúng đào xuống. Trẻ con thường thích đào lỗ. Tôi còn nhớ câu chuyện kỳ lạ mà các con gái tôi rất thích. Một cậu bé đào một cái lỗ. Rồi nhiều lỗ. Cuối chuyện, nó bịt hết các lỗ lại. Đào lỗ, bới lên bí mật. Lấp lỗ, băng bó vết thương.

Trên bờ, những con cua mồi trong cũng đang cạo cát, một cách không mệt mỏi. Chúng đẩy một khối tròn nhỏ về phía biển, rồi chúng đào, rồi lại đẩy, và lại đào. Người ta gọi chúng là con dã tràng^[71].

Ngày xưa có một người đàn ông tên là Dã Tràng. Anh ta có một viên ngọc cho phép hiểu được tiếng nói của loài vật. Một hôm anh ta làm rơi viên ngọc vào đại dương. Tuyệt vọng, anh cố đổ cát lấp biển để tìm lại nó. Anh đào mãi, đào mãi, đẩy cát đi rồi lại đào, không ngừng nghỉ, và cuối cùng đã chết vì kiệt sức. Người ta nói rằng hàng nghìn con cua đang xe cát ra biển, từng hạt một, là hiện thân của linh hồn Dã Tràng. Tôi là một con dã tràng. Một hôm tôi làm thất lạc viên ngọc quý của mình. Và cùng với nó là thói cao ngạo khiến ta tưởng rằng ta có thể sống mà không mất bất cứ cái gì, hay bất cứ ai, có thể chạy mà nhắm mắt vẫn không bị đập đầu vào đâu.

Khi tôi còn bé, tôi mơ là có thể làm thời gian dừng lại, tôi đưa tay giữ những hạt cát đang chảy trong chiếc đồng hồ cát và hoảng sợ vì chúng cứ tiếp tục rơi. Giá như có thể ghi lại, chụp lại tất cả, ánh sáng vàng lộng lẫy của một chiều hoàng hôn, bầu trời xanh dưới những vòm lá mỏng như đăng-ten, niềm vui của những buổi sáng, sự trong trẻo của một nốt nhạc. Tôi đã thu bao nhiêu băng cát-xét, tôi đã ghi bao nhiêu quyển sổ... Tôi đã mất hết.

Lớn lên, tôi tiếp tục công việc tỉ mỉ này. Mù lửa đánh nhau với hư vô. Viết. Tôi đào xới và tôi chuyên chở câu chữ, như những hạt cát, từng hạt một. Đó là một công việc phi lý. Nhưng nó lại nuôi dưỡng tôi. An ủi

tôi. Những câu chữ, tôi sẽ truyền lại cho các con gái tôi. Và cùng với chữ, là lời của cha tôi, những người vắng mặt, những người đã chết, những người đã chết của tôi. Rồi những câu chữ ấy cũng sẽ bị xóa đi. Biển sẽ nuốt tất cả.

XIN GỬI LỜI CẢM ƠN ĐẾN

Sophie đã hết lòng để có cuốn sách này. Pauline đã đọc tận tình và nghe chăm chú.

Isabelle đã theo dõi ngay từ đầu câu chuyện khi nó còn chưa là gì cả (và không muốn là gì cả).

Jean-Claude đã động viên đầy khoan dung.

Tất cả ê-kíp của nhà xuất bản Iconoclaste đã làm việc một cách tuyệt vời, đặc biệt là Marie, Audrey, Hélène, Laure, Quintin, Véronique đã rất kiên nhẫn.

Tuần báo L'Obs đã chịu đựng những ám ảnh Việt Nam của tôi.

Tạp chí XXI đã đóng vai trò bất ngờ trong câu chuyện li kì này.

Thomas, đương nhiên rồi.

Các cô các bác của tôi.

Đồng bọn nhà Bùi, Bùi 2, Bùi 3, Bùi 4, Bùi 5: Bùi hôm nay và Bùi mãi mãi.

Cha mẹ tôi.

Và nhất là Benoît và các con gái tôi – những thi hứng Pokémon.

Chú Thích

[1] Thành phố nhỏ (145.000 dân) cách Paris 185 km về phía Tây Nam.

[2] Phim (2007) của Julian Schabel.

[3] Một loại xổ số lấy đồ.

[4] Georges Brassens (1921 – 1981): thi sĩ, ca sĩ, nhà soạn nhạc nổi tiếng của Pháp.

[5] Charles Beaudelaire (1821 – 1867): một trong những nhà thơ có ảnh hưởng lớn nhất của Pháp thế kỷ XIX, thuộc trường phái Tượng trưng chủ nghĩa.

[6] Tiếng Anh trong nguyên bản. Tạm dịch: Lạc trong ngôn ngữ lạ.

[7] Phim truyền hình nhiều tập của Mỹ, 1984 – 1994.

[8] Phim hài của Pháp với Louis de Funès, 1966.

[9] Chương trình trò chơi truyền hình của Pháp, 2001 – 2007.

[10] Chương trình truyền hình thực tế về âm nhạc của Pháp, 2001 – 2008.

[11] Phim truyền hình nhiều tập của Pháp, 1996 – 2008.

[12] Tuần báo Pháp về vô tuyến truyền hình, nội dung chủ yếu về hậu trường truyền thông và các nhân vật nổi tiếng của showbiz, số đầu tiên từ năm 1960.

[13] Tuần báo Pháp về văn hóa (chứ không chỉ vô tuyến truyền hình), số đầu tiên năm 1947.

[14] Phim truyền hình nhiều tập Mỹ, 1997 – 2003.

[15] Tiếng Pháp trong nguyên bản, lần lượt có nghĩa là: Chào. Chúc ngủ ngon. Bạn.

[16] Khám bệnh bằng phương pháp chụp cộng hưởng từ.

[17] Phát âm sai của từ “Calais” – phần bờ biển Pháp gần Anh nhất, rất hấp dẫn các di dân nước ngoài muốn nhập cư lậu vào Anh.

[18] Tiếng Anh trong nguyên bản, có nghĩa là: Calais? Đi đường này?

[19] Nữ văn sĩ Nhật sinh năm 1962.

[20] Dấu hiệu mà người Do Thái buộc phải đeo vào ngực để chỉ rõ nguồn gốc của mình, thời Đức chiếm đóng Pháp trong Thế chiến thứ hai.

[21] Nhật báo uy tín hàng đầu của Pháp.

[22] Tên gọi tắt của “Le Nouvel Observateur”, một tuần báo tin tức tả khuynh của Pháp.

[23] Nhân vật chính trong *Những cuộc phiêu lưu của Tintin*, bộ truyện tranh thuộc loại nổi tiếng nhất thế giới (bán được 230 triệu bản) của họa sĩ Bỉ Georges Rémy (Hergé) (1907 – 1983).

[24] Một nhân vật trong *Những cuộc phiêu lưu của Tintin*.

[25] Theo kinh Thánh, Giê-su đã biến thân thể mình thành bánh để con người ăn hàng ngày và suốt đời.

[26] Trong tiếng Pháp, phần màu đỏ gọi là màu vàng.

[27] Bộ tiểu thuyết của Marcel Proust (1871 – 1922), một trong những tác giả hàng đầu của thế kỷ XX, thường được coi như nhà văn đại diện cho văn chương Pháp.

[28] Bút danh của Sophie Rostopchin (1799 – 1874), văn sĩ Pháp gốc Nga.

[29] Nhà văn, thi sĩ Pháp (1888 – 1976), tác giả của nhiều tiểu thuyết và thơ, đề tài chủ yếu là vùng Provence (Nam Pháp).

[30] Nhà văn Pháp gốc Nga (1911 – 2007), chủ nhân giải Goncourt (1938) và thành viên Hàn lâm viện Pháp (1959), tác giả của hàng trăm tiểu thuyết gồm nhiều tiểu sử của các nhân vật quan trọng trong lịch sử và văn chương Pháp và Nga.

[31] Bác sĩ, thi sĩ, nhà văn người Pháp (1884 – 1966), tác giả của nhiều tiểu thuyết về số phận con người theo trường phái cổ điển và

nhân văn.

[32] Tên tập đầu tiên của bộ tiểu thuyết 10 tập (mỗi tập là một tiểu thuyết riêng biệt) có tên là *La chronique des Pasquier*, viết trong vòng 12 năm (1933 – 1945) của Georges Duhamel.

[33] Bộ tiểu thuyết gồm 8 tập của văn sĩ Pháp Roger Martin du Gard (1881 – 1958).

[34] Khu chung cư thuộc loại lớn nhất của quận 13 được coi như Chinatown của Paris.

[35] Publius Ovidius Naso, sinh năm 43 trước CN tại Trung Ý, tha hương ở Tomis, mất năm 17 hoặc 18 sau CN, nhà thơ viết bằng tiếng Latin, chứng kiến thời kỳ khai sinh của đế chế La Mã.

[36] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[37] Bài hát trẻ con của Pháp, có từ thế kỷ XVIII, được dịch ra rất nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới.

[38] Triết gia và văn sĩ Pháp gốc Rumania (1918 – 1995).

[39] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[40] Có lẽ là món tiết canh.

[41] Chú, bác hay cậu.

[42] Cô, bác hay dì.

[43] Tạp chí ra hàng tháng của Mỹ, kiểu cho mọi thành viên trong gia đình và những người không chuyên.

[44] Quán bánh nướng.

[45] Nhà văn Pháp (1840 – 1902).

[46] Tiếng Anh trong nguyên bản.

[47] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[48] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[49] Tiếng Hoa là Zhanjiang (Trạm Giang), thành phố cảng nằm trên bán đảo Lôi Châu của tỉnh Quảng Đông, từng là tô giới của Pháp (1900 –

1943).

[50] Tiếng Anh trong nguyên bản.

[51] Danh sách người Pháp di cư sang Mỹ bằng đường biển từ 1820 đến 1892.

[52] Nguyên bản trong tiếng Anh.

[53] Nội chiến Mỹ (1861 – 1865).

[54] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[55] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[56] Kinh Thiên chúa giáo.

[57] Kinh Thiên chúa giáo.

[58] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[59] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[60] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[61] Khái niệm topo cơ bản về một dải chỉ có một phía và một biên. Lúc đầu như một trò chơi xuất xứ từ một dải băng giấy (do Mobius công bố) được dán dính hai đầu sau khi lật ngược một đầu một hoặc hai lần. Về sau các nhà toán học nâng lên thành lý thuyết, lập công thức tính toán. Không chỉ vậy, lý thuyết về dải Mobius còn được ứng dụng vào thực tế trong các lĩnh vực như: kiến trúc, xây dựng... Ngạc nhiên hơn, dải Mobius còn được ứng dụng vào nghệ thuật, bao gồm: âm nhạc (Bach), hội họa (M.C. Escher), điêu khắc, kim hoàn, thủ công...

[62] Sách hướng dẫn du lịch bình dân.

[63] Georges Marchais (1920 – 1997): tổng bí thư đảng Cộng sản Pháp (1972 – 1994).

[64] Tiếng Anh trong nguyên bản.

[65] Một đảng cực tả Pháp.

[66] La France Black – Blanc – Beur.

[67] Làng (ở Israel) được tổ chức theo tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa.

[68] Tiếng Anh trong nguyên bản.

[69] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[70] Động từ tiếng Pháp có nghĩa là ma ám.

[71] Tiếng Việt trong nguyên bản.